



Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) – Chương trình Medicare-Medi-Cal

Danh Sách Thuốc Được Bao Trả năm 2026 (Danh Sách Thuốc hoặc Danh Mục Thuốc)

VUI LÒNG ĐỌC: TÀI LIỆU NÀY CHỨA THÔNG TIN VỀ CÁC THUỐC CHÚNG TÔI BAO TRẢ TRONG CHƯƠNG TRÌNH NÀY

Tệp Danh Mục Thuốc Được HPMS Phê Duyệt, ID Nộp 00026144, Số Hiệu Phiên Bản 10

Danh Sách Thuốc này được cập nhật vào ngày 04/01/2026

Để biết thêm thông tin mới nhất hoặc nếu có thắc mắc khác, hãy liên hệ với chúng tôi theo số (800) 665-3086, TTY: 711, ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai – Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m. theo giờ địa phương hoặc truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

04/01/2026

1

H303802FVI0426

Giới thiệu

Tài liệu này có tên là *Danh Sách Thuốc Được Bao Trả* (còn gọi là *Danh Sách Thuốc*). Tài liệu này cho quý vị biết chương trình của chúng tôi sẽ bao trả những loại thuốc nào. Ngoài ra, *Danh Sách Thuốc* này sẽ cho quý vị biết nếu có các quy tắc hoặc hạn chế đặc biệt đối với bất kỳ loại thuốc nào được chương trình của chúng tôi bao trả. Các thuật ngữ chính và định nghĩa xuất hiện ở chương cuối cùng trong *Sổ Tay Thành Viên*.

Mục lục

A. Tuyên Bố Miễn Trừ Trách Nhiệm.....	4
B. Câu Hỏi Thường Gặp (FAQ).....	11
B1. Thuốc theo toa nào có trong <i>Danh Sách Thuốc Được Bao Trả</i> ? (Chúng tôi gọi <i>Danh Sách Thuốc Được Bao Trả</i> một cách ngắn gọn là “ <i>Danh Sách Thuốc</i> ”).	11
B2. <i>Danh Sách Thuốc</i> có thay đổi không?	12
B3. Điều gì sẽ xảy ra khi có thay đổi đối với <i>Danh Sách Thuốc</i> ?	13
B4. Có bất kỳ hạn chế hoặc giới hạn nào về bao trả thuốc hoặc có cần thực hiện hành động nào để nhận được một số loại thuốc nhất định hay không?	14
B5. Làm sao tôi biết được thuốc tôi muốn có giới hạn hoặc có cần thực hiện hành động nào để nhận được thuốc hay không?	15
B6. Điều gì sẽ xảy ra nếu chương trình của chúng tôi thay đổi quy định về cách bao trả một số loại thuốc (ví dụ: phê duyệt trước, giới hạn số lượng và/hoặc các hạn chế liên quan đến liệu pháp từng bước)?.....	15
B7. Làm cách nào để tìm một loại thuốc trong <i>Danh Sách Thuốc</i> ?	16
B8. Nếu loại thuốc mà tôi muốn sử dụng không có trong <i>Danh Sách Thuốc</i> thì sao?.....	16
B9. Nếu tôi là thành viên mới của chương trình và không thể tìm thấy thuốc của mình trong <i>Danh Sách Thuốc</i> hoặc gặp vấn đề khi nhận thuốc, tôi cần làm gì?	16
B10. Tôi có thể yêu cầu một trường hợp ngoại lệ bao trả cho thuốc của mình hay không?	19
B11. Làm cách nào để yêu cầu một trường hợp ngoại lệ?.....	19



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

B12. Mất bao lâu để nhận được trường hợp ngoại lệ?.....	19
B13. Thuốc gốc là gì?	20
B14. Sinh phẩm ban đầu là gì và chúng có liên quan như thế nào đến các sản phẩm tương tự về sinh học?	20
B15. Chương trình có bao trả các sản phẩm OTC không phải thuốc hay không?	20
B16. Chương trình của chúng tôi có bao trả lượng thuốc theo toa dài hạn không?	20
B17. Tôi có thể yêu cầu giao thuốc theo toa từ nhà thuốc địa phương đến nhà mình không?	21
B18. Đồng thanh toán là gì?.....	21
C. Tổng quan về <i>Danh Sách Thuốc Được Bao Trả</i>	22
C1. Danh Sách Thuốc Theo Tình Trạng Bệnh.....	22
D. Danh Mục Thuốc Được Bao Trả	127



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

A. Tuyên Bố Miễn Trừ Trách Nhiệm

Đây là danh sách các loại thuốc mà thành viên có thể nhận theo chương trình của chúng tôi.

- ❖ Bất cứ lúc nào quý vị cũng có thể kiểm tra trên mạng *Danh Sách Thuốc Được Bao Trữ* mới nhất của chương trình tại trang web MolinaHealthcare.com/Medicare hoặc bằng cách gọi đến số (800) 665-3086, TTY: 711). Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí.
- ❖ Quý vị có thể nhận tài liệu này miễn phí ở các định dạng khác như bản in khổ lớn, chữ nổi Braille hoặc âm thanh. Hãy gọi đến số điện thoại ở chân trang của tài liệu này. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí.
- ❖ Molina Healthcare là một chương trình C-SNP, D-SNP và HMO với hợp đồng Medicare. Các chương trình D-SNP có hợp đồng với chương trình Medicaid của tiểu bang. Việc đăng ký tùy thuộc vào tình trạng gia hạn hợp đồng.
- ❖ Phân biệt đối xử là trái pháp luật. Molina Healthcare tuân thủ luật dân quyền của liên bang và tiểu bang. Molina Healthcare không phân biệt đối xử một cách bất hợp pháp, loại trừ mọi người hoặc đối xử với họ theo cách khác dựa trên giới tính, chủng tộc, màu da, tôn giáo, tổ tiên, nguồn gốc dân tộc, tuổi, khuyết tật về tinh thần hay thể chất, tình trạng bệnh lý, thông tin di truyền, tình trạng hôn nhân, bản sắc giới tính hoặc khuynh hướng tình dục.

Molina Healthcare cung cấp:

- Các dịch vụ và hỗ trợ miễn phí, kịp thời cho người khuyết tật để giúp họ giao tiếp tốt hơn, chẳng hạn như:
 - ✓ Phiên dịch viên ngôn ngữ ký hiệu có chuyên môn
 - ✓ Thông tin bằng văn bản ở các định dạng khác (chữ in khổ lớn, âm thanh, các định dạng điện tử có thể truy cập, các định dạng khác)
- Các dịch vụ ngôn ngữ miễn phí, kịp thời cho những người có ngôn ngữ chính không phải là tiếng Anh, chẳng hạn như:
 - ✓ Phiên dịch viên có chuyên môn
 - ✓ Thông tin viết bằng các ngôn ngữ khác

Nếu quý vị cần những dịch vụ này, hãy liên hệ với Molina Healthcare trong khoảng thời gian từ 7:00 a.m. đến 7:00 p.m. bằng cách gọi đến số 1-888-665-4627. Nếu quý vị có vấn đề về nghe nói, vui lòng gọi 711. Khi có yêu cầu, chúng tôi có thể cung cấp tài liệu này cho quý vị bằng chữ nổi braille, chữ in khổ lớn, băng cát-sét hoặc theo phương thức điện tử. Để nhận bản sao ở một trong các định dạng thay thế này, vui lòng gọi hoặc gửi thư đến:

Molina Healthcare
Civil Rights Coordinator



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

200 Oceangate, Suite 100
Long Beach, CA 90802

Qua điện thoại: 1-866-606-3889. Nếu quý vị có vấn đề về nghe nói, vui lòng gọi 711.

CÁCH NỘP ĐƠN KHIẾU NẠI

Nếu quý vị tin rằng Molina Healthcare đã không cung cấp các dịch vụ này hoặc phân biệt đối xử bất hợp pháp theo cách khác dựa trên giới tính, chủng tộc, màu da, tôn giáo, tổ tiên, nguồn gốc dân tộc, tuổi, khuyết tật về tinh thần hay thể chất, tình trạng bệnh lý, thông tin di truyền, tình trạng hôn nhân, bản sắc giới tính hoặc khuynh hướng tình dục, quý vị có thể nộp đơn khiếu nại cho Điều Phối Viên Dân Quyền của Molina Healthcare. Quý vị có thể nộp đơn khiếu nại qua điện thoại, bằng văn bản, trực tiếp hoặc theo phương thức điện tử:

- Qua điện thoại: Liên hệ với Điều Phối Viên Dân Quyền của Molina Healthcare trong khoảng thời gian từ 8:30 a.m. đến 5:30 p.m. bằng cách gọi đến số 1-866-606-3889. Hoặc, nếu quý vị có vấn đề về nghe nói, vui lòng gọi 711.
- Bằng văn bản: Điền vào mẫu đơn khiếu nại hoặc viết thư và gửi đến:
Molina Healthcare
Civil Rights Coordinator
200 Oceangate, Suite 100
Long Beach, CA 90802
- Trực tiếp: Ghé thăm văn phòng bác sĩ hoặc Molina Healthcare và cho biết là quý vị muốn nộp khiếu nại.
- Qua phương thức điện tử: Gửi email đến địa chỉ civil.rights@molinahealthcare.com. Quý vị cũng có thể truy cập trang web của Molina Healthcare tại **Error! Hyperlink reference not valid.**

OFFICE OF CIVIL RIGHTS (VĂN PHÒNG PHỤ TRÁCH VẤN ĐỀ DÂN QUYỀN) – CALIFORNIA DEPARTMENT OF HEALTH CARE SERVICES (CƠ QUAN DỊCH VỤ CHĂM SÓC SỨC KHỎE TIỂU BANG CALIFORNIA)

Quý vị cũng có thể nộp đơn khiếu nại về dân quyền với Office of Civil Rights (Văn Phòng Phụ Trách Vấn Đề Dân Quyền) thuộc California Department of Health Care Services (Cơ Quan Dịch Vụ Chăm Sóc Sức Khỏe Tiểu Bang California) qua điện thoại, bằng văn bản hoặc theo phương thức điện tử:

- Qua điện thoại: Gọi số 916-440-7370. Nếu quý vị có vấn đề về nghe nói, vui lòng gọi 711 (Telecommunications Relay Service - Dịch vụ chuyển tiếp viễn thông).
- Bằng văn bản: Điền vào mẫu đơn khiếu nại hoặc gửi thư đến:
Deputy Director, Office of Civil Rights



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Department of Health Care Services
Office of Civil Rights
P.O. Box 997413
Sacramento, CA 95899-7413
Mẫu đơn khiếu nại có tại http://www.dhcs.ca.gov/Pages/Language_Access.aspx.

- Qua phương thức điện tử: Gửi email đến địa chỉ CivilRights@dhcs.ca.gov.

**OFFICE OF CIVIL RIGHTS (VĂN PHÒNG PHỤ TRÁCH VẤN ĐỀ DÂN QUYỀN) – U.S.
DEPARTMENT OF HEALTH CARE SERVICES (BỘ Y TẾ VÀ DỊCH VỤ NHÂN SINH HOA KỲ)**

Nếu tin rằng mình đã bị phân biệt đối xử dựa trên chủng tộc, màu da, nguồn gốc quốc gia, tuổi tác, tình trạng khuyết tật hoặc giới tính, quý vị có thể nộp đơn khiếu nại về dân quyền cho U.S. Department of Health and Human Services (Bộ Y Tế và Dịch Vụ Nhân Sinh Hoa Kỳ), Office for Civil Rights (Văn Phòng Phụ Trách Vấn Đề Dân Quyền) qua điện thoại, bằng văn bản hoặc theo phương thức điện tử:

- Qua điện thoại: Gọi số 1-800-368-1019. Nếu quý vị có vấn đề về nghe nói, vui lòng gọi TTY/TDD: 1-800-537-7697.
- Bằng văn bản: Điền vào mẫu đơn khiếu nại hoặc gửi thư đến:
U.S. Department of Health and Human Services
200 Independence Avenue, SW
Room 509F, HHH Building
Washington, D.C 20201
Mẫu đơn khiếu nại có tại <http://www.hhs.gov/ocr/office/file/index.html>.
- Qua phương thức điện tử: Truy cập Cổng Thông Tin Khiếu Nại của Office for Civil Rights (Văn Phòng Phụ Trách Vấn Đề Dân Quyền) tại địa chỉ <https://ocrportal.hhs.gov/ocr/portal/lobby.jsf>

❖ *Tài liệu này được cung cấp miễn phí bằng tiếng Ả Rập, tiếng Armenia, tiếng Campuchia, tiếng Trung, tiếng Ba Tư, tiếng Hmong, tiếng Hàn, tiếng Lào, tiếng Nga, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Tagalog và tiếng Việt.*

Thông Báo Về Việc Cung Cấp Các Dịch Vụ Hỗ Trợ Ngôn Ngữ cũng như Các Dịch Vụ và Trợ Giúp Phụ Trợ

English

ATTENTION: If you need help in your language call 1-800-665-0898 (TTY: 711). Aids and services for people with disabilities, like documents in braille and large print, are also available. Call 1-800-665-0898 (TTY: 711). These services are free of charge.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

العربية (Arabic)

يرجى الانتباه: إذا احتجت إلى المساعدة بلغتك، فاتصل بـ 1-800-665-0898، (وبالنسبة لمستخدمي الهاتف النصي TTY: يمكنهم الاتصال على 1-800-665-0898). تتوفر أيضًا المساعدات والخدمات للأشخاص ذوي الإعاقة، مثل المستندات المكتوبة بطريقة بريـل والخط الكبير، اتصل بـ 1-800-665-0898 (وبالنسبة لمستخدمي الهاتف النصي TTY: يمكنهم الاتصال على 711). هذه الخدمات مجانية.

Հայերեն (Armenian)

ՈՒՇԱԴՐՈՒԹՅՈՒՆ. Եթե ձեզ հարկավոր է աջակցություն ձեր լեզվով, ապա զանգահարեք 1-800-665-0898 (711) հեռախոսահամարով: Հաշմանդամություն ունեցող անձանց համար գործում են նաև օժանդակ միջոցներ ու ծառայություններ, օրինակ՝ Բրայլի գրատիպով ու խոշոր տպատառով տրամադրվող նյութեր: Այս դեպքում զանգահարեք 1-800-665-0898 (711) հեռախոսահամարով: Ծառայությունները գործում են անվճար:

ខ្មែរ (Cambodian)

ចំណាំ: បើអ្នកត្រូវការជំនួយជាភាសាសំឡេងសម្រាប់អ្នកសូមទូរសព្ទទៅលេខ 1-800-665-0898 (TTY: 711)។ ជំនួយនិងសេវាកម្មសម្រាប់ជនពិការ ដូចជាឯកសារសរសេរជាអក្សរផុសសម្រាប់ជនពិការភ្នែក ឬឯកសារសរសេរជាអក្សរពុម្ពធំ ក៏អាចរកបានផងដែរ។ ទូរសព្ទមកលេខ 1-800-665-0898 (TTY: 711)។ សេវាកម្មទាំងនេះមិនគិតថ្លៃឡើយ។

简体中文 (Chinese)

请注意：如果您需要以您的语言提供帮助，请致电 1-800-665-0898 (711)。另外还提供针对残疾人士的辅助工具和服务，例如盲文文件和大数据文件。请致电 1-800-665-0898 (711)。这些服务均免费提供。

فارسی (Farsi)

توجه: اگر می‌خواهید به زبان خود راهنمایی دریافت کنید، با (711) 1-800-665-0898 تماس بگیرید. کمکها و خدمات مخصوص افراد دارای معلولیت، مانند نسخه‌هایی با خط بریل و چاپ درشت، نیز موجود است. با (711) 1-800-665-0898 تماس بگیرید. این خدمات رایگان ارائه می‌شوند.

हिंदी (Hindi)

ध्यान दें: अगर आपको अपनी भाषा में सहायता की आवश्यकता है तो 1-800-665-0898 (TTY: 711) पर कॉल करें। अशक्तता वाले लोगों के लिए सहायता और सेवाएं, जैसे ब्रेल और बड़े प्रिंट में भी दस्तावेज़ उपलब्ध हैं। 1-800-665-0898 (TTY: 711) पर कॉल करें। ये सेवाएं निशुल्क हैं।

Hmoob (Hmong)

CEEB TOOM: Yog koj xav tau kev pab txhais koj hom lus hu rau 1-800-665-0898 (TTY: 711). Tsis tas li ntawd, kuj tseem muaj cov kev pab txhawb thiab kev pab cuam rau cov neeg xiam oob qhab, xws li cov ntawv su thiab luam tawm ua tus ntawv loj. Hu rau 1-800-665-0898 (TTY: 711). Cov kev pab cuam no yog pab dawb xwb.

日本語 (Japanese)



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

注記：日本語での対応が必要な場合は 1-800-665-0898 (711) までお電話ください。点字の資料や文字の拡大表示など、障がいをお持ちの方のためのサービスもご用意しております。1-800-665-0898 (711)までお電話ください。これらのサービスは無料です

한국어 (Korean)

알림: 귀하의 언어로 도움을 받고 싶으시면 1-800-665-0898 (711)번으로 전화하십시오. 점자나 큰 활자로 된 문서와 같이 장애가 있는 분들을 위한 지원 및 서비스도 이용하실 수 있습니다. 1-800-665-0898 (711)번으로 전화하십시오. 이러한 서비스는 무료로 제공됩니다.

ພາສາລາວ (Laotian)

ປະກາດ: ຖ້າທ່ານຕ້ອງການຄວາມຊ່ວຍເຫຼືອເປັນພາສາຂອງທ່ານໃຫ້ໃຫ້ທ່ານ 1-800-665-0898 (711). ນອກນີ້ຍັງມີຄວາມຊ່ວຍເຫຼືອ ແລະ ການບໍລິການສໍາລັບຄົນເສຍພາບ ເຊັ່ນ: ເອກະສານທີ່ເປັນອັກສອນນູນ ແລະ ມີໂຕຮ່າງໃຫຍ່ ໃຫ້ໃຫ້ທ່ານ 1-800-665-0898 (711). ການບໍລິການເຫຼົ່ານີ້ແມ່ນຟຣີ.

Mien

LONGC HNYOUV JANGX LONGX OC: Beiv taux meih qiex longc mienh tengx faan benx meih nyei waac nor douc waac daaih lorx taux 1-800-665-0898 (TTY: 711). Liouh lorx jauv-louc tengx aengx caux nzie gong bun taux ninh mbuo wuaaic fangx mienh, beiv taux longc benx nzangc-pokc bun hlou mbiutc aengx caux aamz mborqv benx domh sou se mbenc nzoih bun longc. Douc waac daaih lorx 1-800-665-0898 (TTY: 711). Naaiv deix nzie weih gong-bou jauv-louc se benx wang-henh tengx mv zuqc cuotv nyaanh oc.

ਪੰਜਾਬੀ (Punjabi)

ਪਿਆਰ ਦਿਓ: ਜੇ ਤੁਹਾਨੂੰ ਆਪਣੀ ਭਾਸ਼ਾ ਵਿੱਚ ਮਦਦ ਦੀ ਲੋੜ ਹੈ ਤਾਂ 1-800-665-0898 (TTY: 711) 'ਤੇ ਕਾਲ ਕਰੋ। ਅਪਾਰਜ ਲੋਕਾਂ ਲਈ ਸਹਾਇਤਾ ਅਤੇ ਸੇਵਾਵਾਂ, ਜਿਵੇਂ ਕਿ ਬ੍ਰੇਲ ਅਤੇ ਮੋਟੀ ਛਪਾਈ ਵਿੱਚ ਦਸਤਾਵੇਜ਼, ਵੀ ਉਪਲਬਧ ਹਨ। 1-800-665-0898 (TTY: 711) 'ਤੇ ਕਾਲ ਕਰੋ। ਇਹ ਸੇਵਾਵਾਂ ਮੁਫਤ ਹਨ।

Русский (Russian)

ВНИМАНИЕ! Если вам нужна помощь на вашем родном языке, звоните по номеру 1-800-665-0898 (TTY: 711). Также предоставляются средства и услуги для людей с ограниченными возможностями, например документы крупным шрифтом или шрифтом Брайля. Звоните по номеру 1-800-665-0898 (TTY: 711). Такие услуги бесплатны.

Español (Spanish)

ATENCIÓN: si necesita ayuda en su idioma, llame al 1-800-665-0898 (TTY: 711). También ofrecemos asistencia y servicios para personas con discapacidades, como documentos en braille y con letras grandes. Llame al 1-800-665-0898 (TTY: 711). Estos servicios son gratuitos.

Tagalog (Filipino)

ATENSIYON: Kung kailangan mo ng tulong sa iyong wika, tumawag sa 1-800-665-0898 (TTY: 711). Mayroon ding mga tulong at serbisyo para sa mga taong may kapansanan, tulad ng mga dokumento sa braille at malaking print. Tumawag sa



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

1-800-665-0898 (TTY: 711). Libre ang mga serbisyong ito.

ภาษาไทย (Thai)

โปรดทราบ: หากคุณต้องการความช่วยเหลือเป็นภาษาของคุณ กรุณาโทรศัพท์ไปที่หมายเลข 1-800-665-0898 (711) นอกจากนี้ ยังพร้อมให้ความช่วยเหลือและบริการต่าง ๆ สำหรับบุคคลที่มีความพิการ เช่น เอกสารต่าง ๆ ที่เป็นอักษรเบรลล์และเอกสารที่พิมพ์ด้วยตัวอักษรขนาดใหญ่ กรุณาโทรศัพท์ไปที่หมายเลข 1-800-665-0898 (711) ไม่มีค่าใช้จ่ายสำหรับบริการเหล่านี้

Українська (Ukrainian)

УВАГА! Якщо вам потрібна допомога вашою рідною мовою, телефонуйте на номер 1-800-665-0898 (TTY: 711). Люди з обмеженими можливостями також можуть скористатися допоміжними засобами й послугами, наприклад отримати документи, надруковані шрифтом Брайля та великим шрифтом. Телефонуйте на номер 1-800-665-0898 (TTY: 711). Ці послуги безкоштовні.

Tiếng Việt (Vietnamese)

CHÚ Ý: Nếu quý vị cần trợ giúp bằng ngôn ngữ của mình, vui lòng gọi số 1-800-665-0898 (TTY: 711). Chúng tôi cũng hỗ trợ và cung cấp các dịch vụ dành cho người khuyết tật, như tài liệu bằng chữ nổi Braille và chữ khổ lớn (chữ hoa). Vui lòng gọi số 1-800-665-0898 (TTY: 711). Các dịch vụ này đều miễn phí.

Ngôn ngữ khác

Bạn có thể nhận miễn phí *Sổ Tay Thành Viên* này và các tài liệu chương trình bằng các ngôn ngữ khác. Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) cung cấp bản dịch ở dạng văn bản do các biên dịch viên có trình độ dịch. Hãy gọi số (800) 665-3086 (TTY: 711). Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. Hãy đọc *Sổ Tay Thành Viên* này để tìm hiểu thêm về các dịch vụ hỗ trợ ngôn ngữ của chương trình chăm sóc sức khỏe, chẳng hạn như dịch vụ phiên dịch và dịch thuật.

Các định dạng khác



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Quý vị có thể nhận được thông tin này một cách kịp thời ở các định dạng khác như chữ nổi braille, bản in khổ chữ lớn cỡ 20, âm thanh và các định dạng điện tử có thể truy cập (CD dữ liệu) mà không mất phí. Hãy gọi số (800) 665-3086 (TTY: 711). Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí.

Dịch vụ phiên dịch

Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) cung cấp dịch vụ thông dịch lời nói và ngôn ngữ ký hiệu do phiên dịch viên có trình độ thực hiện, hoàn toàn miễn phí và phục vụ 24/24 giờ. Quý vị không phải nhờ thành viên gia đình hoặc bạn bè làm phiên dịch. Chúng tôi không khuyến khích sử dụng trẻ vị thành niên làm phiên dịch viên, trừ khi đó là trường hợp khẩn cấp. Dịch vụ phiên dịch, ngôn ngữ và các dịch vụ liên quan đến văn hóa luôn được cung cấp miễn phí. Chúng tôi sẵn sàng trợ giúp 24 giờ/ngày, 7 ngày/tuần. Để được trợ giúp về ngôn ngữ hoặc nhận sổ tay này bằng một ngôn ngữ khác, hãy gọi số (800) 665-3086 (TTY: 711). Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

- ❖ Quý vị có thể yêu cầu chúng tôi luôn gửi thông tin cho quý vị bằng ngôn ngữ hoặc định dạng mà quý vị cần. Đây gọi là yêu cầu cố định. Hãy gọi số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai – Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m. theo giờ địa phương. Người đại diện của bộ phận Dịch Vụ Thành Viên có thể giúp quý vị thực hiện hoặc thay đổi một yêu cầu cố định. Chúng tôi sẽ theo dõi yêu cầu cố định của quý vị, vì vậy quý vị không cần phải thực hiện các yêu cầu riêng biệt mỗi khi chúng tôi gửi cho quý vị thông tin.

B. Câu Hỏi Thường Gặp (FAQ)

Mục FAQ giúp quý vị tìm câu trả lời cho những câu hỏi về *Danh Sách Thuốc Được Bao Trữ (Danh Sách Thuốc)* này. Quý vị có thể đọc toàn bộ mục FAQ để tìm hiểu thêm hoặc tìm câu hỏi và câu trả lời cụ thể.

B1. Thuốc theo toa nào có trong *Danh Sách Thuốc Được Bao Trữ*? (Chúng tôi gọi *Danh Sách Thuốc Được Bao Trữ* một cách ngắn gọn là “*Danh Sách Thuốc*”.)

Các loại thuốc trong *Danh Sách Thuốc* bắt đầu từ **Mục C1** là các loại thuốc do Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) bao trả. Thuốc có bán ở các nhà thuốc trong mạng lưới của chúng tôi. Một nhà thuốc sẽ thuộc mạng lưới của chúng tôi nếu chúng tôi có thỏa thuận hợp tác với họ để họ cung cấp cho quý vị các dịch vụ. Chúng tôi gọi những nhà thuốc này là “nhà thuốc trong mạng lưới”.

Các loại thuốc khác, chẳng hạn như một số loại thuốc không theo toa (OTC) và một số loại vitamin nhất định, có thể do Medi-Cal Rx bao trả. Vui lòng truy cập trang web của Medi-Cal Rx (www.medi-calrx.dhcs.ca.gov) để biết thêm thông tin. Quý vị cũng có thể gọi đến Trung Tâm Dịch Vụ Khách Hàng của Medi-Cal Rx theo số 800-977-2273. Vui lòng mang theo Thẻ Nhận Dạng Người Thụ Hưởng Medi-Cal (BIC) của quý vị khi nhận thuốc theo toa thông qua Medi-Cal Rx

- Chương trình của chúng tôi sẽ bao trả toàn bộ thuốc cần thiết về mặt y tế trong *Danh Sách Thuốc* nếu:
 - bác sĩ hoặc bác sĩ kê toa khác của quý vị cho biết quý vị cần các loại thuốc này để hồi phục hoặc giữ sức khỏe,
 - Chương trình của chúng tôi đồng ý rằng loại thuốc đó là cần thiết về mặt y tế đối với quý vị, **và**



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

- quý vị mua thuốc theo toa tại nhà thuốc thuộc mạng lưới của chương trình.
- Để có được một loại thuốc, đôi khi quý vị phải thực hiện một thủ tục nào đó trước đây. Vui lòng tham khảo câu hỏi B4 để biết thêm thông tin.

Quý vị cũng có thể tìm thấy danh sách thuốc mới nhất mà chúng tôi bao trả trên trang web của chúng tôi tại MolinaHealthcare.com/Medicare hoặc gọi cho Dịch Vụ Thành Viên theo số điện thoại ở chân trang của tài liệu này.

B2. Danh Sách Thuốc có thay đổi không?

Có, và chương trình của chúng tôi phải tuân theo các quy định của Medicare và Medi-Cal khi thực hiện thay đổi. Trong năm, chúng tôi có thể thêm hoặc bớt thuốc trong *Danh Sách Thuốc*.

Chúng tôi cũng có thể thay đổi quy định về thuốc. Ví dụ, chúng tôi có thể:

- Quyết định yêu cầu hoặc không yêu cầu phê duyệt trước một loại thuốc. (Phê duyệt trước là sự cho phép từ chương trình của chúng tôi trước khi quý vị có thể nhận thuốc).
- Thêm hoặc thay đổi lượng thuốc quý vị có thể nhận được (gọi là giới hạn số lượng).
- Thêm hoặc thay đổi các giới hạn liều pháp từng bước cho một loại thuốc. (Liều pháp từng bước có nghĩa là quý vị phải thử một loại thuốc trước khi chúng tôi bao trả cho một loại thuốc khác).

Để biết thêm thông tin về các quy tắc thuốc này, hãy tham khảo câu hỏi B4.

Nếu quý vị nhận thuốc đã được bao trả vào **đầu** năm, thì thường chúng tôi sẽ không loại bỏ hoặc thay đổi việc bao trả thuốc đó **trong suốt phần còn lại của năm**, trừ khi:

- một loại thuốc mới, rẻ hơn sẽ xuất hiện trên thị trường cũng có hiệu quả như loại thuốc hiện có trong *Danh Sách Thuốc*, hoặc
- chúng tôi biết rằng thuốc không an toàn, hoặc
- thuốc được loại bỏ khỏi thị trường.

Câu hỏi B3 và B6 dưới đây cung cấp thêm thông tin về những điều sẽ xảy ra khi *Danh Sách Thuốc* thay đổi.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

- Bất cứ lúc nào quý vị cũng có thể kiểm tra trên mạng *Danh Sách Thuốc* cập nhật của chương trình tại MolinaHealthcare.com/Medicare. Thông tin cập nhật về *Danh Sách Thuốc* được đăng trên trang web này hằng tháng.
- Bạn cũng có thể gọi đến Dịch Vụ Thành Viên theo số điện thoại ở chân trang tài liệu này để kiểm tra *Danh Sách Thuốc* hiện tại.

B3. Điều gì sẽ xảy ra khi có thay đổi đối với *Danh Sách Thuốc*?

Một số thay đổi đối với *Danh Sách Thuốc* sẽ xảy ra **ngay lập tức**. Ví dụ:

- **Thay thế một số phiên bản thuốc mới.** Chúng tôi có thể xóa ngay lập tức các loại thuốc khỏi *Danh sách thuốc* nếu chúng tôi thay thế chúng bằng một số phiên bản mới của loại thuốc đó, nhưng chi phí cho loại thuốc mới của quý vị sẽ vẫn là \$0. . Khi thêm một phiên bản thuốc mới, chúng tôi cũng có thể quyết định giữ lại thuốc chính hiệu hoặc sinh phẩm ban đầu trên danh sách nhưng thay đổi quy tắc hoặc giới hạn bao trả cho loại thuốc đó.
 - Chúng tôi có thể không cho quý vị biết trước khi thực hiện thay đổi này, nhưng chúng tôi sẽ gửi cho quý vị thông tin về thay đổi cụ thể mà chúng tôi đã thực hiện khi thay đổi xảy ra.
 - Chúng tôi chỉ có thể thực hiện những thay đổi này nếu loại thuốc mà chúng tôi bổ sung:
 - là một phiên bản thuốc gốc mới của một loại thuốc chính hiệu, hoặc
 - là phiên bản mới tương tự về sinh học của sinh phẩm ban đầu trên *Danh Sách Thuốc* (ví dụ: bổ sung một loại thuốc tương tự về sinh học có thể thay thế cho sinh phẩm gốc mà không cần một đơn thuốc mới).
 - Một vài loại thuốc trong số này có thể mới với quý vị. Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo **Mục B14**.
 - Quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị có thể yêu cầu ngoại lệ từ những thay đổi này. Chúng tôi sẽ gửi thông báo cho quý vị cùng với các bước quý vị có thể thực hiện để yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Vui lòng tham khảo câu hỏi B10 đến B12 để biết thêm thông tin về trường hợp ngoại lệ.
- **Loại bỏ các loại thuốc không an toàn và những loại thuốc khác bị rút khỏi thị trường.** Đôi khi một loại thuốc có thể bị phát hiện là không an toàn hoặc bị rút khỏi thị trường vì lý do khác. Nếu điều này xảy ra, chúng tôi có thể ngay lập tức xóa thuốc đó



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

khỏi *Danh Sách Thuốc*. Nếu quý vị đang dùng thuốc này, chúng tôi sẽ gửi cho quý vị thông báo sau khi thực hiện thay đổi. Hãy trao đổi với bác sĩ hoặc người kê toa khác để tìm giải pháp thay thế an toàn cho quý vị.

Chúng tôi có thể thực hiện những thay đổi khác ảnh hưởng đến thuốc mà quý vị sử dụng. Chúng tôi sẽ thông báo trước cho quý vị về những thay đổi khác mà chúng tôi thực hiện với *Danh Sách Thuốc*. Những thay đổi này có thể xảy ra khi:

- Tổ chức FDA cung cấp hướng dẫn mới hoặc có hướng dẫn lâm sàng mới về một loại thuốc.
- Chúng tôi xóa một loại thuốc chính hiệu khỏi *Danh Sách Thuốc* khi thêm một loại thuốc gốc đã quen thuộc với thị trường, hoặc
- chúng tôi xóa một sinh phẩm ban đầu khi thêm một loại tương tự về sinh học hoặc
- chúng tôi thay đổi quy tắc hoặc giới hạn bao trả của thuốc chính hiệu.

Khi những thay đổi này xảy ra, chúng tôi sẽ:

- thông báo cho quý vị ít nhất 30 ngày trước khi chúng tôi thực hiện thay đổi đối với *Danh Sách Thuốc* hoặc
- thông báo cho quý vị biết và cung cấp cho quý vị lượng thuốc dùng trong 31 ngày sau khi quý vị yêu cầu mua thêm thuốc.

Điều này sẽ cho quý vị thời gian trao đổi với bác sĩ của mình hoặc người kê toa khác. Họ có thể giúp quý vị quyết định:

- liệu có một loại thuốc tương tự trong *Danh Sách Thuốc* mà quý vị có thể sử dụng thay thế hoặc
- có cần yêu cầu một trường hợp ngoại lệ với những thay đổi này hay không. Để tìm hiểu thêm về trường hợp ngoại lệ, hãy tham khảo các câu hỏi từ B10 đến B12.

B4. Có bất kỳ hạn chế hoặc giới hạn nào về bao trả thuốc hoặc có cần thực hiện hành động nào để nhận được một số loại thuốc nhất định hay không?

Có, một số loại thuốc có quy định hoặc có giới hạn bao trả cho lượng thuốc mà quý vị có thể nhận được. Trong một số trường hợp, quý vị hoặc bác sĩ của quý vị hay một người kê toa khác phải thực hiện một số thủ tục nào đó thì quý vị mới có thể nhận thuốc. Ví dụ:



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

- **Phê duyệt trước:** Đối với một số thuốc, quý vị hoặc bác sĩ của quý vị hay một người kê toa khác phải được chương trình của chúng tôi phê duyệt trước khi quý vị mua thuốc theo toa. Phê duyệt trước khác với giấy giới thiệu. Chương trình của chúng tôi có thể không bao trả thuốc nếu quý vị không được phê duyệt trước.
- **Giới hạn số lượng:** Đôi khi chương trình của chúng tôi hạn chế lượng thuốc mà quý vị có thể nhận.
- **Liệu pháp từng bước:** Đôi khi chương trình của chúng tôi yêu cầu quý vị thực hiện liệu pháp từng bước. Điều này có nghĩa là quý vị sẽ phải dùng thuốc theo một thứ tự nhất định cho tình trạng bệnh của quý vị. Quý vị có thể phải thử một loại thuốc trước khi chúng tôi bao trả một loại thuốc khác. Nếu bác sĩ kê toa của quý vị cho rằng loại thuốc đầu tiên không phù hợp với quý vị thì chúng tôi sẽ bao trả loại thuốc thứ hai.

Quý vị có thể xem các bảng trong **Mục C1** để tìm hiểu xem thuốc của quý vị có các yêu cầu hoặc giới hạn bổ sung nào hay không. Quý vị cũng có thể biết thêm thông tin bằng cách truy cập trang web của chúng tôi tại MolinaHealthcare.com/Medicare. Chúng tôi đã đăng các tài liệu trực tuyến giải thích về các yêu cầu phê duyệt trước và những hạn chế liên quan đến liệu pháp từng bước. Quý vị cũng có thể yêu cầu chúng tôi gửi cho quý vị một bản sao.

Quý vị có thể yêu cầu một trường hợp ngoại lệ đối với những giới hạn này. Điều này sẽ cho quý vị thời gian trao đổi với bác sĩ của mình hoặc người kê toa khác. Bác sĩ đó có thể giúp quý vị quyết định xem có loại thuốc tương tự nào trong *Danh Sách Thuốc* mà quý vị có thể sử dụng thay thế hay có cần yêu cầu một trường hợp ngoại lệ hay không. Hãy tham khảo các câu hỏi từ B10 đến B12 để biết thêm thông tin về các trường hợp ngoại lệ.

B5. Làm sao tôi biết được thuốc tôi muốn có giới hạn hoặc có cần thực hiện hành động nào để nhận được thuốc hay không?

Bảng trong mục “Danh Sách Thuốc Theo Tình Trạng Bệnh” có một cột có nhãn “Hành động cần thiết, hạn chế hoặc giới hạn khi sử dụng”.

B6. Điều gì sẽ xảy ra nếu chương trình của chúng tôi thay đổi quy định về cách bao trả một số loại thuốc (ví dụ: phê duyệt trước, giới hạn số lượng và/hoặc các hạn chế liên quan đến liệu pháp từng bước)?

Trong một số trường hợp, chúng tôi sẽ thông báo trước cho quý vị nếu chúng tôi thêm hoặc thay đổi các yêu cầu về phê duyệt trước, giới hạn số lượng và/hoặc các hạn chế liên quan đến liệu pháp từng bước đối với một loại thuốc. Hãy tham khảo câu hỏi B3 để biết thêm thông tin về thông báo trước này và các tình huống mà chúng tôi có thể sẽ không thông báo trước cho quý vị khi thay đổi các quy định về thuốc trong *Danh Sách Thuốc*.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

B7. Làm cách nào để tìm một loại thuốc trong *Danh Sách Thuốc*?

Có hai cách để tìm một loại thuốc:

- quý vị có thể tìm kiếm theo thứ tự bảng chữ cái **hoặc**
- quý vị có thể tìm kiếm theo tình trạng bệnh.

Để tìm kiếm theo thứ tự **bảng chữ cái**, hãy tìm thuốc của quý vị trong phần Danh Mục Thuốc Được Bao Trả. Quý vị có thể tìm thấy thông tin này trong **Mục D**.

Để tìm kiếm **theo tình trạng bệnh**, hãy tìm **Mục C1** có tên là “Danh Sách Thuốc Theo Tình Trạng Bệnh”. Các loại thuốc trong mục này được phân loại thành các nhóm tùy thuộc vào loại tình trạng bệnh mà chúng được sử dụng để điều trị. Ví dụ: nếu bị bệnh tim, quý vị nên tìm trong danh mục Tim mạch. Đó là nơi quý vị sẽ tìm thấy thuốc điều trị tình trạng bệnh về tim.

B8. Nếu loại thuốc mà tôi muốn sử dụng không có trong *Danh Sách Thuốc* thì sao?

Nếu quý vị không tìm thấy thuốc của mình trong *Danh Sách Thuốc*, hãy gọi đến Dịch Vụ Thành Viên theo số điện thoại ở chân trang tài liệu này và hỏi về thuốc đó.. Nếu biết rằng chương trình của chúng tôi sẽ không bao trả loại thuốc đó, quý vị có thể thực hiện một trong những điều sau:

- Hỏi bộ phận *Dịch Vụ Thành Viên* danh sách các loại thuốc tương tự như loại thuốc mà quý vị muốn sử dụng. Sau đó cho bác sĩ của quý vị hoặc người kê toa khác xem danh sách này. Bác sĩ đó có thể kê toa một loại thuốc trong *Danh Sách Thuốc* có tác dụng tương tự như loại thuốc mà quý vị muốn sử dụng. **Hoặc**
- Yêu cầu chương trình của chúng tôi chấp nhận một trường hợp ngoại lệ để bao trả thuốc của quý vị. Hãy tham khảo các câu hỏi từ B10 đến B12 để biết thêm thông tin về các trường hợp ngoại lệ.

B9. Nếu tôi là thành viên mới của chương trình và không thể tìm thấy thuốc của mình trong *Danh Sách Thuốc* hoặc gặp vấn đề khi nhận thuốc, tôi cần làm gì?

Chúng tôi có thể giúp đỡ. Chúng tôi có thể bao trả tạm thời cho quý vị lượng thuốc đủ dùng cho 31 ngày trong 90 ngày đầu tiên kể từ khi quý vị là thành viên chương trình của chúng tôi. Điều này sẽ cho quý vị thời gian trao đổi với bác sĩ của mình hoặc người kê toa khác. Bác sĩ đó có thể giúp quý vị quyết định xem có loại thuốc tương tự nào trong *Danh Sách Thuốc* mà quý vị có thể sử dụng thay thế hay có cần yêu cầu một trường hợp ngoại lệ hay không.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Nếu toa thuốc của quý vị được kê ngắn ngày hơn, chúng tôi sẽ cho phép mua thêm nhiều lần để cung cấp thuốc đủ dùng trong tối đa 31 ngày.

Chúng tôi sẽ bao trả cho quý vị lượng thuốc đủ dùng trong 31 ngày nếu:

- quý vị đang sử dụng thuốc không có trong *Danh Sách Thuốc*, **hoặc**
- các quy tắc của chương trình không cho phép quý vị nhận đủ số lượng thuốc mà bác sĩ kê toa của quý vị đã yêu cầu, **hoặc**
- thuốc này cần phải được chương trình của chúng tôi phê duyệt trước, **hoặc**
- quý vị đang sử dụng một loại thuốc thuộc giới hạn của liệu pháp từng bước.

Nếu quý vị đang dùng một loại thuốc mà chương trình của chúng tôi không xem là thuốc thuộc Phần D và thuốc đó không có trong *Danh Sách Thuốc*, đồng thời quý vị gặp vấn đề khi lấy thuốc, loại thuốc đó có thể được bao trả thông qua Medi-Cal Rx. Nếu một loại thuốc bị Phần D loại trừ đòi hỏi phải có trường hợp ngoại lệ và quý vị gặp tình trạng khẩn cấp, Medi-Cal Rx sẽ cung cấp thuốc đó trong ít nhất 72 giờ. Vui lòng truy cập trang web của Medi-Cal Rx (www.medi-calrx.dhcs.ca.gov) để biết thêm thông tin. Quý vị cũng có thể gọi đến Trung Tâm Dịch Vụ Khách Hàng của Medi-Cal Rx theo số 800-977-2273. Vui lòng mang theo Thẻ Nhận Dạng Người Thụ Hưởng Medi-Cal của quý vị khi nhận thuốc theo toa thông qua Medi-Cal Rx.

Nếu quý vị đang ở trong viện dưỡng lão hoặc cơ sở chăm sóc sức khỏe dài hạn khác và cần thuốc không có trong *Danh Sách Thuốc* hoặc nếu quý vị không thể dễ dàng nhận được loại thuốc cần thiết, chúng tôi có thể giúp quý vị. Nếu quý vị đã tham gia chương trình hơn 90 ngày, đang sống trong một cơ sở chăm sóc dài hạn và cần được cấp thuốc ngay lập tức:

- Chúng tôi sẽ bao trả lượng thuốc cần thiết để quý vị sử dụng trong 31 ngày (trừ khi quý vị có thuốc theo toa ít ngày hơn), cho dù quý vị có phải là thành viên mới của chương trình hay không..
- Lượng thuốc này bổ sung cho lượng thuốc tạm thời trong 90 ngày đầu tiên kể từ khi quý vị là thành viên chương trình của chúng tôi.

Chính sách chuyển tiếp

Thành viên mới trong Chương trình có thể đang sử dụng thuốc không nằm trong danh mục thuốc của chúng tôi hoặc phải tuân theo một số hạn chế nhất định, chẳng hạn như phê duyệt trước hay liệu pháp từng bước. Các thành viên hiện tại cũng có thể bị ảnh hưởng bởi những thay đổi trong danh mục thuốc của chúng tôi từ một năm đến năm tiếp theo. Các thành viên nên trao đổi với bác sĩ của mình để quyết định liệu họ nên chuyển sang một loại thuốc khác mà chúng tôi bao trả hay yêu



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

cầu một trường hợp ngoại lệ đối với danh mục thuốc để được bao trả cho thuốc đó. Hãy xem Sổ tay thành viên để tìm hiểu thêm về cách yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Vui lòng liên hệ với Dịch vụ thành viên nếu thuốc của quý vị không nằm trong danh mục thuốc của chúng tôi, tuân theo một số hạn chế nhất định, chẳng hạn như phê duyệt trước hay liệu pháp từng bước, hoặc sẽ không còn nằm trong danh mục thuốc của chúng tôi vào năm tới và quý vị cần giúp chuyển sang một loại thuốc khác mà chúng tôi bao trả hoặc yêu cầu một trường hợp ngoại lệ đối với danh mục thuốc.

Đối với thuốc Phần D, trong khoảng thời gian các thành viên trao đổi với bác sĩ của mình để xác định hành động thích hợp, chúng tôi có thể cung cấp tạm thời thuốc không có trong danh mục thuốc nếu những thành viên đó cần phải mua thêm thuốc trong 90 ngày đầu tiên khi là thành viên mới trong Chương trình của chúng tôi. Trường hợp quý vị là thành viên hiện tại bị ảnh hưởng do danh mục thuốc thay đổi từ năm này sang năm tiếp theo, chúng tôi sẽ cung cấp tạm thời thuốc không thuộc danh mục nếu quý vị cần phải mua thêm thuốc trong 90 ngày đầu tiên của năm chương trình mới.

Khi một thành viên đi tới nhà thuốc trong mạng lưới và chúng tôi cung cấp tạm thời một loại thuốc không nằm trong danh mục thuốc của chúng tôi, hoặc có hạn chế hay giới hạn bao trả (nhưng được xem là “thuốc Phần D”), chúng tôi sẽ bao trả lượng thuốc đủ dùng trong 31 ngày (trừ khi thuốc theo toa được kê đơn cho ít ngày hơn). Theo chính sách chuyển tiếp của chúng tôi, sau khi chúng tôi bao trả thuốc cung cấp tạm thời đủ dùng trong 31 ngày, thông thường chúng tôi sẽ không thanh toán cho những loại thuốc này một lần nữa.

Chúng tôi sẽ thông báo cho quý vị bằng văn bản sau khi chúng tôi bao trả cho thuốc cung cấp tạm thời. Thông báo này sẽ giải thích các bước quý vị có thể thực hiện để yêu cầu một trường hợp ngoại lệ và cách làm việc với bác sĩ của quý vị để quyết định xem quý vị có nên chuyển sang sử dụng loại thuốc phù hợp mà chúng tôi bao trả hay không.

Nếu thành viên mới sống trong cơ sở chăm sóc dài hạn (chẳng hạn như viện dưỡng lão), chúng tôi sẽ bao trả lượng thuốc tạm thời dùng trong 31 ngày (trừ khi đơn thuốc được kê cho ít ngày hơn). Nếu cần, chúng tôi sẽ bao trả cho các loại thuốc này nhiều hơn một lần trong 90 ngày đầu tiên khi thành viên mới đăng ký tham gia Chương trình của chúng tôi. Nếu thành viên sống trong cơ sở chăm sóc dài hạn đã đăng ký Chương trình của chúng tôi trong hơn 90 ngày và cần một loại thuốc không có trong danh mục thuốc của chúng tôi hoặc phải tuân theo các hạn chế khác, chẳng hạn như liệu pháp từng bước hay giới hạn liều lượng, chúng tôi sẽ bao trả lượng thuốc khẩn cấp tạm thời trong 31 ngày cho loại thuốc đó (trừ khi toa thuốc đã kê ít ngày hơn) trong khi thành viên mới yêu cầu một trường hợp ngoại lệ đối với danh mục thuốc. Các trường hợp ngoại lệ sẽ được áp dụng khi quý vị trải qua sự thay đổi về mức độ chăm sóc mà quý vị nhận được, đồng thời sự thay đổi này đòi hỏi quý vị phải chuyển từ cơ sở hoặc trung tâm điều trị này sang cơ sở hoặc trung tâm điều trị khác. Trong những trường hợp như vậy, quý vị sẽ đủ điều kiện được hưởng ngoại lệ tạm



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

thời, lấy thuốc một lần ngay cả khi quý vị không còn là thành viên của chương trình trong 90 ngày đầu tiên.

B10. Tôi có thể yêu cầu một trường hợp ngoại lệ bao trả cho thuốc của mình hay không?

Có. Quý vị có thể yêu cầu chương trình của chúng tôi áp dụng ngoại lệ để bao trả cho một loại thuốc không có trong *Danh Sách Thuốc*.

Quý vị cũng có thể yêu cầu chúng tôi thay đổi các quy định liên quan đến thuốc của quý vị.

- Ví dụ: chương trình của chúng tôi có thể giới hạn lượng thuốc mà chúng tôi sẽ bao trả. Nếu thuốc của quý vị có giới hạn, quý vị có thể yêu cầu chúng tôi thay đổi giới hạn và bao trả thêm.
- Các ví dụ khác: Quý vị có thể yêu cầu chúng tôi bỏ qua giới hạn liều pháp từng bước hoặc các yêu cầu phê duyệt trước.

B11. Làm cách nào để yêu cầu một trường hợp ngoại lệ?

Để yêu cầu trường hợp ngoại lệ, hãy gọi cho *Dịch Vụ Thành Viên*. Đại diện của bộ phận Dịch Vụ Thành Viên sẽ làm việc với quý vị và bác sĩ kê toa của quý vị để giúp quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Quý vị cũng có thể đọc **Chương 9 Mục G2** trong *Sổ Tay Thành Viên* để tìm hiểu thêm về các trường hợp ngoại lệ.

B12. Mất bao lâu để nhận được trường hợp ngoại lệ?

Sau khi chúng tôi nhận được một giấy xác nhận từ bác sĩ kê toa của quý vị hỗ trợ cho yêu cầu được hưởng trường hợp ngoại lệ, chúng tôi sẽ đưa ra quyết định cho quý vị trong vòng 72 giờ. Bác sĩ của quý vị hoặc người kê toa khác có thể gửi tờ khai hỗ trợ cho chúng tôi qua fax hoặc đường bưu điện theo số (866) 290-1309. Họ cũng có thể thông báo cho chúng tôi qua điện thoại rồi gửi tờ khai qua fax hoặc đường bưu điện.

Gửi tuyên bố của bác sĩ kê toa theo địa chỉ:
Molina Healthcare
Attn: Pharmacy Department
7050 S Union Park Center, Suite 600
Midvale, Utah 84107

Nếu quý vị hoặc bác sĩ kê toa của quý vị cho rằng sức khỏe của quý vị có thể bị tổn hại nếu quý vị phải đợi 72 giờ thì mới nhận được quyết định, quý vị có thể yêu cầu một ngoại lệ cấp tốc. Đây là yêu cầu đưa ra quyết định nhanh hơn. Nếu bác sĩ kê toa của quý vị hỗ trợ cho yêu cầu của quý vị,



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

chúng tôi sẽ đưa ra quyết định trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tờ khai hỗ trợ từ bác sĩ kê toa của quý vị.

B13. Thuốc gốc là gì?

Thuốc gốc có thành phần hoạt chất giống như thuốc chính hiệu. Chúng thường có giá rẻ hơn thuốc chính hiệu và có công dụng tương tự như thuốc chính hiệu. Thuốc gốc thường không có tên nổi tiếng. Thuốc gốc do Cơ Quan Quản Lý Thực Phẩm Và Dược Phẩm (FDA) phê duyệt. Có các loại thuốc gốc sẵn dùng cho nhiều thuốc chính hiệu. Thông thường, thuốc gốc có thể được thay thế cho thuốc chính hiệu tại nhà thuốc mà không cần toa thuốc mới—tùy theo luật của tiểu bang.

Chương trình của chúng tôi bao trả cả thuốc chính hiệu và thuốc gốc.

B14. Sinh phẩm ban đầu là gì và chúng có liên quan như thế nào đến các sản phẩm tương tự về sinh học?

Khi chúng ta đề cập đến thuốc, có thể nghĩa là một loại thuốc hoặc một loại sinh phẩm. Sinh phẩm là các loại thuốc phức tạp hơn nhiều so với thuốc thông thường. Vì sinh phẩm phức tạp hơn nhiều so với thuốc thông thường, nên thay vì có một dạng thức chung, sinh phẩm có các dạng thức được gọi là sản phẩm tương tự về sinh học. Thông thường, các sản phẩm tương tự về sinh học có công dụng giống như sinh phẩm ban đầu và có thể có chi phí rẻ hơn. Chúng là sản phẩm thay thế tương tự về sinh học cho một số sinh phẩm ban đầu. Một số sản phẩm tương tự về sinh học có thể hoán đổi cho nhau và, tùy theo luật của tiểu bang, có thể được thay thế cho sinh phẩm ban đầu tại nhà thuốc mà không cần toa thuốc mới, giống như thuốc gốc có thể được thay thế cho thuốc chính hiệu.

Để biết thêm thông tin về các loại thuốc, hãy tham khảo **Chương 5** của *Sổ Tay Thành Viên*.

B15. Chương trình có bao trả các sản phẩm OTC không phải thuốc hay không?

Chương trình của chúng tôi bao trả một số sản phẩm OTC không phải thuốc khi sản phẩm này được nhà cung cấp của quý vị kê đơn dưới dạng thuốc theo toa.

Quý vị có thể đọc *Danh Sách Thuốc* của chương trình để xem các sản phẩm OTC không phải thuốc được bao trả.

B16. Chương trình của chúng tôi có bao trả lượng thuốc theo toa dài hạn không?

- **Chương trình đặt hàng qua đường bưu điện.** Chúng tôi cung cấp chương trình đặt hàng qua đường bưu điện để quý vị có thể nhận được ngay tại nhà lượng thuốc đủ



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

dùng trong tối đa 100 ngày. Lượng thuốc đủ dùng trong 100 ngày có khoản đồng thanh toán tương đương với lượng thuốc đủ dùng trong một tháng.

- **Chương trình của nhà thuốc bán lẻ 100 ngày.** Một số nhà thuốc bán lẻ cũng có thể cung cấp lượng thuốc được bao trả đủ dùng trong tối đa 100 ngày. Lượng thuốc đủ dùng trong 100 ngày có khoản đồng thanh toán tương đương với lượng thuốc đủ dùng trong một tháng.

B17. Tôi có thể yêu cầu giao thuốc theo toa từ nhà thuốc địa phương đến nhà mình không?

Nhà thuốc ở địa phương của quý vị có thể giao thuốc theo toa đến nhà quý vị. Quý vị có thể gọi cho nhà thuốc để tìm hiểu xem họ có cung cấp dịch vụ giao hàng tận nhà hay không.

B18. Đồng thanh toán là gì?

Các thành viên trong chương trình của chúng tôi được mua thuốc theo toa, thuốc OTC và các sản phẩm không phải thuốc nếu tuân thủ các quy tắc của chương trình. Tham khảo câu hỏi B15 và B16 để biết thêm thông tin về thuốc OTC và sản phẩm không phải thuốc.

Bậc thuốc là các nhóm thuốc trong *Danh Sách Thuốc* của chúng tôi.

- Khoản đồng thanh toán cho Thuốc Gốc Ưu Tiên Bậc 1 là \$0.
- Thuốc Gốc Bậc 2 có khoản đồng thanh toán là \$0, \$1.60 hoặc \$5.10 cho thuốc gốc (bao gồm thuốc chính hiệu được coi là thuốc gốc) Khoản đồng thanh toán \$0, \$4.90 hoặc \$12.65 cho tất cả các loại thuốc khác theo toa.
- Thuốc Chính Hiệu Được Ưu Tiên Bậc 3: Khoản đồng thanh toán là \$0, \$1.60 hoặc \$5.10 cho thuốc gốc (bao gồm thuốc chính hiệu được coi là thuốc gốc) Khoản đồng thanh toán \$0, \$4.90 hoặc \$12.65 cho tất cả các loại thuốc khác theo toa.
- Thuốc Không Được Ưu Tiên Bậc 4: Khoản đồng thanh toán là \$0, \$1.60 hoặc \$5.10 cho thuốc gốc (bao gồm thuốc chính hiệu được coi là thuốc gốc) Khoản đồng thanh toán \$0, \$4.90 hoặc \$12.65 cho tất cả các loại thuốc khác theo toa.
- Thuốc Biệt Dục Bậc 5: Khoản đồng thanh toán là \$0, \$1.60 hoặc \$5.10 cho thuốc gốc (bao gồm thuốc chính hiệu được coi là thuốc gốc) Khoản đồng thanh toán \$0, \$4.90 hoặc \$12.65 cho tất cả các loại thuốc khác theo toa.
- Thuốc Chăm Sóc Chọn Lọc Bậc 6: Đồng thanh toán \$0.

Khoản đồng thanh toán cho OTC là \$0.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho bộ phận Dịch Vụ Thành Viên theo số điện thoại ở chân trang của tài liệu này.

C. Tổng quan về *Danh Sách Thuốc Được Bao Trả*

Danh Sách Thuốc Được Bao Trả cung cấp cho quý vị thông tin về các loại thuốc được chương trình của chúng tôi bao trả. Nếu quý vị gặp vấn đề khi tìm thuốc của mình trong danh sách, hãy chuyển đến phần Danh Mục Thuốc Được Bao Trả bắt đầu ở **Mục D**. Danh mục này liệt kê các loại thuốc được chương trình của chúng tôi bao trả theo thứ tự bảng chữ cái.

Các loại thuốc khác, chẳng hạn như một số loại thuốc không theo toa (OTC) và một số loại vitamin nhất định, có thể do Medi-Cal Rx bao trả. Vui lòng truy cập trang web của Medi-Cal Rx (www.medi-calrx.dhcs.ca.gov) để biết thêm thông tin. Quý vị cũng có thể gọi đến Trung Tâm Dịch Vụ Khách Hàng của Medi-Cal Rx theo số 800-977-2273. Vui lòng mang theo Thẻ Nhận Dạng Người Thụ Hưởng Medi-Cal (BIC) của quý vị khi nhận thuốc theo toa thông qua Medi-Cal Rx

Kháng Nghị Theo Phần D

- Kháng nghị là cách chính thức để yêu cầu chúng tôi xem xét lại quyết định liên quan đến chương trình bảo hiểm của quý vị và thay đổi quyết định đó nếu quý vị nghĩ chúng tôi đã làm sai.
- Ví dụ: chúng tôi có thể quyết định rằng loại thuốc mà quý vị muốn không được bao trả hoặc không còn được Medicare hoặc Medi-Cal bao trả.
- Nếu quý vị hoặc bác sĩ kê toa của quý vị không đồng ý với quyết định của chúng tôi, quý vị có thể kháng nghị. Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho bộ phận Dịch Vụ Thành Viên theo số điện thoại ở chân trang của tài liệu này.
- Quý vị cũng có thể đọc **Chương 9** của *Sổ Tay Thành Viên* để biết cách kháng nghị một quyết định.
- Các loại thuốc không phải là thuốc Phần D có các quy tắc kháng nghị khác.

C1. Danh Sách Thuốc Theo Tình Trạng Bệnh

Các loại thuốc trong mục này được phân loại thành các nhóm tùy thuộc vào loại tình trạng bệnh mà chúng được sử dụng để điều trị. Ví dụ: nếu quý vị có tình trạng bệnh về tim, quý vị nên tìm trong nhóm Tim Mạch. Đó là nơi quý vị sẽ tìm thấy thuốc điều trị tình trạng bệnh về tim.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Dưới đây là ý nghĩa của các mã được sử dụng trong cột “Hành động cần thiết, hạn chế hoặc giới hạn khi sử dụng”:

PA = Prior Authorization (approval) – Phê Duyệt Trước (chấp thuận): quý vị phải được phê duyệt trước thì mới có thể nhận thuốc này.

QL = Quantity Limits – Giới Hạn Số Lượng: lượng thuốc mà chương trình sẽ bao trả.

ST = Step Therapy Criteria – Tiêu Chí Liệu Pháp Từng Bước: quý vị phải thử một loại thuốc khác rồi mới có thể nhận loại thuốc này.

NM = Non-Mail Order – Không Đặt Hàng Qua Bưu Điện: không thể mua thuốc này qua đơn đặt hàng qua bưu điện.

B/D = Thuốc này có thể được bao trả theo Medicare Phần B hoặc D, tùy từng trường hợp.

_ = Non-Part D Drugs – Thuốc Không Thuộc Phần D hoặc sản phẩm OTC được Medicaid bao trả.

NDS = Non-Extended Days Supply – Không Gia Hạn Số Ngày Cung Cấp: quý vị sẽ bị giới hạn lượng thuốc nhận được cho số ngày nhất định.

Cột đầu tiên của bảng liệt kê tên thuốc. Thuốc gốc được liệt kê bằng chữ thường, in nghiêng (ví dụ: *metformin hcl*), thuốc chính hiệu được viết hoa (ví dụ: JANUVIA TABS). Thông tin trong cột “Hành động cần thiết, hạn chế hoặc giới hạn khi sử dụng” cho quý vị biết nếu chương trình của chúng tôi có bất kỳ quy tắc nào liên quan đến việc bao trả thuốc cho quý vị hay không.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

MOLINA_CY26_6T_GS_CORE eff 04/01/2026

Drug Name

Drug Tier Requirements/Limits

ANALGESICS

GOUT

<i>allopurinol</i> TABS 100mg, 300mg	1	
<i>colchicine</i> TABS .6mg	3	QL (120 tabs / 30 days)
<i>colchicine w/ probenecid tab 0.5-500 mg</i>	3	
<i>febuxostat</i> TABS 40mg, 80mg	4	PA
<i>probenecid</i> TABS 500mg	3	

MISCELLANEOUS

<i>lidocaine hcl (local anesth.)</i> SOLN .5%, 1%, 1.5%, 2%	3	B/D
---	---	-----

NSAIDS

<i>celecoxib</i> CAPS 50mg, 100mg, 200mg	3	QL (60 caps / 30 days)
<i>celecoxib</i> CAPS 400mg	3	QL (30 caps / 30 days)
<i>diclofenac potassium</i> TABS 50mg	2	QL (120 tabs / 30 days)
<i>diclofenac sodium</i> TB24 100mg	3	
<i>diclofenac sodium</i> TBEC 25mg, 50mg, 75mg	2	
<i>diclofenac w/ misoprostol tab delayed release 50-0.2 mg</i>	4	
<i>diclofenac w/ misoprostol tab delayed release 75-0.2 mg</i>	4	
<i>diflunisal</i> TABS 500mg	3	
<i>etodolac</i> CAPS 200mg, 300mg; TABS 400mg, 500mg; TB24 400mg, 500mg, 600mg	3	
<i>flurbiprofen</i> TABS 100mg	3	
<i>ibu</i> TABS 400mg, 600mg, 800mg	1	
<i>ibuprofen</i> SUSP 100mg/5ml	3	
<i>ibuprofen</i> TABS 400mg, 600mg, 800mg	1	
<i>meloxicam</i> TABS 7.5mg, 15mg	1	
<i>nabumetone</i> TABS 500mg, 750mg	2	
<i>naproxen</i> TABS 250mg, 375mg, 500mg	1	
<i>naproxen</i> TBEC 375mg	2	QL (120 tabs / 30 days)
<i>naproxen sodium</i> TABS 275mg, 550mg	3	
<i>oxaprozin</i> TABS 600mg	4	
<i>piroxicam</i> CAPS 10mg, 20mg	3	
<i>sulindac</i> TABS 150mg, 200mg	2	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
OPIOID ANALGESICS, LONG-ACTING		
<i>buprenorphine</i> PTWK 5mcg/hr, 7.5mcg/hr, 10mcg/hr, 15mcg/hr, 20mcg/hr	2	QL (4 patches / 28 days), PA
<i>fentanyl</i> PT72 12mcg/hr, 25mcg/hr, 37.5mcg/hr, 50mcg/hr, 62.5mcg/hr, 75mcg/hr, 87.5mcg/hr, 100mcg/hr	4	QL (10 patches / 30 days), PA
<i>hydrocodone bitartrate</i> T24A 20mg, 30mg, 40mg, 60mg, 80mg	4	QL (30 tabs / 30 days), PA
<i>hydrocodone bitartrate</i> T24A 100mg, 120mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), PA
<i>methadone hcl</i> SOLN 5mg/5ml, 10mg/5ml	3	QL (450 mL / 30 days), PA
<i>methadone hcl</i> TABS 5mg, 10mg	3	QL (90 tabs / 30 days), PA
<i>methadone hydrochloride i</i> CONC 10mg/ml	3	QL (90 mL / 30 days), PA
<i>morphine sulfate</i> TBCR 15mg, 30mg, 60mg, 100mg, 200mg	3	QL (90 tabs / 30 days), PA
OXYCONTIN T12A 10mg, 15mg, 20mg, 30mg	4	QL (60 tabs / 30 days), PA
OXYCONTIN T12A 40mg, 60mg, 80mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), PA
OPIOID ANALGESICS, SHORT-ACTING		
<i>acetaminophen w/ codeine soln 120-12 mg/5ml</i>	3	QL (2700 mL / 30 days)
<i>acetaminophen w/ codeine tab 300-15 mg</i>	2	QL (400 tabs / 30 days)
<i>acetaminophen w/ codeine tab 300-30 mg</i>	2	QL (360 tabs / 30 days)
<i>acetaminophen w/ codeine tab 300-60 mg</i>	2	QL (180 tabs / 30 days)
<i>butorphanol tartrate</i> SOLN 1mg/ml, 2mg/ml	4	
<i>butorphanol tartrate</i> SOLN 10mg/ml	3	QL (10 mL / 30 days)
<i>endocet tab 2.5-325mg</i>	3	QL (360 tabs / 30 days)
<i>endocet tab 5-325mg</i>	3	QL (360 tabs / 30 days)
<i>endocet tab 7.5-325mg</i>	3	QL (240 tabs / 30 days)
<i>endocet tab 10-325mg</i>	3	QL (180 tabs / 30 days)
<i>hydrocodone-acetaminophen soln 7.5-325 mg/15ml</i>	4	QL (2700 mL / 30 days)
<i>hydrocodone-acetaminophen tab 5-325 mg</i>	3	QL (240 tabs / 30 days)
<i>hydrocodone-acetaminophen tab 7.5-325 mg</i>	3	QL (180 tabs / 30 days)

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocodone-acetaminophen tab 10-325 mg</i>	3	QL (180 tabs / 30 days)
<i>hydrocodone-ibuprofen tab 7.5-200 mg</i>	3	QL (150 tabs / 30 days)
<i>hydromorphone hcl LIQD 1mg/ml</i>	4	QL (600 mL / 30 days)
<i>hydromorphone hcl TABS 2mg, 4mg, 8mg</i>	3	QL (180 tabs / 30 days)
<i>morphine sulfate SOLN 2mg/ml, 4mg/ml, 8mg/ml, 10mg/ml</i>	4	B/D
<i>morphine sulfate SOLN 10mg/5ml, 20mg/5ml</i>	3	QL (900 mL / 30 days)
<i>morphine sulfate SOLN 100mg/5ml</i>	3	QL (180 mL / 30 days)
<i>morphine sulfate TABS 15mg, 30mg</i>	3	QL (180 tabs / 30 days)
<i>oxycodone hcl CONC 100mg/5ml</i>	4	QL (180 mL / 30 days)
<i>oxycodone hcl SOLN 5mg/5ml</i>	4	QL (900 mL / 30 days)
<i>oxycodone hcl TABS 5mg, 10mg, 15mg, 20mg, 30mg</i>	3	QL (180 tabs / 30 days)
<i>oxycodone w/ acetaminophen tab 2.5-325 mg</i>	3	QL (360 tabs / 30 days)
<i>oxycodone w/ acetaminophen tab 5-325 mg</i>	3	QL (360 tabs / 30 days)
<i>oxycodone w/ acetaminophen tab 7.5-325 mg</i>	3	QL (240 tabs / 30 days)
<i>oxycodone w/ acetaminophen tab 10-325 mg</i>	3	QL (180 tabs / 30 days)
<i>tramadol hcl TABS 50mg</i>	2	QL (240 tabs / 30 days)
<i>tramadol-acetaminophen tab 37.5-325 mg</i>	2	QL (240 tabs / 30 days)

ANTI-INFECTIVES

ANTI-INFECTIVES - MISCELLANEOUS

<i>albendazole TABS 200mg</i>	4	QL (672 tabs / year), PA
<i>amikacin sulfate SOLN 1gm/4ml, 500mg/2ml</i>	4	
ARIKAYCE SUSP 590mg/8.4ml	5	NDS, NM, PA
<i>atovaquone SUSP 750mg/5ml</i>	4	QL (300 mL / 30 days), PA
<i>aztreonam SOLR 1gm, 2gm</i>	4	
BLUJEPa TABS 750mg	3	
CAYSTON SOLR 75mg	5	NDS, NM, PA
<i>clindamycin hcl CAPS 75mg, 150mg, 300mg</i>	2	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride SOLR 75mg/5ml</i>	4	
<i>clindamycin phosphate SOLN 300mg/2ml, 600mg/4ml, 900mg/6ml</i>	3	
<i>clindamycin phosphate in d5w iv soln 300 mg/50ml</i>	4	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clindamycin phosphate in d5w iv soln 600 mg/50ml</i>	4	
<i>clindamycin phosphate in d5w iv soln 900 mg/50ml</i>	4	
CLINDMYC/NAC INJ 300/50ML	4	
CLINDMYC/NAC INJ 600/50ML	4	
CLINDMYC/NAC INJ 900/50ML	4	
<i>colistimethate sodium SOLR 150mg</i>	4	
<i>dapsone TABS 25mg, 100mg</i>	3	
DAPTOMYCIN SOLR 350mg	5	NDS
<i>daptomycin SOLR 350mg, 500mg</i>	5	NDS
EMVERM CHEW 100mg	5	NDS, QL (12 tabs / year)
<i>ertapenem sodium SOLR 1gm</i>	3	
<i>fosfomycin tromethamine PACK 3gm</i>	4	
<i>gentamicin in saline inj 0.8 mg/ml</i>	3	
<i>gentamicin in saline inj 1 mg/ml</i>	3	
<i>gentamicin in saline inj 1.2 mg/ml</i>	3	
<i>gentamicin in saline inj 1.6 mg/ml</i>	3	
<i>gentamicin in saline inj 2 mg/ml</i>	3	
<i>gentamicin sulfate SOLN 10mg/ml, 40mg/ml</i>	3	
<i>imipenem-cilastatin intravenous for soln 250 mg</i>	4	
<i>imipenem-cilastatin intravenous for soln 500 mg</i>	4	
IMPAVIDO CAPS 50mg	5	NDS, PA
<i>ivermectin TABS 3mg</i>	3	QL (20 tabs / 90 days), PA
<i>ivermectin TABS 6mg</i>	3	QL (10 tabs / 90 days), PA
<i>linezolid SOLN 600mg/300ml</i>	4	
<i>linezolid SUSR 100mg/5ml</i>	5	NDS, QL (1800 mL / 30 days)
<i>linezolid TABS 600mg</i>	4	QL (60 tabs / 30 days)
LINEZOLID INJ 2MG/ML	4	
<i>meropenem SOLR 1gm, 2gm, 500mg</i>	4	
<i>methenamine hippurate TABS 1gm</i>	3	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metronidazole</i> SOLN 500mg/100ml	3	
<i>metronidazole</i> TABS 250mg, 500mg	1	
<i>neomycin sulfate</i> TABS 500mg	2	
<i>nitazoxanide</i> TABS 500mg	5	NDS, QL (6 tabs / 30 days)
<i>nitrofurantoin macrocrystal</i> CAPS 50mg, 100mg	3	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i> CAPS 100mg	3	
<i>pentamidine isethionate inh</i> SOLR 300mg	4	B/D
<i>pentamidine isethionate inj</i> SOLR 300mg	4	
<i>polymyxin b sulfate</i> SOLR 500000unit	4	
<i>praziquantel</i> TABS 600mg	4	
<i>pyrimethamine</i> TABS 25mg	5	NDS, QL (90 tabs / 30 days), PA
<i>streptomycin sulfate</i> SOLR 1gm	5	NDS
<i>sulfadiazine</i> TABS 500mg	5	NDS
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim iv soln 400-80 mg/5ml</i>	4	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim susp 200-40 mg/5ml</i>	3	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim tab 400-80 mg</i>	1	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim tab 800-160 mg</i>	1	
<i>tinidazole</i> TABS 250mg, 500mg	3	
TOBI PODHALER CAPS 28mg	5	NDS, NM, PA
<i>tobramycin</i> NEBU 300mg/5ml	5	NDS, NM, PA
<i>tobramycin sulfate</i> SOLN 1.2gm/30ml, 10mg/ml, 80mg/2ml	3	
<i>trimethoprim</i> TABS 100mg	3	
<i>vancomycin hcl</i> CAPS 125mg	4	QL (80 caps / 180 days)
<i>vancomycin hcl</i> CAPS 250mg	4	QL (160 caps / 180 days)
<i>vancomycin hcl</i> SOLR 1gm, 1.25gm, 1.5gm, 5gm, 10gm, 500mg, 750mg	4	
VANCOMYCIN INJ 1 GM	4	
VANCOMYCIN INJ 500MG	4	
VANCOMYCIN INJ 750MG	4	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ANTIFUNGALS		
<i>amphotericin b</i> SOLR 50mg	4	B/D
<i>amphotericin b liposome</i> SUSR 50mg	5	NDS, B/D
<i>casprofungin acetate</i> SOLR 50mg, 70mg	4	
CRESEMBA CAPS 74.5mg, 186mg	5	NDS, PA
<i>fluconazole</i> SUSR 10mg/ml, 40mg/ml; TABS 50mg	3	
<i>fluconazole</i> TABS 100mg, 150mg, 200mg	2	
<i>fluconazole in nacl 0.9% inj 200 mg/100ml</i>	3	
<i>fluconazole in nacl 0.9% inj 400 mg/200ml</i>	3	
<i>flucytosine</i> CAPS 250mg, 500mg	5	NDS, PA
<i>griseofulvin microsize</i> SUSP 125mg/5ml; TABS 500mg	4	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i> TABS 125mg, 250mg	4	
<i>itraconazole</i> CAPS 100mg	4	QL (120 caps / 30 days)
<i>ketoconazole</i> TABS 200mg	3	PA
<i>miconazole sodium</i> SOLR 50mg, 100mg	4	
<i>nystatin</i> TABS 500000unit	3	
<i>posaconazole</i> SUSP 40mg/ml	5	NDS, QL (630 mL / 30 days), PA
<i>posaconazole</i> TBEC 100mg	5	NDS, QL (93 tabs / 30 days), PA
<i>terbinafine hcl</i> TABS 250mg	2	QL (30 tabs / 30 days), PA; PA applies after a 90 day supply in a calendar year
<i>voriconazole</i> SOLR 200mg	4	PA
<i>voriconazole</i> SUSR 40mg/ml	5	NDS, QL (600 mL / 28 days), PA
<i>voriconazole</i> TABS 50mg	4	QL (480 tabs / 30 days)
<i>voriconazole</i> TABS 200mg	4	QL (120 tabs / 30 days)
ANTIMALARIALS		
<i>atovaquone-proguanil hcl tab 62.5-25 mg</i>	4	
<i>atovaquone-proguanil hcl tab 250-100 mg</i>	4	
<i>chloroquine phosphate</i> TABS 250mg, 500mg	4	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COARTEM TAB 20-120MG	4	
<i>mefloquine hcl</i> TABS 250mg	3	
<i>primaquine phosphate</i> TABS 26.3mg	3	
PRIMAQUINE PHOSPHATE TABS 26.3mg	3	
<i>quinine sulfate</i> CAPS 324mg	4	PA
ANTIRETROVIRAL AGENTS		
<i>abacavir sulfate</i> SOLN 20mg/ml; TABS 300mg	4	
APTIVUS CAPS 250mg	5	NDS
<i>atazanavir sulfate</i> CAPS 150mg, 200mg, 300mg	4	
<i>darunavir</i> TABS 600mg	4	QL (60 tabs / 30 days)
<i>darunavir</i> TABS 800mg	4	QL (30 tabs / 30 days)
EDURANT TABS 25mg	5	NDS
EDURANT PED TBSO 2.5mg	5	NDS
<i>efavirenz</i> TABS 600mg	4	
<i>emtricitabine</i> CAPS 200mg	4	
EMTRIVA SOLN 10mg/ml	4	
<i>etravirine</i> TABS 100mg, 200mg	5	NDS
<i>fosamprenavir calcium</i> TABS 700mg	5	NDS
INTELENCE TABS 25mg	4	
ISENTRESS CHEW 25mg	4	
ISENTRESS CHEW 100mg; PACK 100mg; TABS 400mg	5	NDS
ISENTRESS HD TABS 600mg	5	NDS
<i>lamivudine</i> SOLN 10mg/ml; TABS 150mg, 300mg	3	
<i>maraviroc</i> TABS 150mg, 300mg	5	NDS
<i>nevirapine</i> SUSP 50mg/5ml; TB24 400mg	4	
<i>nevirapine</i> TABS 200mg	2	
NORVIR PACK 100mg	4	
PIFELTRO TABS 100mg	5	NDS
PREZISTA SUSP 100mg/ml	5	NDS, QL (400 mL / 30 days)
PREZISTA TABS 75mg	4	QL (480 tabs / 30 days)
PREZISTA TABS 150mg	5	NDS, QL (240 tabs / 30 days)

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
REYATAZ PACK 50mg	5	NDS
<i>ritonavir</i> TABS 100mg	3	
RUKOBIA TB12 600mg	5	NDS
SELZENTRY SOLN 20mg/ml	5	NDS
SUNLENCA TABS 300mg; TBPK 300mg	5	NDS
<i>tenofovir disoproxil fumarate</i> TABS 300mg	4	
TIVICAY TABS 50mg	5	NDS
TIVICAY PD TBSO 5mg	5	NDS
TROGARZO SOLN 200mg/1.33ml	5	NDS
TYBOST TABS 150mg	3	
VIRACEPT TABS 250mg, 625mg	5	NDS
VIREAD POWD 40mg/gm; TABS 150mg, 200mg, 250mg	5	NDS
<i>zidovudine</i> CAPS 100mg	4	
<i>zidovudine</i> SYRP 50mg/5ml; TABS 300mg	3	
ANTIRETROVIRAL COMBINATION AGENTS		
<i>abacavir sulfate-lamivudine tab 600-300 mg</i>	4	
BIKTARVY TAB 30-120-15 MG	5	NDS
BIKTARVY TAB 50-200-25 MG	5	NDS
CIMDUO TAB 300-300	5	NDS
DELSTRIGO TAB	5	NDS
DESCOVY TAB 120-15MG	5	NDS
DESCOVY TAB 200/25MG	5	NDS
DOVATO TAB 50-300MG	5	NDS
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir df tab 600-200-300 mg</i>	4	
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir df tab 400-300-300 mg</i>	5	NDS
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir df tab 600-300-300 mg</i>	5	NDS
<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir df tab 200-25-300 mg</i>	5	NDS
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate tab 100-150 mg</i>	4	
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate tab 133-200 mg</i>	5	NDS

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate tab 167-250 mg</i>	4	
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate tab 200-300 mg</i>	4	
EVOTAZ TAB 300-150	5	NDS
GENVOYA TAB	5	NDS
JULUCA TAB 50-25MG	5	NDS
KALETRA SOL	4	
<i>lamivudine-zidovudine tab 150-300 mg</i>	4	
<i>lopinavir-ritonavir tab 100-25 mg</i>	4	
<i>lopinavir-ritonavir tab 200-50 mg</i>	4	
ODEFSEY TAB	5	NDS
PREZCOBIX TAB 675/150	5	NDS
PREZCOBIX TAB 800-150	5	NDS
STRIBILD TAB	5	NDS
SYMTUZA TAB	5	NDS
TRIUMEQ PD TAB	4	
TRIUMEQ TAB	5	NDS
ANTITUBERCULAR AGENTS		
<i>cycloserine CAPS 250mg</i>	5	NDS
<i>ethambutol hcl TABS 100mg, 400mg</i>	3	
<i>isoniazid SYRP 50mg/5ml</i>	4	
<i>isoniazid TABS 100mg, 300mg</i>	1	
PRIFTIN TABS 150mg	4	
<i>pyrazinamide TABS 500mg</i>	4	
<i>rifabutin CAPS 150mg</i>	4	
<i>rifampin CAPS 150mg, 300mg</i>	3	
<i>rifampin SOLR 600mg</i>	4	
SIRTURO TABS 20mg, 100mg	5	NDS, NM, PA
ANTIVIRALS		
<i>acyclovir CAPS 200mg; TABS 400mg, 800mg</i>	2	
<i>acyclovir SUSP 200mg/5ml</i>	4	
<i>acyclovir sodium SOLN 50mg/ml</i>	4	B/D
<i>adefovir dipivoxil TABS 10mg</i>	4	
BARACLUDE SOLN .05mg/ml	5	NDS, ST
<i>entecavir TABS .5mg, 1mg</i>	4	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EPCLUSA PAK 150-37.5	5	NDS, NM, PA
EPCLUSA PAK 200-50MG	5	NDS, NM, PA
EPCLUSA TAB 200-50MG	5	NDS, NM, PA
EPCLUSA TAB 400-100	5	NDS, NM, PA
<i>famciclovir</i> TABS 125mg, 250mg, 500mg	3	
<i>ganciclovir sodium</i> SOLR 500mg	4	B/D
<i>lamivudine (hbv)</i> TABS 100mg	3	
LIVTENCITY TABS 200mg	5	NDS, QL (336 tabs / 28 days), NM, PA
MAVYRET PAK 50-20MG	5	NDS, NM, PA
MAVYRET TAB 100-40MG	5	NDS, NM, PA
<i>oseltamivir phosphate</i> CAPS 30mg	3	QL (168 caps / year)
<i>oseltamivir phosphate</i> CAPS 45mg, 75mg	3	QL (84 caps / year)
<i>oseltamivir phosphate</i> SUSR 6mg/ml	3	QL (1080 mL / year)
PAXLOVID PAK	2	QL (22 tabs / 90 days)
PAXLOVID TAB 150-100	2	QL (40 tabs / 90 days)
PAXLOVID TAB 300-100	2	QL (60 tabs / 90 days)
PEGASYS SOLN 180mcg/ml; SOSY 180mcg/0.5ml	5	NDS, NM, PA
PREVYMIS TABS 240mg, 480mg	5	NDS, QL (28 tabs / 28 days), PA
RELENZA DISKHALER AEPB 5mg/blister	3	QL (6 inhalers / year)
<i>ribavirin (hepatitis c)</i> CAPS 200mg; TABS 200mg	3	NM
<i>rimantadine hydrochloride</i> TABS 100mg	4	
<i>valacyclovir hcl</i> TABS 1gm, 500mg	3	
<i>valganciclovir hcl</i> SOLR 50mg/ml	5	NDS
<i>valganciclovir hcl</i> TABS 450mg	3	
VOSEVI TAB	5	NDS, NM, PA
CEPHALOSPORINS		
<i>cefaclor</i> CAPS 250mg, 500mg	3	
<i>cefadroxil</i> CAPS 500mg	2	
<i>cefadroxil</i> SUSR 250mg/5ml, 500mg/5ml	3	
CEFAZOLIN SOLR 2gm, 3gm	4	
CEFAZOLIN INJ 1GM/50ML	4	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cefazolin sodium</i> SOLR 1gm, 2gm, 3gm, 10gm, 500mg	3	
CEFAZOLIN SOLN 2GM/100ML-4%	4	
CEFAZOLIN/DEX SOL 1GM/50ML-4%	4	
CEFAZOLIN/DEX SOL 2GM/50ML-3%	4	
CEFAZOLIN/DEX SOL 3GM/50ML-2%	4	
CEFAZOLIN/DEX SOL 3GM/150ML-4%	4	
<i>cefdinir</i> CAPS 300mg	2	
<i>cefdinir</i> SUSR 125mg/5ml, 250mg/5ml	3	
<i>cefepime hcl</i> SOLR 1gm, 2gm	4	
<i>cefixime</i> CAPS 400mg; SUSR 100mg/5ml, 200mg/5ml	4	
<i>cefotetan disodium</i> SOLR 1gm, 2gm	4	
<i>cefoxitin sodium</i> SOLR 1gm, 2gm, 10gm	4	
<i>cefpodoxime proxetil</i> SUSR 50mg/5ml, 100mg/5ml	4	
<i>cefpodoxime proxetil</i> TABS 100mg, 200mg	3	
<i>cefprozil</i> SUSR 125mg/5ml, 250mg/5ml; TABS 250mg, 500mg	3	
<i>ceftaroline fosamil</i> SOLR 400mg, 600mg	5	NDS
<i>ceftazidime</i> SOLR 1gm, 2gm, 6gm	4	
<i>ceftriaxone sodium</i> SOLR 1gm, 2gm, 10gm, 250mg, 500mg	4	
<i>cefuroxime axetil</i> TABS 250mg, 500mg	2	
<i>cefuroxime sodium</i> SOLR 1.5gm, 750mg	3	
<i>cephalexin</i> CAPS 250mg, 500mg	1	
<i>cephalexin</i> SUSR 125mg/5ml, 250mg/5ml	3	
<i>tazicef</i> SOLR 1gm, 2gm, 6gm	4	
TEFLARO SOLR 400mg, 600mg	5	NDS
ERYTHROMYCINS/MACROLIDES		
<i>azithromycin</i> SOLR 500mg; SUSR 100mg/5ml, 200mg/5ml	3	
<i>azithromycin</i> TABS 250mg, 500mg, 600mg	1	
<i>clarithromycin</i> SUSR 125mg/5ml, 250mg/5ml; TB24 500mg	4	
<i>clarithromycin</i> TABS 250mg, 500mg	3	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DIFICID SUSR 40mg/ml	5	NDS
e.e.s. 400 TABS 400mg	4	
ERYTHROCIN LACTOBIONATE SOLR 500mg	4	
erythromycin base CPEP 250mg; TABS 250mg, 500mg; TBEC 250mg, 333mg, 500mg	4	
erythromycin ethylsuccinate TABS 400mg	4	
erythromycin lactobionate SOLR 500mg	4	
fidaxomicin TABS 200mg	5	NDS
FLUOROQUINOLONES		
CIPRO SUSR 500mg/5ml	4	
ciprofloxacin 200 mg/100ml in d5w	3	
ciprofloxacin 400 mg/200ml in d5w	3	
ciprofloxacin hcl TABS 250mg, 500mg, 750mg	1	
levofloxacin SOLN 25mg/ml	4	
levofloxacin TABS 250mg, 500mg, 750mg	1	
levofloxacin in d5w iv soln 250 mg/50ml	3	
levofloxacin in d5w iv soln 500 mg/100ml	3	
levofloxacin in d5w iv soln 750 mg/150ml	3	
moxifloxacin hcl TABS 400mg	3	
moxifloxacin hcl 400 mg/250ml in sodium chloride 0.8% inj	4	
PENICILLINS		
amoxicillin CAPS 250mg, 500mg; SUSR 125mg/5ml, 200mg/5ml, 250mg/5ml, 400mg/5ml; TABS 500mg, 875mg	1	
amoxicillin CHEW 125mg, 250mg	2	
amoxicillin & k clavulanate for susp 200-28.5 mg/5ml	3	
amoxicillin & k clavulanate for susp 250-62.5 mg/5ml	4	
amoxicillin & k clavulanate for susp 400-57 mg/5ml	3	
amoxicillin & k clavulanate for susp 600-42.9 mg/5ml	3	
amoxicillin & k clavulanate tab 250-125 mg	3	
amoxicillin & k clavulanate tab 500-125 mg	2	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amoxicillin & k clavulanate tab 875-125 mg</i>	2	
<i>ampicillin CAPS 500mg</i>	2	
<i>ampicillin & sulbactam sodium for inj 1.5 (1-0.5) gm</i>	4	
<i>ampicillin & sulbactam sodium for inj 3 (2-1) gm</i>	4	
<i>ampicillin & sulbactam sodium for iv soln 1.5 (1-0.5) gm</i>	4	
<i>ampicillin & sulbactam sodium for iv soln 3 (2-1) gm</i>	4	
<i>ampicillin & sulbactam sodium for iv soln 15 (10-5) gm</i>	4	
<i>ampicillin sodium SOLR 1gm, 2gm, 10gm, 250mg, 500mg</i>	4	
<i>BICILLIN L-A SUSY 600000unit/ml, 1200000unit/2ml, 2400000unit/4ml</i>	4	
<i>dicloxacillin sodium CAPS 250mg, 500mg</i>	3	
<i>nafcillin sodium SOLR 1gm, 2gm</i>	4	
<i>nafcillin sodium SOLR 10gm</i>	5	NDS
<i>oxacillin sodium SOLR 1gm, 2gm, 10gm</i>	4	
<i>penicillin g potassium SOLR 5000000unit, 20000000unit</i>	4	
<i>penicillin g sodium SOLR 5000000unit</i>	4	
<i>penicillin v potassium SOLR 125mg/5ml, 250mg/5ml</i>	2	
<i>penicillin v potassium TABS 250mg, 500mg</i>	1	
<i>pfiizerpen SOLR 5000000unit, 20000000unit</i>	4	
<i>piperacillin sod-tazobactam na for inj 3.375 gm (3-0.375 gm)</i>	4	
<i>piperacillin sod-tazobactam sod for inj 2.25 gm (2-0.25 gm)</i>	4	
<i>piperacillin sod-tazobactam sod for inj 4.5 gm (4-0.5 gm)</i>	4	
<i>piperacillin sod-tazobactam sod for inj 13.5 gm (12-1.5 gm)</i>	4	
<i>piperacillin sod-tazobactam sod for inj 40.5 gm (36-4.5 gm)</i>	4	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TETRACYCLINES		
<i>doxy 100</i> SOLR 100mg	4	
<i>doxycycline (monohydrate)</i> CAPS 50mg, 100mg	2	
<i>doxycycline (monohydrate)</i> SUSR 25mg/5ml; TABS 50mg, 75mg, 100mg	3	
<i>doxycycline hyclate</i> CAPS 50mg, 100mg; TABS 20mg, 100mg	3	
<i>doxycycline hyclate</i> SOLR 100mg	4	
<i>minocycline hcl</i> CAPS 50mg, 75mg, 100mg	3	
NUZYRA SOLR 100mg	5	NDS, NM
NUZYRA TABS 150mg	5	NDS, QL (30 tabs / 14 days), NM
<i>tetracycline hcl</i> CAPS 250mg, 500mg	4	
<i>tigecycline</i> SOLR 50mg	4	
ANTINEOPLASTIC AGENTS		
ALKYLATING AGENTS		
BENDAMUSTINE HYDROCHLORID SOLN 100mg/4ml	5	NDS, B/D, NM
BENDEKA SOLN 100mg/4ml	5	NDS, B/D, NM
<i>carboplatin</i> SOLN 50mg/5ml, 150mg/15ml, 450mg/45ml, 600mg/60ml	3	B/D
<i>cisplatin</i> SOLN 50mg/50ml, 100mg/100ml, 200mg/200ml	3	B/D
<i>cyclophosphamide</i> CAPS 25mg, 50mg	3	B/D
CYCLOPHOSPHAMIDE SOLN 1gm/2ml, 2gm/4ml, 500mg/ml	5	NDS, B/D, NM
CYCLOPHOSPHAMIDE SOLN 1gm/5ml, 500mg/2.5ml, 500mg/5ml, 1000mg/10ml, 2000mg/20ml	5	NDS, B/D
<i>cyclophosphamide</i> SOLR 1gm, 500mg	4	B/D
<i>cyclophosphamide</i> SOLR 2gm	5	NDS, B/D
CYCLOPHOSPHAMIDE TABS 25mg, 50mg	4	B/D
CYCLOPHOSPHAMIDE MONOHYDR SOLN 2gm/10ml	5	NDS, B/D
FRINDOVYX SOLN 1gm/2ml, 2gm/4ml, 500mg/ml	5	NDS, B/D, NM

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GLEOSTINE CAPS 10mg, 40mg	4	NM
GLEOSTINE CAPS 100mg	5	NDS, NM
LEUKERAN TABS 2mg	5	NDS, PA
<i>lomustine</i> CAPS 10mg, 40mg	4	NM
<i>lomustine</i> CAPS 100mg	5	NDS, NM
<i>oxaliplatin</i> SOLN 50mg/10ml, 100mg/20ml, 200mg/40ml	4	B/D
<i>oxaliplatin</i> SOLR 50mg, 100mg	5	NDS, B/D
VIVIMUSTA SOLN 100mg/4ml	5	NDS, B/D, NM
ANTIMETABOLITES		
<i>azacitidine</i> SUSR 100mg	5	NDS, B/D, NM
<i>cytarabine</i> SOLN 20mg/ml	3	B/D
<i>fluorouracil</i> SOLN 1gm/20ml, 2.5gm/50ml, 5gm/100ml, 500mg/10ml	3	B/D
<i>gemcitabine hcl</i> SOLN 1gm/26.3ml, 2gm/52.6ml, 200mg/5.26ml; SOLR 1gm, 2gm, 200mg	4	B/D
INQOVI TAB 35-100MG	5	NDS, QL (5 tabs / 28 days), NM, PA
LONSURF TAB 15-6.14	5	NDS, QL (100 tabs / 28 days), NM, PA
LONSURF TAB 20-8.19	5	NDS, QL (80 tabs / 28 days), NM, PA
<i>mercaptopurine</i> SUSP 2000mg/100ml	5	NDS, NM
<i>mercaptopurine</i> TABS 50mg	3	
<i>methotrexate sodium</i> SOLN 1gm/40ml, 50mg/2ml, 250mg/10ml; SOLR 1gm	2	B/D
ONUREG TABS 200mg, 300mg	5	NDS, QL (14 tabs / 28 days), NM, PA
<i>pemetrexed disodium</i> SOLR 100mg, 500mg, 750mg, 1000mg	5	NDS, B/D
TABLOID TABS 40mg	5	NDS, PA
HORMONAL ANTINEOPLASTIC AGENTS		
<i>abiraterone acetate</i> TABS 250mg	5	NDS, QL (120 tabs / 30 days), NM, PA
<i>abiraterone acetate</i> TABS 500mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>abirtega</i> TABS 250mg	4	QL (120 tabs / 30 days), NM, PA
AKEEGA TAB 50/500MG	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
AKEEGA TAB 100/500	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
<i>anastrozole</i> TABS 1mg	2	
<i>bicalutamide</i> TABS 50mg	2	
ELIGARD KIT 7.5mg, 22.5mg, 30mg, 45mg	4	NM, PA
ERLEADA TABS 60mg	5	NDS, QL (120 tabs / 30 days), NM, PA
ERLEADA TABS 240mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
EULEXIN CAPS 125mg	5	NDS
<i>exemestane</i> TABS 25mg	4	
FIRMAGON SOLR 80mg	4	NM, PA
FIRMAGON SOLR 120mg/vial	5	NDS, NM, PA
<i>fulvestrant</i> SOSY 250mg/5ml	5	NDS, B/D
INLURIYO TABS 200mg	5	NDS, QL (56 tabs / 28 days), NM, PA
<i>letrozole</i> TABS 2.5mg	2	
<i>leuprolide acetate</i> KIT 1mg/0.2ml	4	NM, PA
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT 3.75mg	5	NDS, NM, PA
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT 11.25mg	5	NDS, NM, PA
LYSODREN TABS 500mg	5	NDS, NM
<i>megestrol acetate</i> TABS 20mg, 40mg	3	
<i>nilutamide</i> TABS 150mg	5	NDS
NUBEQA TABS 300mg	5	NDS, QL (120 tabs / 30 days), NM, PA
ORGOVYX TABS 120mg	5	NDS, NM, PA
ORSERDU TABS 86mg	5	NDS, QL (90 tabs / 30 days), NM, PA
ORSERDU TABS 345mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
SOLTAMOX SOLN 10mg/5ml	5	NDS
<i>tamoxifen citrate</i> TABS 10mg, 20mg	2	
<i>toremifene citrate</i> TABS 60mg	4	PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XTANDI CAPS 40mg	5	NDS, QL (120 caps / 30 days), NM, PA
XTANDI TABS 40mg	5	NDS, QL (120 tabs / 30 days), NM, PA
XTANDI TABS 80mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
YONSA TABS 125mg	5	NDS, QL (120 tabs / 30 days), NM, PA
IMMUNOMODULATORS		
<i>lenalidomide</i> CAPS 2.5mg, 5mg, 10mg, 15mg	5	NDS, QL (28 caps / 28 days), NM, PA
<i>lenalidomide</i> CAPS 20mg, 25mg	5	NDS, QL (21 caps / 28 days), NM, PA
POMALYST CAPS 1mg, 2mg, 3mg, 4mg	5	NDS, QL (21 caps / 28 days), NM, PA
THALOMID CAPS 50mg	5	NDS, QL (84 caps / 28 days), NM, PA
THALOMID CAPS 100mg	5	NDS, QL (112 caps / 28 days), NM, PA
MISCELLANEOUS		
BESREMI SOSY 500mcg/ml	5	NDS, QL (2 syringes / 28 days), NM, PA
<i>bexarotene</i> CAPS 75mg	5	NDS, QL (300 caps / 30 days), NM, PA
<i>doxorubicin hcl</i> SOLN 2mg/ml	4	B/D
<i>doxorubicin hcl liposomal</i> SUSP 2mg/ml	5	NDS, B/D
<i>hydroxyurea</i> CAPS 500mg	2	
<i>irinotecan hcl</i> SOLN 40mg/2ml, 100mg/5ml, 300mg/15ml, 500mg/25ml	4	B/D
IWILFIN TABS 192mg	5	NDS, QL (240 tabs / 30 days), NM, PA
<i>leucovorin calcium</i> SOLN 500mg/50ml; SOLR 50mg, 100mg, 200mg, 350mg, 500mg	4	B/D
<i>leucovorin calcium</i> TABS 5mg, 10mg, 15mg, 25mg	3	
MATULANE CAPS 50mg	5	NDS, NM
<i>mesna</i> TABS 400mg	5	NDS

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MODEYSO CAPS 125mg	5	NDS, QL (20 caps / 28 days), NM, PA
<i>tretinoin (chemotherapy)</i> CAPS 10mg	5	NDS
WELIREG TABS 40mg	5	NDS, QL (90 tabs / 30 days), NM, PA
MITOTIC INHIBITORS		
<i>docetaxel</i> CONC 20mg/ml	4	B/D
<i>docetaxel</i> CONC 80mg/4ml, 160mg/8ml; SOLN 20mg/2ml, 80mg/8ml, 160mg/16ml	5	NDS, B/D
DOCETAXEL CONC 80mg/4ml, 160mg/8ml; SOLN 20mg/2ml, 80mg/8ml, 160mg/16ml	5	NDS, B/D
DOCIVYX SOLN 20mg/2ml, 80mg/8ml, 160mg/16ml	5	NDS, B/D, NM
<i>etoposide</i> SOLN 1gm/50ml, 100mg/5ml, 500mg/25ml	3	B/D
<i>paclitaxel</i> CONC 6mg/ml, 30mg/5ml, 150mg/25ml, 300mg/50ml	4	B/D
<i>paclitaxel inj 100mg</i>	5	NDS, B/D, NM
<i>vincristine sulfate</i> SOLN 1mg/ml	2	B/D
<i>vinorelbine tartrate</i> SOLN 10mg/ml, 50mg/5ml	4	B/D
MOLECULAR TARGET AGENTS		
ALECENSA CAPS 150mg	5	NDS, QL (240 caps / 30 days), NM, PA
ALUNBRIG TABS 30mg	5	NDS, QL (120 tabs / 30 days), NM, PA
ALUNBRIG TABS 90mg, 180mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
ALUNBRIG PAK	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
AUGTYRO CAPS 40mg	5	NDS, QL (240 caps / 30 days), NM, PA
AUGTYRO CAPS 160mg	5	NDS, QL (60 caps / 30 days), NM, PA
AVMAPKI PAK FAKZYNJA	5	NDS, QL (1 pack / 28 days), NM, PA
AYVAKIT TABS 25mg, 50mg, 100mg, 200mg, 300mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BALVERSA TABS 3mg	5	NDS, QL (84 tabs / 28 days), NM, PA
BALVERSA TABS 4mg	5	NDS, QL (56 tabs / 28 days), NM, PA
BALVERSA TABS 5mg	5	NDS, QL (28 tabs / 28 days), NM, PA
BORTEZOMIB SOLR 1mg, 2.5mg	4	NM, PA
<i>bortezomib</i> SOLR 3.5mg	5	NDS, NM, PA
BOSULIF CAPS 50mg	5	NDS, QL (30 caps / 30 days), NM, PA
BOSULIF CAPS 100mg	5	NDS, QL (300 caps / 30 days), NM, PA
BOSULIF TABS 100mg	5	NDS, QL (180 tabs / 30 days), NM, PA
BOSULIF TABS 400mg, 500mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
BRAFTOVI CAPS 75mg	5	NDS, QL (180 caps / 30 days), NM, PA
BRUKINSA CAPS 80mg	5	NDS, QL (120 caps / 30 days), NM, PA
BRUKINSA TABS 160mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
CABOMETYX TABS 20mg, 40mg, 60mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
CALQUENCE TABS 100mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
CAPRELSA TABS 100mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
CAPRELSA TABS 300mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
COMETRIQ (60MG DOSE) KIT 20mg	5	NDS, QL (84 caps / 28 days), NM, PA
COMETRIQ KIT 100MG	5	NDS, QL (56 caps / 28 days), NM, PA
COMETRIQ KIT 140MG	5	NDS, QL (112 caps / 28 days), NM, PA
COPIKTRA CAPS 15mg, 25mg	5	NDS, QL (56 caps / 28 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
COTELLIC TABS 20mg	5	NDS, QL (63 tabs / 28 days), NM, PA
DANZITEN TABS 71mg, 95mg	5	NDS, QL (112 tabs / 28 days), NM, PA
<i>dasatinib</i> TABS 20mg	5	NDS, QL (90 tabs / 30 days), NM, PA
<i>dasatinib</i> TABS 50mg, 70mg, 80mg, 100mg, 140mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
DAURISMO TABS 25mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
DAURISMO TABS 100mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
ENSACOVE CAPS 25mg	5	NDS, QL (270 caps / 30 days), NM, PA
ENSACOVE CAPS 100mg	5	NDS, QL (60 caps / 30 days), NM, PA
ERIVEDGE CAPS 150mg	5	NDS, QL (30 caps / 30 days), NM, PA
<i>erlotinib hcl</i> TABS 25mg	5	NDS, QL (90 tabs / 30 days), NM, PA
<i>erlotinib hcl</i> TABS 100mg, 150mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
<i>everolimus</i> TABS 2.5mg, 5mg, 7.5mg, 10mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
<i>everolimus</i> TBSO 2mg, 5mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
<i>everolimus</i> TBSO 3mg	5	NDS, QL (90 tabs / 30 days), NM, PA
FOTIVDA CAPS .89mg, 1.34mg	5	NDS, QL (21 caps / 28 days), NM, PA
FRUZAQLA CAPS 1mg	5	NDS, QL (84 caps / 28 days), NM, PA
FRUZAQLA CAPS 5mg	5	NDS, QL (21 caps / 28 days), NM, PA
GAVRETO CAPS 100mg	5	NDS, QL (120 caps / 30 days), NM, PA
<i>gefitinib</i> TABS 250mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GILOTRIF TABS 20mg, 30mg, 40mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
GOMEKLI CAPS 1mg	5	NDS, QL (168 caps / 28 days), NM, PA
GOMEKLI CAPS 2mg	5	NDS, QL (84 caps / 28 days), NM, PA
GOMEKLI TBSO 1mg	5	NDS, QL (168 tabs / 28 days), NM, PA
HERCEP HYLEC SOL 60-10000	5	NDS, NM, PA
HERCEPTIN SOLR 150mg	5	NDS, NM, PA
HERCESSI SOLR 150mg, 420mg	5	NDS, NM, PA
HERNEXEOS TABS 60mg	5	NDS, QL (120 tabs / 30 days), NM, PA
HERZUMA SOLR 150mg, 420mg	5	NDS, NM, PA
HYRNUO TABS 10mg	5	NDS, QL (120 tabs / 30 days), NM, PA
IBRANCE CAPS 75mg, 100mg, 125mg	5	NDS, QL (21 caps / 28 days), NM, PA
IBRANCE TABS 75mg, 100mg, 125mg	5	NDS, QL (21 tabs / 28 days), NM, PA
IBTROZI CAPS 200mg	5	NDS, QL (90 caps / 30 days), NM, PA
ICLUSIG TABS 10mg, 15mg, 30mg, 45mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
IDHIFA TABS 50mg, 100mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
<i>imatinib mesylate</i> TABS 100mg	4	QL (90 tabs / 30 days), NM, PA
<i>imatinib mesylate</i> TABS 400mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
IMBRUVICA CAPS 70mg	5	NDS, QL (30 caps / 30 days), NM, PA
IMBRUVICA CAPS 140mg	5	NDS, QL (120 caps / 30 days), NM, PA
IMBRUVICA SUSP 70mg/ml	5	NDS, QL (216 mL / 27 days), NM, PA
IMBRUVICA TABS 140mg, 280mg, 420mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
IMKELDI SOLN 80mg/ml	5	NDS, QL (280 mL / 28 days), NM, PA
INLYTA TABS 1mg	5	NDS, QL (180 tabs / 30 days), NM, PA
INLYTA TABS 5mg	5	NDS, QL (120 tabs / 30 days), NM, PA
INREBIC CAPS 100mg	5	NDS, QL (120 caps / 30 days), NM, PA
ITOVEBI TABS 3mg	5	NDS, QL (56 tabs / 28 days), NM, PA
ITOVEBI TABS 9mg	5	NDS, QL (28 tabs / 28 days), NM, PA
JAKAFI TABS 5mg, 10mg, 15mg, 20mg, 25mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
JAYPIRCA TABS 50mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
JAYPIRCA TABS 100mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
KADCYLA SOLR 100mg, 160mg	5	NDS, B/D, NM
KANJINTI SOLR 150mg, 420mg	5	NDS, NM, PA
KEYTRUDA SOLN 100mg/4ml	5	NDS, NM, PA
KEYTRUDA INJ QLEX 395-4800 MG-UNIT/2.4ML	5	NDS, QL (1 vial / 21 days), NM, PA
KEYTRUDA INJ QLEX 790-9600 MG-UNIT/4.8ML	5	NDS, QL (1 vial / 42 days), NM, PA
KISQALI 200 DOSE TBPK 200mg	5	NDS, QL (21 tabs / 28 days), NM, PA
KISQALI 400 DOSE TBPK 200mg	5	NDS, QL (42 tabs / 28 days), NM, PA
KISQALI 400 PAK FEMARA	5	NDS, QL (70 tabs / 28 days), NM, PA
KISQALI 600 DOSE TBPK 200mg	5	NDS, QL (63 tabs / 28 days), NM, PA
KISQALI 600 PAK FEMARA	5	NDS, QL (91 tabs / 28 days), NM, PA
KOMZIFTI CAPS 200mg	5	NDS, QL (90 caps / 30 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KOSELUGO CAPS 10mg	5	NDS, QL (240 caps / 30 days), NM, PA
KOSELUGO CAPS 25mg	5	NDS, QL (120 caps / 30 days), NM, PA
KOSELUGO CPSP 5mg	5	NDS, QL (600 caps / 30 days), NM, PA
KOSELUGO CPSP 7.5mg	5	NDS, QL (360 caps / 30 days), NM, PA
KRAZATI TABS 200mg	5	NDS, QL (180 tabs / 30 days), NM, PA
<i>lapatinib ditosylate</i> TABS 250mg	5	NDS, QL (180 tabs / 30 days), NM, PA
LAZCLUZE TABS 80mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
LAZCLUZE TABS 240mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE CPPK 4mg	5	NDS, QL (30 caps / 30 days), NM, PA
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE CPPK 4mg	5	NDS, QL (60 caps / 30 days), NM, PA
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE CPPK 10mg	5	NDS, QL (30 caps / 30 days), NM, PA
LENVIMA 12MG DAILY DOSE CPPK 4mg	5	NDS, QL (90 caps / 30 days), NM, PA
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE CPPK 10mg	5	NDS, QL (60 caps / 30 days), NM, PA
LENVIMA CAP 14 MG	5	NDS, QL (60 caps / 30 days), NM, PA
LENVIMA CAP 18 MG	5	NDS, QL (90 caps / 30 days), NM, PA
LENVIMA CAP 24 MG	5	NDS, QL (90 caps / 30 days), NM, PA
LORBRENA TABS 25mg	5	NDS, QL (90 tabs / 30 days), NM, PA
LORBRENA TABS 100mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
LUMAKRAS TABS 120mg	5	NDS, QL (240 tabs / 30 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LUMAKRAS TABS 240mg	5	NDS, QL (120 tabs / 30 days), NM, PA
LUMAKRAS TABS 320mg	5	NDS, QL (90 tabs / 30 days), NM, PA
LYNPARZA TABS 100mg, 150mg	5	NDS, QL (120 tabs / 30 days), NM, PA
LYTGOBI (12 MG DAILY DOSE) TBPK 4mg	5	NDS, QL (84 tabs / 28 days), NM, PA
LYTGOBI (16 MG DAILY DOSE) TBPK 4mg	5	NDS, QL (112 tabs / 28 days), NM, PA
LYTGOBI (20 MG DAILY DOSE) TBPK 4mg	5	NDS, QL (140 tabs / 28 days), NM, PA
MEKINIST SOLR .05mg/ml	5	NDS, QL (1260 mL / 30 days), NM, PA
MEKINIST TABS 2mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
MEKINIST TABS .5mg	5	NDS, QL (90 tabs / 30 days), NM, PA
MEKTOVI TABS 15mg	5	NDS, QL (180 tabs / 30 days), NM, PA
MONJUVI SOLR 200mg	5	NDS, NM, PA
NERLYNX TABS 40mg	5	NDS, QL (180 tabs / 30 days), NM, PA
<i>nilotinib hcl</i> CAPS 50mg	5	NDS, QL (120 caps / 30 days), NM, PA
<i>nilotinib hcl</i> CAPS 150mg, 200mg	5	NDS, QL (112 caps / 28 days), NM, PA
NINLARO CAPS 2.3mg, 3mg, 4mg	5	NDS, QL (3 caps / 28 days), NM, PA
ODOMZO CAPS 200mg	5	NDS, QL (30 caps / 30 days), NM, PA
OGIVRI SOLR 150mg, 420mg	5	NDS, NM, PA
OGSIVEO TABS 100mg, 150mg	5	NDS, QL (56 tabs / 28 days), NM, PA
OJEMDA SUSR 25mg/ml	5	NDS, QL (96 mL / 28 days), NM, PA
OJEMDA TABS 100mg	5	NDS, QL (24 tabs / 28 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
OJJAARA TABS 100mg, 150mg, 200mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
ONTRUZANT SOLR 150mg, 420mg	5	NDS, NM, PA
pazopanib hcl TABS 200mg	5	NDS, QL (120 tabs / 30 days), NM, PA
pazopanib hcl TABS 400mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
PEMAZYRE TABS 4.5mg, 9mg, 13.5mg	5	NDS, QL (28 tabs / 28 days), NM, PA
PHESGO SOL	5	NDS, NM, PA
PIQRAY 200MG DAILY DOSE TBPk 200mg	5	NDS, QL (28 tabs / 28 days), NM, PA
PIQRAY 250MG TAB DOSE	5	NDS, QL (56 tabs / 28 days), NM, PA
PIQRAY 300MG DAILY DOSE TBPk 150mg	5	NDS, QL (56 tabs / 28 days), NM, PA
QINLOCK TABS 50mg	5	NDS, QL (90 tabs / 30 days), NM, PA
RETEVMO TABS 40mg	5	NDS, QL (90 tabs / 30 days), NM, PA
RETEVMO TABS 80mg	5	NDS, QL (120 tabs / 30 days), NM, PA
RETEVMO TABS 120mg, 160mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
REVUFORJ TABS 25mg	5	NDS, QL (240 tabs / 30 days), NM, PA
REVUFORJ TABS 110mg	5	NDS, QL (120 tabs / 30 days), NM, PA
REVUFORJ TABS 160mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
REZLIDHIA CAPS 150mg	5	NDS, QL (60 caps / 30 days), NM, PA
ROMVIMZA CAPS 14mg, 20mg, 30mg	5	NDS, QL (8 caps / 28 days), NM, PA
ROZLYTREK CAPS 100mg	5	NDS, QL (180 caps / 30 days), NM, PA
ROZLYTREK CAPS 200mg	5	NDS, QL (90 caps / 30 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ROZLYTREK PACK 50mg	5	NDS, QL (336 packets / 28 days), NM, PA
RUBRACA TABS 200mg, 250mg, 300mg	5	NDS, QL (120 tabs / 30 days), NM, PA
RYDAPT CAPS 25mg	5	NDS, QL (224 caps / 28 days), NM, PA
SCEMBLIX TABS 20mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
SCEMBLIX TABS 40mg	5	NDS, QL (300 tabs / 30 days), NM, PA
SCEMBLIX TABS 100mg	5	NDS, QL (120 tabs / 30 days), NM, PA
<i>sorafenib tosylate</i> TABS 200mg	5	NDS, QL (120 tabs / 30 days), NM, PA
STIVARGA TABS 40mg	5	NDS, QL (84 tabs / 28 days), NM, PA
<i>sunitinib malate</i> CAPS 12.5mg, 25mg, 37.5mg, 50mg	5	NDS, QL (30 caps / 30 days), NM, PA
TABRECTA TABS 150mg, 200mg	5	NDS, QL (112 tabs / 28 days), NM, PA
TAFINLAR CAPS 50mg, 75mg	5	NDS, QL (120 caps / 30 days), NM, PA
TAFINLAR TBSO 10mg	5	NDS, QL (840 tabs / 28 days), NM, PA
TAGRISSO TABS 40mg, 80mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
TALZENNA CAPS .1mg, .35mg, .5mg, .75mg, 1mg	5	NDS, QL (30 caps / 30 days), NM, PA
TALZENNA CAPS .25mg	5	NDS, QL (90 caps / 30 days), NM, PA
TAZVERIK TABS 200mg	5	NDS, QL (240 tabs / 30 days), NM, PA
TECENTRIQ SOLN 840mg/14ml, 1200mg/20ml	5	NDS, NM, PA
TECENTRIQ INJ HYBREZA	5	NDS, QL (1 vial / 21 days), NM, PA
TEPMETKO TABS 225mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TIBSOVO TABS 250mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
torpenz TABS 2.5mg, 5mg, 7.5mg, 10mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
TRAZIMERA SOLR 150mg, 420mg	5	NDS, NM, PA
TRUQAP TABS 160mg, 200mg	5	NDS, QL (64 tabs / 28 days), NM, PA
TRUQAP TBPK 160mg, 200mg	5	NDS, QL (4 packs / 28 days), NM, PA
TRUXIMA SOLN 100mg/10ml, 500mg/50ml	5	NDS, NM, PA
TUKYSA TABS 50mg, 150mg	5	NDS, QL (120 tabs / 30 days), NM, PA
TURALIO CAPS 125mg	5	NDS, QL (120 caps / 30 days), NM, PA
VANFLYTA TABS 17.7mg, 26.5mg	5	NDS, QL (56 tabs / 28 days), NM, PA
VENCLEXTA TABS 10mg	3	QL (112 tabs / 28 days), NM, PA
VENCLEXTA TABS 50mg	5	NDS, QL (112 tabs / 28 days), NM, PA
VENCLEXTA TABS 100mg	5	NDS, QL (180 tabs / 30 days), NM, PA
VENCLEXTA TAB START PK	5	NDS, QL (42 tabs / 28 days), NM, PA
VERZENIO TABS 50mg, 100mg, 150mg, 200mg	5	NDS, QL (56 tabs / 28 days), NM, PA
VITRAKVI CAPS 25mg	5	NDS, QL (180 caps / 30 days), NM, PA
VITRAKVI CAPS 100mg	5	NDS, QL (60 caps / 30 days), NM, PA
VITRAKVI SOLN 20mg/ml	5	NDS, QL (300 mL / 30 days), NM, PA
VIZIMPRO TABS 15mg, 30mg, 45mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
VONJO CAPS 100mg	5	NDS, QL (120 caps / 30 days), NM, PA
VORANIGO TABS 10mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VORANIGO TABS 40mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
XALKORI CAPS 200mg, 250mg; CPSP 20mg, 50mg	5	NDS, QL (120 caps / 30 days), NM, PA
XALKORI CPSP 150mg	5	NDS, QL (180 caps / 30 days), NM, PA
XOSPATA TABS 40mg	5	NDS, QL (90 tabs / 30 days), NM, PA
XPOVIO PAK (40 MG ONCE WEEKLY) TBPK 10mg	5	NDS, QL (16 tabs / 28 days), NM, PA
XPOVIO PAK (40 MG ONCE WEEKLY) TBPK 40mg	5	NDS, QL (4 tabs / 28 days), NM, PA
XPOVIO PAK (40 MG TWICE WEEKLY) TBPK 40mg	5	NDS, QL (8 tabs / 28 days), NM, PA
XPOVIO PAK (60 MG ONCE WEEKLY) TBPK 60mg	5	NDS, QL (4 tabs / 28 days), NM, PA
XPOVIO PAK (60 MG TWICE WEEKLY) TBPK 20mg	5	NDS, QL (24 tabs / 28 days), NM, PA
XPOVIO PAK (80 MG ONCE WEEKLY) TBPK 40mg	5	NDS, QL (8 tabs / 28 days), NM, PA
XPOVIO PAK (80 MG ONCE WEEKLY) TBPK 80mg	5	NDS, QL (4 tabs / 28 days), NM, PA
XPOVIO PAK (80 MG TWICE WEEKLY) TBPK 20mg	5	NDS, QL (32 tabs / 28 days), NM, PA
XPOVIO PAK (100 MG ONCE WEEKLY) TBPK 50mg	5	NDS, QL (8 tabs / 28 days), NM, PA
ZEJULA TABS 100mg, 200mg, 300mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
ZELBORAF TABS 240mg	5	NDS, QL (240 tabs / 30 days), NM, PA
ZIRABEV SOLN 100mg/4ml, 400mg/16ml	5	NDS, NM, PA
ZOLINZA CAPS 100mg	5	NDS, QL (120 caps / 30 days), NM, PA
ZYDELIG TABS 100mg, 150mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
ZYKADIA TABS 150mg	5	NDS, QL (84 tabs / 28 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name **Drug Tier** **Requirements/Limits**

CARDIOVASCULAR

ACE INHIBITOR COMBINATIONS

<i>amlodipine besylate-benazepril hcl cap 2.5-10 mg</i>	6	QL (30 caps / 30 days)
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl cap 5-10 mg</i>	6	QL (30 caps / 30 days)
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl cap 5-20 mg</i>	6	QL (30 caps / 30 days)
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl cap 5-40 mg</i>	6	QL (30 caps / 30 days)
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl cap 10-20 mg</i>	6	QL (30 caps / 30 days)
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl cap 10-40 mg</i>	6	QL (30 caps / 30 days)
<i>benazepril & hydrochlorothiazide tab 5-6.25mg</i>	6	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide tab 10-12.5 mg</i>	6	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide tab 20-12.5 mg</i>	6	
<i>benazepril & hydrochlorothiazide tab 20-25 mg</i>	6	
<i>captopril & hydrochlorothiazide tab 25-15 mg</i>	6	
<i>captopril & hydrochlorothiazide tab 25-25 mg</i>	6	
<i>captopril & hydrochlorothiazide tab 50-15 mg</i>	6	
<i>captopril & hydrochlorothiazide tab 50-25 mg</i>	6	
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide tab 5-12.5 mg</i>	6	
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide tab 10-25 mg</i>	6	
<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide tab 10-12.5 mg</i>	6	
<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide tab 20-12.5 mg</i>	6	
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide tab 10-12.5 mg</i>	6	
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide tab 20-12.5 mg</i>	6	
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide tab 20-25 mg</i>	6	

ACE INHIBITORS

<i>benazepril hcl TABS 5mg, 10mg, 20mg, 40mg</i>	6	
<i>captopril TABS 12.5mg, 25mg, 50mg, 100mg</i>	6	
<i>enalapril maleate TABS 2.5mg, 5mg, 10mg, 20mg</i>	6	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fosinopril sodium</i> TABS 10mg, 20mg, 40mg	6	
<i>lisinopril</i> TABS 2.5mg, 5mg, 10mg, 20mg, 30mg, 40mg	6	
<i>moexipril hcl</i> TABS 7.5mg, 15mg	6	
<i>perindopril erbumine</i> TABS 2mg, 4mg, 8mg	6	
<i>quinapril hcl</i> TABS 5mg, 10mg, 20mg, 40mg	6	
<i>ramipril</i> CAPS 1.25mg, 2.5mg, 5mg, 10mg	6	
<i>trandolapril</i> TABS 1mg, 2mg, 4mg	6	
ALDOSTERONE RECEPTOR ANTAGONISTS		
<i>epplerenone</i> TABS 25mg, 50mg	3	
KERENDIA TABS 10mg, 20mg, 40mg	3	QL (30 tabs / 30 days)
<i>spironolactone</i> TABS 25mg, 50mg, 100mg	1	
ALPHA BLOCKERS		
<i>doxazosin mesylate</i> TABS 1mg, 2mg, 4mg, 8mg	2	
<i>prazosin hcl</i> CAPS 1mg, 2mg, 5mg	3	
<i>terazosin hcl</i> CAPS 1mg, 2mg, 5mg, 10mg	1	
ANGIOTENSIN II RECEPTOR ANTAGONIST COMBINATIONS		
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil tab</i> 5-20 mg	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil tab</i> 5-40 mg	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil tab</i> 10-20 mg	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil tab</i> 10-40 mg	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>amlodipine besylate-valsartan tab</i> 5-160 mg	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>amlodipine besylate-valsartan tab</i> 5-320 mg	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>amlodipine besylate-valsartan tab</i> 10-160 mg	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>amlodipine besylate-valsartan tab</i> 10-320 mg	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide tab</i> 16-12.5 mg	6	QL (60 tabs / 30 days)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide tab</i> 32-12.5 mg	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide tab</i> 32-25 mg	6	QL (30 tabs / 30 days)

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EDARBYCLOR TAB 40-12.5	4	QL (30 tabs / 30 days), ST
EDARBYCLOR TAB 40-25MG	4	QL (30 tabs / 30 days), ST
ENTRESTO CAP 6-6MG	3	QL (240 caps / 30 days)
ENTRESTO CAP 15-16MG	3	QL (240 caps / 30 days)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide tab 150-12.5 mg</i>	6	QL (60 tabs / 30 days)
<i>irbesartan-hydrochlorothiazide tab 300-12.5 mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide tab 50-12.5 mg</i>	6	
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide tab 100-12.5 mg</i>	6	
<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide tab 100-25 mg</i>	6	
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide tab 20-12.5 mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide tab 40-12.5 mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide tab 40-25 mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>olmesartan-amlodipine-hydrochlorothiazide tab 20-5-12.5 mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>olmesartan-amlodipine-hydrochlorothiazide tab 40-5-12.5 mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>olmesartan-amlodipine-hydrochlorothiazide tab 40-5-25 mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>olmesartan-amlodipine-hydrochlorothiazide tab 40-10-12.5 mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>olmesartan-amlodipine-hydrochlorothiazide tab 40-10-25 mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>sacubitril-valsartan tab 24-26 mg</i>	3	QL (60 tabs / 30 days)
<i>sacubitril-valsartan tab 49-51 mg</i>	3	QL (60 tabs / 30 days)
<i>sacubitril-valsartan tab 97-103 mg</i>	3	QL (60 tabs / 30 days)
<i>telmisartan-amlodipine tab 40-5 mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>telmisartan-amlodipine tab 40-10 mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>telmisartan-amlodipine tab 80-5 mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>telmisartan-amlodipine tab 80-10 mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide tab 40-12.5 mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide tab 80-12.5 mg</i>	6	QL (60 tabs / 30 days)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide tab 80-25 mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>valsartan-hydrochlorothiazide tab 80-12.5 mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>valsartan-hydrochlorothiazide tab 160-12.5 mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>valsartan-hydrochlorothiazide tab 160-25 mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>valsartan-hydrochlorothiazide tab 320-12.5 mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>valsartan-hydrochlorothiazide tab 320-25 mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)

ANGIOTENSIN II RECEPTOR ANTAGONISTS

<i>candesartan cilexetil TABS 4mg, 8mg, 16mg</i>	6	QL (60 tabs / 30 days)
<i>candesartan cilexetil TABS 32mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>EDARBI TABS 40mg, 80mg</i>	4	QL (30 tabs / 30 days), ST
<i>irbesartan TABS 75mg, 150mg, 300mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>losartan potassium TABS 25mg, 50mg, 100mg</i>	6	
<i>olmesartan medoxomil TABS 5mg</i>	6	QL (60 tabs / 30 days)
<i>olmesartan medoxomil TABS 20mg, 40mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>telmisartan TABS 20mg, 40mg, 80mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>valsartan TABS 40mg, 80mg, 160mg</i>	6	QL (60 tabs / 30 days)
<i>valsartan TABS 320mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)

ANTIARRHYTHMICS

<i>amiodarone hcl SOLN 50mg/ml, 150mg/3ml, 900mg/18ml; TABS 100mg, 400mg</i>	4	
<i>amiodarone hcl TABS 200mg</i>	1	
<i>disopyramide phosphate CAPS 100mg, 150mg</i>	4	
<i>dofetilide CAPS 125mcg, 250mcg, 500mcg</i>	4	
<i>flecainide acetate TABS 50mg, 100mg, 150mg</i>	3	
<i>MULTAQ TABS 400mg</i>	4	QL (60 tabs / 30 days)
<i>pacerone TABS 100mg, 400mg</i>	4	
<i>pacerone TABS 200mg</i>	1	
<i>propafenone hcl CP12 225mg, 325mg, 425mg</i>	4	
<i>propafenone hcl TABS 150mg, 225mg, 300mg</i>	3	
<i>quinidine sulfate TABS 200mg, 300mg</i>	4	
<i>sotalol hcl TABS 80mg, 120mg, 160mg, 240mg</i>	2	
<i>sotalol hcl (afib/afl) TABS 80mg, 120mg, 160mg</i>	3	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ANTILIPEMICS, FIBRATES		
<i>choline fenofibrate</i> CPDR 45mg, 135mg	3	
<i>fenofibrate</i> TABS 48mg, 54mg, 145mg, 160mg	2	
<i>fenofibrate micronized</i> CAPS 67mg, 134mg, 200mg	3	
<i>gemfibrozil</i> TABS 600mg	2	
ANTILIPEMICS, HMG-CoA REDUCTASE INHIBITORS		
<i>atorvastatin calcium</i> TABS 10mg, 20mg, 40mg, 80mg	6	QL (30 tabs / 30 days)
EZALLOR SPRINKLE CPSP 5mg, 10mg, 20mg, 40mg	4	QL (30 caps / 30 days), ST
<i>fluvastatin sodium</i> CAPS 20mg, 40mg	6	QL (60 caps / 30 days), ST
<i>fluvastatin sodium</i> TB24 80mg	6	QL (30 tabs / 30 days), ST
<i>lovastatin</i> TABS 10mg, 20mg, 40mg	6	QL (60 tabs / 30 days)
<i>pitavastatin calcium</i> TABS 1mg, 2mg, 4mg	6	QL (30 tabs / 30 days), ST
<i>pravastatin sodium</i> TABS 10mg, 20mg, 40mg, 80mg	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>rosuvastatin calcium</i> TABS 5mg, 10mg, 20mg, 40mg	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>simvastatin</i> TABS 5mg, 10mg, 20mg, 40mg, 80mg	6	QL (30 tabs / 30 days)
ZYPITAMAG TABS 2mg, 4mg	4	QL (30 tabs / 30 days), ST
ANTILIPEMICS, MISCELLANEOUS		
<i>cholestyramine</i> PACK 4gm; POWD 4gm/dose	3	
<i>cholestyramine light</i> PACK 4gm; POWD 4gm/dose	3	
<i>colesevelam hcl</i> PACK 3.75gm; TABS 625mg	4	
<i>colestipol hcl</i> GRAN 5gm; PACK 5gm	4	
<i>colestipol hcl</i> TABS 1gm	3	
<i>ezetimibe</i> TABS 10mg	2	QL (30 tabs / 30 days)
<i>ezetimibe-simvastatin tab 10-10 mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>ezetimibe-simvastatin tab 10-20 mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>ezetimibe-simvastatin tab 10-40 mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ezetimibe-simvastatin tab 10-80 mg</i>	6	QL (30 tabs / 30 days)
NEXLETOL TABS 180mg	3	QL (30 tabs / 30 days)
NEXLIZET TAB 180/10MG	3	QL (30 tabs / 30 days)
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR 500mg, 750mg, 1000mg</i>	3	QL (60 tabs / 30 days)
<i>omega-3-acid ethyl esters cap 1 gm</i>	3	PA
<i>prevalite</i> PACK 4gm; POWD 4gm/dose	3	
REPATHA SOSY 140mg/ml	3	QL (6 syringes / 28 days), NM, PA
REPATHA SURECLICK SOAJ 140mg/ml	3	QL (6 autoinjectors / 28 days), NM, PA
VASCEPA CAPS .5gm, 1gm	3	

BETA-BLOCKER/DIURETIC COMBINATIONS

<i>atenolol & chlorthalidone tab 50-25 mg</i>	2	
<i>atenolol & chlorthalidone tab 100-25 mg</i>	2	
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide tab 2.5-6.25 mg</i>	2	
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide tab 5-6.25 mg</i>	2	
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide tab 10-6.25 mg</i>	2	
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide tab 50-25 mg</i>	3	
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide tab 100-25 mg</i>	3	
<i>metoprolol & hydrochlorothiazide tab 100-50 mg</i>	3	

BETA-BLOCKERS

<i>acebutolol hcl</i> CAPS 200mg, 400mg	3	
<i>atenolol</i> TABS 25mg, 50mg, 100mg	1	
<i>bisoprolol fumarate</i> TABS 5mg, 10mg	2	
<i>carvedilol</i> TABS 3.125mg, 6.25mg, 12.5mg, 25mg	1	
<i>labetalol hcl</i> TABS 100mg, 200mg, 300mg	2	
<i>metoprolol succinate</i> TB24 25mg, 50mg, 100mg, 200mg	1	
<i>metoprolol tartrate</i> SOLN 5mg/5ml	4	
<i>metoprolol tartrate</i> TABS 25mg, 50mg, 100mg	1	
<i>nadolol</i> TABS 20mg, 40mg, 80mg	3	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nebivolol hcl</i> TABS 2.5mg, 5mg, 10mg	3	QL (30 tabs / 30 days)
<i>nebivolol hcl</i> TABS 20mg	3	QL (60 tabs / 30 days)
<i>pindolol</i> TABS 5mg, 10mg	3	
<i>propranolol hcl</i> CP24 60mg, 80mg, 120mg, 160mg; SOLN 20mg/5ml, 40mg/5ml	3	
<i>propranolol hcl</i> TABS 10mg, 20mg, 40mg, 60mg, 80mg	2	
<i>timolol maleate</i> TABS 5mg, 10mg, 20mg	3	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS		
<i>amlodipine besylate</i> TABS 2.5mg, 5mg, 10mg	1	
<i>cartia xt</i> CP24 120mg, 180mg, 240mg, 300mg	2	
<i>dilt-xr</i> CP24 120mg, 180mg, 240mg	2	
<i>diltiazem hcl</i> CP12 60mg, 90mg, 120mg	4	
<i>diltiazem hcl</i> CP24 120mg, 180mg, 240mg; TABS 30mg, 60mg, 90mg, 120mg	2	
<i>diltiazem hcl</i> SOLN 25mg/5ml, 50mg/10ml, 125mg/25ml; TB24 120mg, 180mg, 240mg, 300mg, 360mg, 420mg	3	
<i>diltiazem hcl coated beads</i> CP24 120mg, 180mg, 240mg, 300mg	2	
<i>diltiazem hcl coated beads</i> CP24 360mg	4	
<i>diltiazem hcl extended release beads</i> CP24 120mg, 180mg, 240mg, 300mg, 360mg, 420mg	2	
<i>felodipine</i> TB24 2.5mg, 5mg, 10mg	2	
<i>isradipine</i> CAPS 2.5mg, 5mg	4	
<i>matzim la</i> TB24 180mg, 240mg, 300mg, 360mg, 420mg	3	
<i>nicardipine hcl</i> CAPS 20mg, 30mg	4	
<i>nifedipine</i> TB24 30mg, 60mg, 90mg	3	
<i>nimodipine</i> CAPS 30mg	4	
<i>nisoldipine</i> TB24 8.5mg, 17mg, 34mg	4	
<i>tiadylt er</i> CP24 120mg, 180mg, 240mg, 300mg, 360mg, 420mg	2	
<i>verapamil hcl</i> CP24 100mg, 200mg, 300mg, 360mg; SOLN 2.5mg/ml	4	
<i>verapamil hcl</i> CP24 120mg, 180mg, 240mg	3	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>verapamil hcl</i> TABS 40mg, 80mg, 120mg	1	
<i>verapamil hcl</i> TBCR 120mg, 180mg, 240mg	2	
DIURETICS		
<i>acetazolamide</i> CP12 500mg; TABS 125mg, 250mg	3	
<i>amiloride & hydrochlorothiazide tab 5-50 mg</i>	2	
<i>amiloride hcl</i> TABS 5mg	2	
<i>bumetanide</i> SOLN .25mg/ml; TABS .5mg, 1mg, 2mg	3	
<i>chlorthalidone</i> TABS 25mg, 50mg	2	
<i>furosemide</i> SOLN 10mg/ml, 40mg/5ml	2	
<i>furosemide</i> TABS 20mg, 40mg, 80mg	1	
<i>furosemide inj</i> SOLN 10mg/ml	3	
<i>hydrochlorothiazide</i> CAPS 12.5mg; TABS 12.5mg, 25mg, 50mg	1	
<i>indapamide</i> TABS 1.25mg, 2.5mg	1	
<i>methazolamide</i> TABS 25mg, 50mg	4	
<i>metolazone</i> TABS 2.5mg, 5mg, 10mg	2	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide tab 25-25 mg</i>	2	
<i>torsemide</i> TABS 5mg, 10mg, 20mg, 100mg	2	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide cap 37.5-25 mg</i>	1	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide tab 37.5-25 mg</i>	1	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide tab 75-50 mg</i>	1	
MISCELLANEOUS		
<i>aliskiren fumarate</i> TABS 150mg, 300mg	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium tab 2.5-10 mg</i>	6	
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium tab 2.5-20 mg</i>	6	
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium tab 2.5-40 mg</i>	6	
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium tab 5-10 mg</i>	6	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium tab 5-20 mg</i>	6	
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium tab 5-40 mg</i>	6	
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium tab 5-80 mg</i>	6	
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium tab 10-10 mg</i>	6	
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium tab 10-20 mg</i>	6	
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium tab 10-40 mg</i>	6	
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium tab 10-80 mg</i>	6	
<i>clonidine</i> PTWK .1mg/24hr, .2mg/24hr, .3mg/24hr	3	
<i>clonidine hcl</i> TABS .1mg, .2mg, .3mg	1	
CORLANOR SOLN 5mg/5ml	4	QL (450 mL / 30 days)
<i>digoxin</i> SOLN .05mg/ml, .25mg/ml	4	
<i>digoxin</i> TABS 125mcg, 250mcg	2	QL (30 tabs / 30 days)
<i>droxidopa</i> CAPS 100mg	4	QL (90 caps / 30 days), NM, PA
<i>droxidopa</i> CAPS 200mg, 300mg	5	NDS, QL (180 caps / 30 days), NM, PA
<i>epinephrine (anaphylaxis)</i> SOLN 1mg/ml	4	
<i>guanfacine hcl</i> TABS 1mg, 2mg	3	PA; PA applies if 65 years and older
<i>hydralazine hcl</i> SOLN 20mg/ml	4	
<i>hydralazine hcl</i> TABS 10mg, 25mg, 50mg, 100mg	1	
<i>ivabradine hcl</i> TABS 5mg, 7.5mg	4	QL (60 tabs / 30 days)
<i>metyrosine</i> CAPS 250mg	5	NDS, NM, PA
<i>midodrine hcl</i> TABS 2.5mg, 5mg	3	
<i>midodrine hcl</i> TABS 10mg	4	
<i>minoxidil</i> TABS 2.5mg, 10mg	2	
<i>ranolazine</i> TB12 500mg, 1000mg	4	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VERQUVO TABS 2.5mg, 5mg, 10mg	3	QL (30 tabs / 30 days), PA
NITRATES		
<i>isosorbide dinitrate</i> TABS 5mg, 10mg, 20mg, 30mg	3	
<i>isosorbide mononitrate</i> TB24 30mg, 60mg, 120mg	1	
NITRO-BID OINT 2%	3	
<i>nitroglycerin</i> PT24 .1mg/hr, .2mg/hr, .4mg/hr, .6mg/hr	3	
<i>nitroglycerin</i> SUBL .3mg, .4mg, .6mg	2	
PULMONARY ARTERIAL HYPERTENSION		
ADEMPAS TABS .5mg, 1mg, 1.5mg, 2mg, 2.5mg	5	NDS, QL (90 tabs / 30 days), NM, PA
<i>alyq</i> TABS 20mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
<i>ambrisentan</i> TABS 5mg, 10mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
<i>bosentan</i> TABS 62.5mg, 125mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
<i>bosentan</i> TBSO 32mg	5	NDS, QL (120 tabs / 30 days), NM, PA
OPSUMIT TABS 10mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension)</i> TABS 20mg	3	QL (360 tabs / 30 days), NM, PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension)</i> TABS 20mg	4	QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
<i>treprostinil</i> SOLN 20mg/20ml, 50mg/20ml, 100mg/20ml, 200mg/20ml	5	NDS, NM, PA
UPTRAVI TABS 200mcg	5	NDS, QL (140 tabs / 28 days), NM, PA
UPTRAVI TABS 400mcg, 600mcg, 800mcg, 1000mcg, 1200mcg, 1400mcg, 1600mcg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
UPTRAVI PACK TAB 200/800	5	NDS, QL (1 pack / 28 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
WINREVAIR KIT 45mg, 60mg	5	NDS, QL (2 vials / 21 days), NM, PA
WINREVAIR INJ 45MG	5	NDS, QL (2 vials / 21 days), NM, PA
WINREVAIR INJ 60MG	5	NDS, QL (2 vials / 21 days), NM, PA
YUTREPIA CAPS 26.5mcg, 53mcg, 79.5mcg	5	NDS, QL (140 caps / 28 days), NM, PA
YUTREPIA CAPS 106mcg	5	NDS, QL (224 caps / 28 days), NM, PA

CENTRAL NERVOUS SYSTEM

ANTI-ANXIETY

<i>alprazolam</i> TABS .25mg, .5mg, 1mg, 2mg	2	QL (150 tabs / 30 days)
<i>buspirone hcl</i> TABS 5mg, 10mg, 15mg	1	
<i>buspirone hcl</i> TABS 7.5mg, 30mg	3	
<i>fluvoxamine maleate</i> TABS 25mg, 50mg, 100mg	3	
<i>lorazepam</i> CONC 2mg/ml	3	QL (150 mL / 30 days)
<i>lorazepam</i> SOLN 4mg/ml, 20mg/10ml	2	
<i>lorazepam</i> TABS .5mg, 1mg, 2mg	2	QL (150 tabs / 30 days)
<i>lorazepam intensol</i> CONC 2mg/ml	3	QL (150 mL / 30 days)

ANTIDEMENTIA

<i>donepezil hydrochloride</i> TABS 5mg; TBDP 5mg	2	QL (30 tabs / 30 days)
<i>donepezil hydrochloride</i> TABS 10mg; TBDP 10mg	2	
<i>galantamine hydrobromide</i> CP24 8mg, 16mg, 24mg	3	QL (30 caps / 30 days)
<i>galantamine hydrobromide</i> SOLN 4mg/ml	4	QL (200 mL / 30 days)
<i>galantamine hydrobromide</i> TABS 4mg, 8mg, 12mg	3	QL (60 tabs / 30 days)
<i>memantine hcl</i> CP24 7mg, 14mg, 21mg, 28mg; SOLN 2mg/ml	4	PA; PA applies if 29 years and younger
<i>memantine hcl</i> TABS 5mg, 10mg	3	PA; PA applies if 29 years and younger
<i>memantine hcl-donepezil hcl cap er 24hr 14-10 mg</i>	4	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>memantine hcl-donepezil hcl cap er 24hr 21-10 mg</i>	4	
<i>memantine hcl-donepezil hcl cap er 24hr 28-10 mg</i>	4	
NAMZARIC CAP 7-10MG	4	
<i>rivastigmine PT24 4.6mg/24hr, 9.5mg/24hr, 13.3mg/24hr</i>	4	QL (30 patches / 30 days)
<i>rivastigmine tartrate CAPS 1.5mg, 3mg, 4.5mg, 6mg</i>	3	QL (60 caps / 30 days)
ANTIDEPRESSANTS		
<i>amitriptyline hcl TABS 10mg, 25mg, 50mg, 75mg, 100mg, 150mg</i>	3	PA; PA applies if 65 years and older
<i>amoxapine TABS 25mg, 50mg, 100mg, 150mg</i>	3	PA; PA applies if 65 years and older
AUVELITY TAB 45-105MG	4	QL (60 tabs / 30 days), PA
<i>bupropion hcl TABS 75mg, 100mg</i>	2	
<i>bupropion hcl TB12 100mg, 150mg, 200mg; TB24 150mg</i>	2	QL (60 tabs / 30 days)
<i>bupropion hcl TB24 300mg</i>	2	QL (30 tabs / 30 days)
<i>citalopram hydrobromide SOLN 10mg/5ml</i>	3	
<i>citalopram hydrobromide TABS 10mg, 20mg, 40mg</i>	1	
<i>clomipramine hcl CAPS 25mg, 50mg, 75mg</i>	4	PA
<i>desipramine hcl TABS 10mg, 25mg, 50mg, 75mg, 100mg, 150mg</i>	4	PA; PA applies if 65 years and older
<i>desvenlafaxine succinate TB24 25mg, 50mg, 100mg</i>	3	QL (30 tabs / 30 days)
<i>doxepin hcl CAPS 10mg, 25mg, 50mg, 75mg, 100mg, 150mg; CONC 10mg/ml</i>	3	PA; PA applies if 65 years and older
DRIZALMA SPRINKLE CSDR 20mg, 30mg, 40mg, 60mg	4	QL (60 caps / 30 days), PA
<i>duloxetine hcl CPEP 20mg, 30mg, 60mg</i>	3	QL (60 caps / 30 days)
EMSAM PT24 6mg/24hr, 9mg/24hr, 12mg/24hr	5	NDS, QL (30 patches / 30 days), PA
<i>escitalopram oxalate SOLN 5mg/5ml</i>	4	
<i>escitalopram oxalate TABS 5mg, 10mg, 20mg</i>	1	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EXXUA TB24 18.2mg, 36.3mg, 54.5mg, 72.6mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), PA
EXXUA TITRATION PACK TB24 18.2mg	5	NDS, QL (2 packs / year), PA
FETZIMA CP24 20mg, 40mg	4	QL (60 caps / 30 days), PA
FETZIMA CP24 80mg, 120mg	4	QL (30 caps / 30 days), PA
FETZIMA CAP TITRATIO	4	QL (2 packs / year), PA
<i>fluoxetine hcl</i> CAPS 10mg, 20mg, 40mg	1	
<i>fluoxetine hcl</i> SOLN 20mg/5ml	3	
<i>imipramine hcl</i> TABS 10mg, 25mg, 50mg	2	PA; PA applies if 65 years and older
MARPLAN TABS 10mg	4	QL (180 tabs / 30 days)
<i>mirtazapine</i> TABS 7.5mg; TBDP 15mg, 30mg, 45mg	3	
<i>mirtazapine</i> TABS 15mg, 30mg, 45mg	2	
<i>nefazodone hcl</i> TABS 50mg, 100mg, 150mg, 200mg, 250mg	4	
<i>nortriptyline hcl</i> CAPS 10mg, 25mg, 50mg, 75mg	2	
<i>nortriptyline hcl</i> SOLN 10mg/5ml	4	
<i>paroxetine hcl</i> SUSP 10mg/5ml	4	QL (900 mL / 30 days), PA; PA applies if 65 years and older
<i>paroxetine hcl</i> TABS 10mg, 20mg, 30mg, 40mg	2	PA; PA applies if 65 years and older
<i>paroxetine hcl</i> TB24 12.5mg, 25mg, 37.5mg	4	QL (60 tabs / 30 days), PA; PA applies if 65 years and older
<i>phenelzine sulfate</i> TABS 15mg	3	
<i>protriptyline hcl</i> TABS 5mg, 10mg	4	
RALDESY SOLN 10mg/ml	4	QL (1800 mL / 30 days), PA
<i>sertraline hcl</i> CONC 20mg/ml	3	
<i>sertraline hcl</i> TABS 25mg, 50mg, 100mg	1	
<i>tranylcypromine sulfate</i> TABS 10mg	4	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trazodone hcl</i> TABS 50mg, 100mg, 150mg	1	
<i>trimipramine maleate</i> CAPS 25mg, 50mg	4	QL (120 caps / 30 days)
<i>trimipramine maleate</i> CAPS 100mg	4	QL (60 caps / 30 days)
TRINTELLIX TABS 5mg, 10mg, 20mg	4	QL (30 tabs / 30 days), PA
<i>venlafaxine hcl</i> CP24 37.5mg, 75mg, 150mg	2	
<i>venlafaxine hcl</i> TABS 25mg, 37.5mg, 50mg, 75mg, 100mg	3	
<i>vilazodone hcl</i> TABS 10mg, 20mg, 40mg	4	QL (30 tabs / 30 days)
ZURZUVAE CAPS 20mg, 25mg	5	NDS, QL (28 caps / 14 days), PA
ZURZUVAE CAPS 30mg	5	NDS, QL (14 caps / 14 days), PA

ANTIPARKINSONIAN AGENTS

<i>amantadine hcl</i> CAPS 100mg	3	QL (120 caps / 30 days)
<i>amantadine hcl</i> SOLN 50mg/5ml	3	
<i>amantadine hcl</i> TABS 100mg	4	
<i>benztropine mesylate</i> SOLN 1mg/ml	4	
<i>benztropine mesylate</i> TABS .5mg, 1mg, 2mg	2	PA; PA applies if 65 years and older
<i>bromocriptine mesylate</i> CAPS 5mg; TABS 2.5mg	4	
<i>carb/levo orally disintegrating tab 10-100mg</i>	3	
<i>carb/levo orally disintegrating tab 25-100mg</i>	3	
<i>carb/levo orally disintegrating tab 25-250mg</i>	3	
<i>carbidopa</i> TABS 25mg	4	
<i>carbidopa & levodopa tab 10-100 mg</i>	2	
<i>carbidopa & levodopa tab 25-100 mg</i>	2	
<i>carbidopa & levodopa tab 25-250 mg</i>	2	
<i>carbidopa & levodopa tab er 25-100 mg</i>	3	
<i>carbidopa & levodopa tab er 50-200 mg</i>	3	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone tabs 12.5-50-200 mg</i>	4	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone tabs 18.75-75-200 mg</i>	4	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone tabs 25-100-200 mg</i>	4	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>carbidopa-levodopa-entacapone tabs 31.25-125-200 mg</i>	4	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone tabs 37.5-150-200 mg</i>	4	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone tabs 50-200-200 mg</i>	4	
<i>entacapone TABS 200mg</i>	4	
INBRIJA CAPS 42mg	5	NDS, QL (300 caps / 30 days), NM, PA
<i>pramipexole dihydrochloride TABS .125mg, .25mg, .5mg, .75mg, 1mg, 1.5mg</i>	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TB24 .375mg, .75mg, 1.5mg, 2.25mg, 3mg, 3.75mg, 4.5mg</i>	4	
<i>rasagiline mesylate TABS .5mg, 1mg</i>	4	QL (30 tabs / 30 days)
<i>ropinirole hydrochloride TABS .25mg, .5mg, 1mg, 2mg, 3mg, 4mg, 5mg</i>	2	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2mg, 4mg, 6mg, 8mg, 12mg</i>	4	
<i>selegiline hcl CAPS 5mg; TABS 5mg</i>	3	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN .4mg/ml</i>	3	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS 2mg, 5mg</i>	2	
ANTIPSYCHOTICS		
ABILIFY ASIMTUFII PRSY 720mg/2.4ml, 960mg/3.2ml	5	NDS, QL (1 syringe / 56 days)
ABILIFY MAINTENA PRSY 300mg, 400mg	5	NDS, QL (1 syringe / 28 days)
ABILIFY MAINTENA SRER 300mg, 400mg	5	NDS, QL (1 injection / 28 days)
<i>aripiprazole SOLN 1mg/ml</i>	4	QL (900 mL / 30 days)
<i>aripiprazole TABS 2mg, 5mg, 10mg, 15mg, 20mg, 30mg</i>	4	QL (30 tabs / 30 days)
<i>aripiprazole TBDP 10mg, 15mg</i>	4	QL (60 tabs / 30 days), ST
ARISTADA PRSY 441mg/1.6ml, 662mg/2.4ml, 882mg/3.2ml	5	NDS, QL (1 syringe / 28 days)
ARISTADA PRSY 1064mg/3.9ml	5	NDS, QL (1 syringe / 56 days)

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ARISTADA INITIO PRSY 675mg/2.4ml	5	NDS
<i>asenapine maleate</i> SUBL 2.5mg, 5mg, 10mg	4	QL (60 tabs / 30 days)
CAPLYTA CAPS 10.5mg, 21mg, 42mg	5	NDS, QL (30 caps / 30 days)
<i>chlorpromazine hcl</i> CONC 30mg/ml, 100mg/ml; SOLN 25mg/ml, 50mg/2ml; TABS 10mg, 25mg, 50mg, 100mg, 200mg	4	
<i>clozapine</i> TABS 25mg, 50mg	3	
<i>clozapine</i> TABS 100mg	3	QL (270 tabs / 30 days)
<i>clozapine</i> TABS 200mg	3	QL (120 tabs / 30 days)
<i>clozapine</i> TBDP 12.5mg, 25mg	4	PA
<i>clozapine</i> TBDP 100mg	4	QL (270 tabs / 30 days), PA
<i>clozapine</i> TBDP 150mg	4	QL (180 tabs / 30 days), PA
<i>clozapine</i> TBDP 200mg	4	QL (120 tabs / 30 days), PA
COBENFY CAP 50-20MG	5	NDS, QL (60 caps / 30 days)
COBENFY CAP 100-20MG	5	NDS, QL (60 caps / 30 days)
COBENFY CAP 125-30MG	5	NDS, QL (60 caps / 30 days)
COBENFY STRT CAP PACK	5	NDS, QL (2 packs / year)
ERZOFRI SUSY 39mg/0.25ml	4	QL (1 syringe / 28 days)
ERZOFRI SUSY 78mg/0.5ml, 117mg/0.75ml, 156mg/ml, 234mg/1.5ml	5	NDS, QL (1 syringe / 28 days)
ERZOFRI SUSY 351mg/2.25ml	5	NDS, QL (2 syringes / year)
FANAPT TABS 1mg, 2mg, 4mg, 6mg, 8mg, 10mg, 12mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), PA
FANAPT PAK PACK A	4	QL (2 packs / year), PA
FANAPT PAK PACK B	4	QL (2 packs / year), PA
FANAPT PAK PACK C	4	QL (2 packs / year), PA
<i>fluphenazine decanoate</i> SOLN 25mg/ml	4	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluphenazine hcl</i> CONC 5mg/ml; ELIX 2.5mg/5ml; SOLN 2.5mg/ml; TABS 1mg, 2.5mg, 5mg, 10mg	4	
<i>haloperidol</i> TABS .5mg, 1mg, 2mg, 5mg, 10mg, 20mg	3	
<i>haloperidol decanoate</i> SOLN 50mg/ml, 100mg/ml	3	
<i>haloperidol lactate</i> CONC 2mg/ml; SOLN 5mg/ml	3	
INVEGA HAFYERA SUSY 1092mg/3.5ml, 1560mg/5ml	5	NDS, QL (1 injection / 180 days)
INVEGA SUSTENNA SUSY 39mg/0.25ml	4	QL (1 syringe / 28 days)
INVEGA SUSTENNA SUSY 78mg/0.5ml, 117mg/0.75ml, 156mg/ml, 234mg/1.5ml	5	NDS, QL (1 syringe / 28 days)
INVEGA TRINZA SUSY 273mg/0.88ml, 410mg/1.32ml, 546mg/1.75ml, 819mg/2.63ml	5	NDS, QL (1 syringe / 90 days)
<i>loxapine succinate</i> CAPS 5mg, 10mg, 25mg, 50mg	3	
<i>lurasidone hcl</i> TABS 20mg, 40mg, 60mg, 120mg	4	QL (30 tabs / 30 days)
<i>lurasidone hcl</i> TABS 80mg	4	QL (60 tabs / 30 days)
LYBALVI TAB 5-10MG	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days)
LYBALVI TAB 10-10MG	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days)
LYBALVI TAB 15-10MG	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days)
LYBALVI TAB 20-10MG	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days)
<i>molindone hcl</i> TABS 5mg, 10mg, 25mg	4	
NUPLAZID CAPS 34mg	5	NDS, QL (30 caps / 30 days), NM, PA
NUPLAZID TABS 10mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
<i>olanzapine</i> SOLR 10mg	4	QL (3 vials / 1 day)
<i>olanzapine</i> TABS 2.5mg, 5mg, 10mg	2	QL (60 tabs / 30 days)
<i>olanzapine</i> TABS 7.5mg, 15mg, 20mg	2	QL (30 tabs / 30 days)

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>olanzapine</i> TBDP 5mg, 15mg, 20mg	4	QL (30 tabs / 30 days), ST
<i>olanzapine</i> TBDP 10mg	4	QL (60 tabs / 30 days), ST
OPIPZA FILM 2mg, 5mg	5	NDS, QL (30 films / 30 days), PA
OPIPZA FILM 10mg	5	NDS, QL (90 films / 30 days), PA
<i>paliperidone</i> TB24 1.5mg, 3mg, 9mg	4	QL (30 tabs / 30 days)
<i>paliperidone</i> TB24 6mg	4	QL (60 tabs / 30 days)
<i>perphenazine</i> TABS 2mg, 4mg, 8mg, 16mg	3	
<i>pimozide</i> TABS 1mg, 2mg	4	
<i>quetiapine fumarate</i> TABS 25mg	2	QL (180 tabs / 30 days)
<i>quetiapine fumarate</i> TABS 50mg, 100mg, 150mg, 200mg	2	QL (90 tabs / 30 days)
<i>quetiapine fumarate</i> TABS 300mg, 400mg	2	QL (60 tabs / 30 days)
<i>quetiapine fumarate</i> TB24 50mg, 300mg, 400mg	4	QL (60 tabs / 30 days), PA
<i>quetiapine fumarate</i> TB24 150mg, 200mg	4	QL (30 tabs / 30 days), PA
REXULTI TABS 3mg, 4mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days)
REXULTI TABS .25mg, .5mg, 1mg, 2mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days)
<i>risperidone</i> SOLN 1mg/ml	3	QL (240 mL / 30 days)
<i>risperidone</i> TABS .25mg, .5mg, 1mg, 2mg, 3mg, 4mg	2	
<i>risperidone</i> TBDP 1mg, 2mg, 3mg	4	QL (60 tabs / 30 days), ST
<i>risperidone</i> TBDP 4mg	4	QL (120 tabs / 30 days), ST
<i>risperidone</i> TBDP .25mg, .5mg	4	QL (90 tabs / 30 days), ST
<i>risperidone microspheres</i> SRER 12.5mg, 25mg	4	QL (2 injections / 28 days)
<i>risperidone microspheres</i> SRER 37.5mg, 50mg	5	NDS, QL (2 injections / 28 days)

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SECUADO PT24 3.8mg/24hr, 5.7mg/24hr, 7.6mg/24hr	5	NDS, QL (30 patches / 30 days)
thioridazine hcl TABS 10mg, 25mg, 50mg, 100mg	3	
thiothixene CAPS 1mg, 2mg, 5mg, 10mg	4	
trifluoperazine hcl TABS 1mg, 2mg, 5mg, 10mg	3	
VERSACLOZ SUSP 50mg/ml	5	NDS, QL (600 mL / 30 days), PA
VRAYLAR CAPS 1.5mg	5	NDS, QL (60 caps / 30 days)
VRAYLAR CAPS .5mg, .75mg, 3mg, 4.5mg, 6mg	5	NDS, QL (30 caps / 30 days)
ziprasidone hcl CAPS 20mg, 40mg, 60mg, 80mg	4	QL (60 caps / 30 days)
ziprasidone mesylate SOLR 20mg	4	QL (6 injections / 3 days)
ZYPREXA RELPREVV SUSR 210mg	4	QL (2 vials / 28 days), NM, PA
ZYPREXA RELPREVV SUSR 300mg	5	NDS, QL (2 vials / 28 days), NM, PA
ZYPREXA RELPREVV SUSR 405mg	5	NDS, QL (1 vial / 28 days), NM, PA

ANTISEIZURE AGENTS

APTIOM TABS 200mg, 400mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days)
APTIOM TABS 600mg, 800mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days)
BRIVIACT SOLN 10mg/ml	5	NDS, QL (600 mL / 30 days), PA
BRIVIACT TABS 10mg, 25mg, 50mg, 75mg, 100mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), PA
carbamazepine CHEW 100mg; TABS 200mg	3	
carbamazepine CHEW 200mg; CP12 100mg, 200mg, 300mg; SUSP 100mg/5ml; TB12 100mg, 200mg, 400mg	4	
clobazam SUSP 2.5mg/ml	4	QL (480 mL / 30 days), PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clobazam</i> TABS 10mg, 20mg	4	QL (60 tabs / 30 days), PA
<i>clonazepam</i> TABS 2mg	2	QL (300 tabs / 30 days)
<i>clonazepam</i> TABS .5mg, 1mg	2	QL (90 tabs / 30 days)
<i>clonazepam</i> TBDP 2mg	3	QL (300 tabs / 30 days)
<i>clonazepam</i> TBDP .125mg, .25mg, .5mg, 1mg	3	QL (90 tabs / 30 days)
<i>clorazepate dipotassium</i> TABS 3.75mg, 7.5mg, 15mg	4	QL (180 tabs / 30 days), PA; PA applies if 65 years and older
DIACOMIT CAPS 250mg	5	NDS, QL (360 caps / 30 days), NM, PA
DIACOMIT CAPS 500mg	5	NDS, QL (180 caps / 30 days), NM, PA
DIACOMIT PACK 250mg	5	NDS, QL (360 packets / 30 days), NM, PA
DIACOMIT PACK 500mg	5	NDS, QL (180 packets / 30 days), NM, PA
<i>diazepam</i> SOLN 5mg/5ml	3	QL (1200 mL / 30 days), PA; PA applies if 65 years and older when greater than 5 day supply
<i>diazepam</i> TABS 2mg, 5mg, 10mg	2	QL (120 tabs / 30 days), PA; PA applies if 65 years and older when greater than 5 day supply
<i>diazepam (anticonvulsant)</i> GEL 2.5mg, 10mg, 20mg	4	
<i>diazepam inj</i> SOLN 5mg/ml	4	
<i>diazepam intensol</i> CONC 5mg/ml	3	QL (240 mL / 30 days), PA; PA applies if 65 years and older when greater than 5 day supply
DILANTIN CAPS 30mg	4	
<i>divalproex sodium</i> CSDR 125mg	4	
<i>divalproex sodium</i> TB24 250mg, 500mg	3	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>divalproex sodium</i> TBEC 125mg, 250mg, 500mg	2	
EPIDIOLEX SOLN 100mg/ml	5	NDS, QL (600 mL / 30 days), NM, PA
<i>eslicarbazepine acetate</i> TABS 200mg, 400mg	4	QL (30 tabs / 30 days)
<i>eslicarbazepine acetate</i> TABS 600mg, 800mg	4	QL (60 tabs / 30 days)
<i>ethosuximide</i> CAPS 250mg; SOLN 250mg/5ml	3	
<i>felbamate</i> SUSP 600mg/5ml; TABS 400mg, 600mg	4	
FINTEPLA SOLN 2.2mg/ml	5	NDS, QL (360 mL / 30 days), NM, PA
FYCOMPA SUSP .5mg/ml	5	NDS, QL (680 mL / 28 days), PA
FYCOMPA TABS 2mg	4	QL (60 tabs / 30 days), PA
FYCOMPA TABS 4mg, 6mg, 8mg, 10mg, 12mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), PA
<i>gabapentin</i> CAPS 100mg, 300mg	2	QL (360 caps / 30 days)
<i>gabapentin</i> CAPS 400mg	2	QL (270 caps / 30 days)
<i>gabapentin</i> SOLN 250mg/5ml, 300mg/6ml	3	QL (2160 mL / 30 days)
<i>gabapentin</i> TABS 600mg	2	QL (180 tabs / 30 days)
<i>gabapentin</i> TABS 800mg	2	QL (120 tabs / 30 days)
<i>lacosamide</i> SOLN 200mg/20ml	4	
<i>lacosamide</i> TABS 50mg	4	QL (120 tabs / 30 days)
<i>lacosamide</i> TABS 100mg, 150mg, 200mg	4	QL (60 tabs / 30 days)
<i>lacosamide oral</i> SOLN 10mg/ml	4	QL (1200 mL / 30 days)
<i>lamotrigine</i> CHEW 5mg, 25mg	3	
<i>lamotrigine</i> TABS 25mg, 100mg, 150mg, 200mg	1	
<i>lamotrigine</i> TB24 25mg, 50mg, 100mg, 200mg, 250mg, 300mg; TBDP 25mg, 50mg, 100mg, 200mg	4	ST
<i>levetiracetam</i> SOLN 100mg/ml; TB24 500mg, 750mg	3	
<i>levetiracetam</i> SOLN 500mg/5ml	4	
<i>levetiracetam</i> TABS 250mg, 500mg, 750mg, 1000mg	2	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levetiracetam</i> TB3D 250mg	4	QL (360 tabs / 30 days)
<i>levetiracetam</i> TB3D 500mg	4	QL (180 tabs / 30 days)
<i>levetiracetam in sodium chloride iv soln 500 mg/100ml</i>	4	
<i>levetiracetam in sodium chloride iv soln 1000 mg/100ml</i>	4	
<i>levetiracetam in sodium chloride iv soln 1500 mg/100ml</i>	4	
<i>methsuximide</i> CAPS 300mg	4	
NAYZILAM SOLN 5mg/0.1ml	4	QL (10 nasal units / 30 days)
<i>oxcarbazepine</i> SUSP 300mg/5ml	4	
<i>oxcarbazepine</i> TABS 150mg, 300mg, 600mg	3	
<i>perampanel</i> SUSP .5mg/ml	5	NDS, QL (680 mL / 28 days), PA
<i>perampanel</i> TABS 2mg	4	QL (60 tabs / 30 days), PA
<i>perampanel</i> TABS 4mg, 6mg, 8mg, 10mg, 12mg	4	QL (30 tabs / 30 days), PA
<i>phenobarbital</i> ELIX 20mg/5ml	4	QL (1500 mL / 30 days), PA; PA applies if 65 years and older
<i>phenobarbital</i> TABS 15mg, 16.2mg, 30mg, 32.4mg, 60mg, 64.8mg, 97.2mg, 100mg	3	QL (120 tabs / 30 days), PA; PA applies if 65 years and older
<i>phenobarbital sodium</i> SOLN 65mg/ml, 130mg/ml	4	PA; PA applies if 65 years and older
<i>phenytek</i> CAPS 200mg, 300mg	3	
<i>phenytoin</i> CHEW 50mg; SUSP 125mg/5ml	3	
<i>phenytoin sodium</i> SOLN 50mg/ml	4	
<i>phenytoin sodium extended</i> CAPS 100mg, 200mg, 300mg	3	
<i>pregabalin</i> CAPS 25mg, 50mg, 75mg, 100mg, 150mg	3	QL (120 caps / 30 days), PA; PA applies if 65 years and older
<i>pregabalin</i> CAPS 200mg	3	QL (90 caps / 30 days), PA; PA applies if 65 years and older

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pregabalin</i> CAPS 225mg, 300mg	3	QL (60 caps / 30 days), PA; PA applies if 65 years and older
<i>pregabalin</i> SOLN 20mg/ml	4	QL (900 mL / 30 days), PA; PA applies if 65 years and older
<i>primidone</i> TABS 50mg, 125mg, 250mg	2	
<i>roweepira</i> TABS 500mg	2	
<i>rufinamide</i> SUSP 40mg/ml	5	NDS, QL (2400 mL / 30 days), PA
<i>rufinamide</i> TABS 200mg	4	QL (480 tabs / 30 days), PA
<i>rufinamide</i> TABS 400mg	5	NDS, QL (240 tabs / 30 days), PA
SPRITAM TB3D 250mg	4	QL (360 tabs / 30 days)
SPRITAM TB3D 500mg	4	QL (180 tabs / 30 days)
SPRITAM TB3D 750mg	4	QL (120 tabs / 30 days)
SPRITAM TB3D 1000mg	4	QL (90 tabs / 30 days)
SUBVENITE SUSP 10mg/ml	5	NDS, ST
<i>subvenite</i> TABS 25mg, 100mg, 150mg, 200mg	1	
SYMPAZAN FILM 5mg, 10mg, 20mg	5	NDS, QL (60 films / 30 days), PA
<i>tiagabine hcl</i> TABS 2mg, 4mg, 12mg, 16mg	4	
<i>topiramate</i> CPSP 15mg, 25mg	3	
<i>topiramate</i> CPSP 50mg	4	
<i>topiramate</i> SOLN 25mg/ml	4	QL (480 mL / 30 days), PA
<i>topiramate</i> TABS 25mg, 50mg, 100mg, 200mg	2	
<i>valproate sodium</i> SOLN 100mg/ml	4	
<i>valproate sodium</i> SOLN 250mg/5ml	3	
<i>valproic acid</i> CAPS 250mg	2	
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD 5mg/0.1ml	4	QL (10 blister packs / 30 days)
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD 10mg/0.1ml	4	QL (10 blister packs / 30 days)
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK 7.5mg/0.1ml	4	QL (10 blister packs / 30 days)

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK 10mg/0.1ml	4	QL (10 blister packs / 30 days)
<i>vigabatrin</i> PACK 500mg	5	NDS, QL (180 packets / 30 days), NM, PA
<i>vigabatrin</i> TABS 500mg	5	NDS, QL (180 tabs / 30 days), NM, PA
<i>vigadrone</i> PACK 500mg	5	NDS, QL (180 packets / 30 days), NM, PA
<i>vigadrone</i> TABS 500mg	5	NDS, QL (180 tabs / 30 days), NM, PA
VIGAFYDE SOLN 100mg/ml	5	NDS, QL (900 mL / 30 days), NM, PA
XCOPRI TABS 25mg, 50mg, 100mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days)
XCOPRI TABS 150mg, 200mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days)
XCOPRI PAK 12.5-25	4	QL (28 tabs / 28 days)
XCOPRI PAK 50-100MG	5	NDS, QL (28 tabs / 28 days)
XCOPRI PAK 100-150	5	NDS, QL (56 tabs / 28 days)
XCOPRI PAK 150-200MG (MAINTENANCE)	5	NDS, QL (56 tabs / 28 days)
XCOPRI PAK 150-200MG (TITRATION)	5	NDS, QL (28 tabs / 28 days)
ZONISADE SUSP 100mg/5ml	5	NDS, QL (900 mL / 30 days), PA
<i>zonisamide</i> CAPS 25mg, 50mg, 100mg	2	
ZTALMY SUSP 50mg/ml	5	NDS, QL (1100 mL / 30 days), NM, PA

ATTENTION DEFICIT HYPERACTIVITY DISORDER

<i>amphetamine-dextroamphetamine cap er 24hr 5 mg</i>	4	QL (30 caps / 30 days), PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine cap er 24hr 10 mg</i>	4	QL (30 caps / 30 days), PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine cap er 24hr 15 mg</i>	4	QL (30 caps / 30 days), PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amphetamine-dextroamphetamine cap er 24hr 20 mg</i>	4	QL (30 caps / 30 days), PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine cap er 24hr 25 mg</i>	4	QL (30 caps / 30 days), PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine cap er 24hr 30 mg</i>	4	QL (30 caps / 30 days), PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine tab 5 mg</i>	3	QL (60 tabs / 30 days), PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine tab 7.5 mg</i>	3	QL (60 tabs / 30 days), PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine tab 10 mg</i>	3	QL (60 tabs / 30 days), PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine tab 12.5 mg</i>	3	QL (60 tabs / 30 days), PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine tab 15 mg</i>	3	QL (60 tabs / 30 days), PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine tab 20 mg</i>	3	QL (90 tabs / 30 days), PA
<i>amphetamine-dextroamphetamine tab 30 mg</i>	3	QL (60 tabs / 30 days), PA
<i>atomoxetine hcl CAPS 10mg, 18mg, 25mg</i>	4	QL (120 caps / 30 days)
<i>atomoxetine hcl CAPS 40mg</i>	4	QL (60 caps / 30 days)
<i>atomoxetine hcl CAPS 60mg, 80mg, 100mg</i>	4	QL (30 caps / 30 days)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS 2.5mg, 5mg</i>	3	QL (120 tabs / 30 days), PA
<i>dexmethylphenidate hcl TABS 10mg</i>	3	QL (60 tabs / 30 days), PA
<i>guanfacine hcl (adhd) TB24 1mg, 2mg, 4mg</i>	3	QL (30 tabs / 30 days), PA; PA applies if 65 years and older
<i>guanfacine hcl (adhd) TB24 3mg</i>	3	QL (60 tabs / 30 days), PA; PA applies if 65 years and older
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS 10mg, 20mg, 30mg</i>	4	QL (60 caps / 30 days), PA
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS 40mg, 50mg, 60mg, 70mg</i>	4	QL (30 caps / 30 days), PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lisdexamfetamine dimesylate</i> CHEW 10mg, 20mg, 30mg	4	QL (60 tabs / 30 days), PA
<i>lisdexamfetamine dimesylate</i> CHEW 40mg, 50mg, 60mg	4	QL (30 tabs / 30 days), PA
<i>methylphenidate hcl</i> CHEW 2.5mg, 5mg, 10mg	4	QL (180 tabs / 30 days), PA
<i>methylphenidate hcl</i> SOLN 5mg/5ml	4	QL (1800 mL / 30 days), PA
<i>methylphenidate hcl</i> SOLN 10mg/5ml	4	QL (900 mL / 30 days), PA
<i>methylphenidate hcl</i> TABS 5mg, 10mg	3	QL (180 tabs / 30 days), PA
<i>methylphenidate hcl</i> TABS 20mg	3	QL (90 tabs / 30 days), PA
<i>methylphenidate hcl</i> TBCR 10mg, 20mg	4	QL (90 tabs / 30 days), PA

HYPNOTICS

DAYVIGO TABS 5mg, 10mg	3	QL (30 tabs / 30 days)
<i>doxepin hcl (sleep)</i> TABS 3mg, 6mg	3	QL (30 tabs / 30 days)
<i>ramelteon</i> TABS 8mg	3	QL (30 tabs / 30 days)
<i>tasimelteon</i> CAPS 20mg	5	NDS, QL (30 caps / 30 days), NM, PA
<i>temazepam</i> CAPS 7.5mg, 30mg	4	QL (30 caps / 30 days), PA; PA applies if 65 years and older
<i>temazepam</i> CAPS 15mg	4	QL (60 caps / 30 days), PA; PA applies if 65 years and older
<i>zolpidem tartrate</i> TABS 5mg, 10mg	2	QL (30 tabs / 30 days), PA; PA applies if 65 years and older after a 90 day supply in a calendar year

MIGRAINE

AIMOVIG SOAJ 70mg/ml, 140mg/ml	3	QL (1 pen / 30 days), NM, PA
--------------------------------	---	------------------------------

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dihydroergotamine mesylate</i> SOLN 4mg/ml	5	NDS, QL (8 mL / 30 days), PA
EMGALITY SOAJ 120mg/ml	3	QL (2 pens / 30 days), NM, PA
EMGALITY SOSY 100mg/ml	3	QL (3 syringes / 30 days), NM, PA
EMGALITY SOSY 120mg/ml	3	QL (2 syringes / 30 days), NM, PA
<i>ergotamine w/ caffeine tab 1-100 mg</i>	3	QL (40 tabs / 28 days), PA
<i>naratriptan hcl</i> TABS 1mg, 2.5mg	3	QL (12 tabs / 30 days)
NURTEC TBDP 75mg	3	QL (16 tabs / 30 days), PA
QULIPTA TABS 10mg, 30mg, 60mg	3	QL (30 tabs / 30 days), PA
<i>rizatriptan benzoate</i> TABS 5mg, 10mg; TBDP 5mg, 10mg	3	QL (18 tabs / 30 days)
<i>sumatriptan</i> SOLN 5mg/act	4	QL (24 units / 30 days)
<i>sumatriptan</i> SOLN 20mg/act	4	QL (12 units / 30 days)
<i>sumatriptan succinate</i> SOAJ 6mg/0.5ml; SOLN 6mg/0.5ml	4	QL (12 injections / 30 days)
<i>sumatriptan succinate</i> TABS 25mg, 50mg, 100mg	2	QL (12 tabs / 30 days)
UBRELVY TABS 50mg, 100mg	3	QL (16 tabs / 30 days), PA
MISCELLANEOUS		
AUSTEDO TABS 6mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
AUSTEDO TABS 9mg, 12mg	5	NDS, QL (120 tabs / 30 days), NM, PA
AUSTEDO XR TB24 6mg	5	NDS, QL (90 tabs / 30 days), NM, PA
AUSTEDO XR TB24 12mg	5	NDS, QL (120 tabs / 30 days), NM, PA
AUSTEDO XR TB24 18mg, 30mg, 36mg, 42mg, 48mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
AUSTEDO XR TB24 24mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AUSTEDO XR TAB TITR KIT	5	NDS, QL (2 packs / year), NM, PA
<i>lithium</i> SOLN 8meq/5ml	4	
<i>lithium carbonate</i> CAPS 150mg, 300mg, 600mg; TABS 300mg	1	
<i>lithium carbonate</i> TBCR 300mg, 450mg	2	
NUEDEXTA CAP 20-10MG	5	NDS, QL (60 caps / 30 days), PA
<i>pyridostigmine bromide</i> TABS 60mg	3	
<i>riluzole</i> TABS 50mg	4	
<i>tetrabenazine</i> TABS 12.5mg	4	QL (90 tabs / 30 days), NM, PA
<i>tetrabenazine</i> TABS 25mg	5	NDS, QL (120 tabs / 30 days), NM, PA
MULTIPLE SCLEROSIS AGENTS		
BAFIERTAM CPDR 95mg	5	NDS, QL (120 caps / 30 days), NM, PA
BETASERON KIT .3mg	5	NDS, QL (14 kits / 28 days), NM, PA
COPAXONE SOSY 20mg/ml	5	NDS, QL (30 syringes / 30 days), NM, PA
COPAXONE SOSY 40mg/ml	5	NDS, QL (12 syringes / 28 days), NM, PA
<i>dalfampridine</i> TB12 10mg	3	QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
<i> fingolimod hcl</i> CAPS .5mg	5	NDS, QL (30 caps / 30 days), NM, PA
<i>glatiramer acetate</i> SOSY 20mg/ml	5	NDS, QL (30 syringes / 30 days), NM, PA
<i>glatiramer acetate</i> SOSY 40mg/ml	5	NDS, QL (12 syringes / 28 days), NM, PA
<i>glatopa</i> SOSY 20mg/ml	5	NDS, QL (30 syringes / 30 days), NM, PA
<i>glatopa</i> SOSY 40mg/ml	5	NDS, QL (12 syringes / 28 days), NM, PA
KESIMPTA SOAJ 20mg/0.4ml	5	NDS, QL (16 pens / 365 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS		
<i>baclofen</i> TABS 5mg	2	QL (90 tabs / 30 days)
<i>baclofen</i> TABS 10mg, 20mg	2	
<i>carisoprodol</i> TABS 350mg	3	QL (120 tabs / 30 days), PA; PA applies if 65 years and older after a 90 day supply in a calendar year
<i>cyclobenzaprine hcl</i> TABS 5mg, 10mg	3	QL (90 tabs / 30 days), PA; PA applies if 65 years and older after a 90 day supply in a calendar year
<i>dantrolene sodium</i> CAPS 25mg, 50mg, 100mg	4	
<i>methocarbamol</i> TABS 500mg	3	QL (360 tabs / 30 days), PA; PA applies if 65 years and older after a 90 day supply in a calendar year
<i>methocarbamol</i> TABS 750mg	3	QL (240 tabs / 30 days), PA; PA applies if 65 years and older after a 90 day supply in a calendar year
<i>tizanidine hcl</i> TABS 2mg, 4mg	2	
NARCOLEPSY/CATAPLEXY		
<i>armodafinil</i> TABS 50mg	4	QL (60 tabs / 30 days), PA
<i>armodafinil</i> TABS 150mg, 200mg, 250mg	4	QL (30 tabs / 30 days), PA
<i>modafinil</i> TABS 100mg	3	QL (30 tabs / 30 days), PA
<i>modafinil</i> TABS 200mg	3	QL (60 tabs / 30 days), PA
<i>sodium oxybate</i> SOLN 500mg/ml	5	NDS, QL (540 mL / 30 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PSYCHOTHERAPEUTIC-MISC		
<i>acamprosate calcium</i> TBEC 333mg	4	
<i>buprenorphine hcl</i> SUBL 2mg	3	QL (180 tabs / 30 days)
<i>buprenorphine hcl</i> SUBL 8mg	3	QL (120 tabs / 30 days)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl sl film 2-0.5 mg (base equiv)</i>	4	QL (180 films / 30 days)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl sl film 4-1 mg (base equiv)</i>	4	QL (90 films / 30 days)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl sl film 8-2 mg (base equiv)</i>	4	QL (120 films / 30 days)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl sl film 12-3 mg (base equiv)</i>	4	QL (90 films / 30 days)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl sl tab 2-0.5 mg (base equiv)</i>	2	QL (180 tabs / 30 days)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl sl tab 8-2 mg (base equiv)</i>	2	QL (120 tabs / 30 days)
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i> TB12 150mg	2	QL (60 tabs / 30 days)
<i>disulfiram</i> TABS 250mg, 500mg	3	
KLOXXADO LIQD 8mg/0.1ml	3	
<i>naloxone hcl</i> LIQD 4mg/0.1ml	3	
<i>naloxone hcl</i> SOCT .4mg/ml; SOLN .4mg/ml, 4mg/10ml; SOSY .4mg/ml, 2mg/2ml	2	
<i>naltrexone hcl</i> TABS 50mg	3	
NICOTROL NS SOLN 10mg/ml	4	
<i>varenicline tartrate</i> TABS .5mg, 1mg	4	QL (56 tabs / 28 days)
<i>varenicline tartrate tab 11 x 0.5 mg & 42 x 1 mg start pack</i>	4	QL (2 packs / year)
VIVITROL SUSR 380mg	5	NDS, NM
ENDOCRINE AND METABOLIC		
ANDROGENS		
<i>danazol</i> CAPS 50mg, 100mg, 200mg	4	
<i>depo-testosterone</i> SOLN 100mg/ml, 200mg/ml	3	PA
<i>testosterone</i> GEL 1%, 25mg/2.5gm, 50mg/5gm	4	QL (300 gm / 30 days), PA
<i>testosterone cypionate</i> SOLN 100mg/ml, 200mg/ml	3	PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>testosterone enanthate</i> SOLN 200mg/ml	3	PA
<i>testosterone pump</i> GEL 1.62%	4	QL (150 gm / 30 days), PA

ANTIDIABETICS

<i>acarbose</i> TABS 25mg, 50mg, 100mg	6	
<i>dapagliflozin propanediol</i> TABS 5mg, 10mg	3	QL (30 tabs / 30 days)
FARXIGA TABS 5mg, 10mg	3	QL (30 tabs / 30 days)
<i>glimepiride</i> TABS 1mg, 2mg	6	QL (90 tabs / 30 days)
<i>glimepiride</i> TABS 4mg	6	QL (60 tabs / 30 days)
<i>glipizide</i> TABS 5mg	6	QL (240 tabs / 30 days)
<i>glipizide</i> TABS 10mg	6	QL (120 tabs / 30 days)
<i>glipizide</i> TB24 2.5mg, 5mg	6	QL (90 tabs / 30 days)
<i>glipizide</i> TB24 10mg	6	QL (60 tabs / 30 days)
<i>glipizide-metformin hcl tab 2.5-250 mg</i>	6	QL (240 tabs / 30 days)
<i>glipizide-metformin hcl tab 2.5-500 mg</i>	6	QL (120 tabs / 30 days)
<i>glipizide-metformin hcl tab 5-500 mg</i>	6	QL (120 tabs / 30 days)
GLYXAMBI TAB 10-5 MG	3	QL (30 tabs / 30 days)
GLYXAMBI TAB 25-5 MG	3	QL (30 tabs / 30 days)
JANUMET TAB 50-500MG	3	QL (60 tabs / 30 days)
JANUMET TAB 50-1000	3	QL (60 tabs / 30 days)
JANUMET XR TAB 50-500MG	3	QL (60 tabs / 30 days)
JANUMET XR TAB 50-1000	3	QL (60 tabs / 30 days)
JANUMET XR TAB 100-1000	3	QL (30 tabs / 30 days)
JANUVIA TABS 25mg, 50mg, 100mg	3	QL (30 tabs / 30 days)
JARDIANCE TABS 10mg, 25mg	3	QL (30 tabs / 30 days)
JENTADUETO TAB 2.5-500	3	QL (60 tabs / 30 days)
JENTADUETO TAB 2.5-850	3	QL (60 tabs / 30 days)
JENTADUETO TAB 2.5-1000	3	QL (60 tabs / 30 days)
JENTADUETO TAB XR 2.5-1000MG	3	QL (60 tabs / 30 days)
JENTADUETO TAB XR 5-1000MG	3	QL (30 tabs / 30 days)
<i>metformin hcl</i> TABS 500mg	6	QL (150 tabs / 30 days)
<i>metformin hcl</i> TABS 850mg	6	QL (90 tabs / 30 days)
<i>metformin hcl</i> TABS 1000mg	6	QL (75 tabs / 30 days)
<i>metformin hcl</i> TB24 500mg	6	QL (120 tabs / 30 days); (generic of GLUCOPHAGE XR)

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metformin hcl</i> TB24 750mg	6	QL (60 tabs / 30 days); (generic of GLUCOPHAGE XR)
MOUNJARO SOAJ 2.5mg/0.5ml, 5mg/0.5ml, 7.5mg/0.5ml, 10mg/0.5ml, 12.5mg/0.5ml, 15mg/0.5ml	3	QL (4 pens / 28 days), PA
<i>nateglinide</i> TABS 60mg, 120mg	6	QL (90 tabs / 30 days)
OZEMPIC (0.25 OR 0.5MG/DOSE) SOPN 2mg/3ml	3	QL (1 pen / 28 days), PA
OZEMPIC (1MG/DOSE) SOPN 4mg/3ml	3	QL (1 pen / 28 days), PA
OZEMPIC (2MG/DOSE) SOPN 8mg/3ml	3	QL (1 pen / 28 days), PA
<i>pioglitazone hcl</i> TABS 15mg, 30mg, 45mg	6	QL (30 tabs / 30 days)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl tab 15-500 mg</i>	6	QL (90 tabs / 30 days)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl tab 15-850 mg</i>	6	QL (90 tabs / 30 days)
<i>repaglinide</i> TABS 2mg	6	QL (240 tabs / 30 days)
<i>repaglinide</i> TABS .5mg, 1mg	6	QL (120 tabs / 30 days)
RYBELSUS TABS 3mg, 7mg, 14mg	3	QL (30 tabs / 30 days), PA
TRADJENTA TABS 5mg	3	QL (30 tabs / 30 days)
TRIJARDY XR TAB ER 24HR 5-2.5-1000MG	3	QL (60 tabs / 30 days)
TRIJARDY XR TAB ER 24HR 10-5-1000MG	3	QL (30 tabs / 30 days)
TRIJARDY XR TAB ER 24HR 12.5-2.5-1000MG	3	QL (60 tabs / 30 days)
TRIJARDY XR TAB ER 24HR 25-5-1000MG	3	QL (30 tabs / 30 days)
TRULICITY SOAJ .75mg/0.5ml, 1.5mg/0.5ml, 3mg/0.5ml, 4.5mg/0.5ml	3	QL (4 pens / 28 days), PA
XIGDUO XR TAB 2.5-1000	3	QL (60 tabs / 30 days)
XIGDUO XR TAB 5-500MG	3	QL (60 tabs / 30 days)
XIGDUO XR TAB 5-1000MG	3	QL (60 tabs / 30 days)
XIGDUO XR TAB 10-500MG	3	QL (30 tabs / 30 days)
XIGDUO XR TAB 10-1000	3	QL (30 tabs / 30 days)
ANTIDIABETICS, INSULINS		
ADMELOG SOLN 100unit/ml	3	B/D
ADMELOG SOLOSTAR SOPN 100unit/ml	3	
ALCOHOL SWABS: EMBECTA-BD/MHC/RUGBY	3	PA
CEQUR SIMPL KIT PATCH 2U (3-DAY)	4	QL (10 patches / 30 days), PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CEQR SIMPL KIT PATCH 2U (4-DAY)	4	QL (8 patches / 24 days), PA
CEQR SIMPL MIS INSERTER	4	QL (2 inserters / year), PA
FIASP SOLN 100unit/ml	3	B/D
FIASP FLEXTOUCH SOPN 100unit/ml	3	
FIASP PENFILL SOCT 100unit/ml	3	
FIASP PUMPCART SOCT 100unit/ml	3	B/D
GAUZE PADS 2" X 2"	3	PA
HUMULIN R U-500 (CONCENTR SOLN 500unit/ml	5	NDS, B/D
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN 500unit/ml	5	NDS
INSULIN PEN NEEDLES: EMBECTA-BD	3	PA
INSULIN SAFETY NEEDLES: EMBECTA-BD	3	PA
INSULIN SYRINGES: EMBECTA-BD	3	PA
LANTUS SOLN 100unit/ml	3	
LANTUS SOLOSTAR SOPN 100unit/ml	3	
NOVOLIN INJ 70/30	3	(brand RELION not covered)
NOVOLIN INJ 70/30 FP	3	(brand RELION not covered)
NOVOLIN N SUSP 100unit/ml	3	(brand RELION not covered)
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN 100unit/ml	3	(brand RELION not covered)
NOVOLIN R SOLN 100unit/ml	3	B/D; (brand RELION not covered)
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN 100unit/ml	3	(brand RELION not covered)
NOVOLOG SOLN 100unit/ml	3	B/D
NOVOLOG FLEXPEN SOPN 100unit/ml	3	
NOVOLOG FLEXPEN RELION SOPN 100unit/ml	3	
NOVOLOG MIX INJ 70/30	3	(brand RELION not covered)
NOVOLOG MIX INJ FLEXPEN	3	(brand RELION not covered)
NOVOLOG PENFILL SOCT 100unit/ml	3	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NOVOLOG RELION SOLN 100unit/ml	3	B/D
OMNIPOD 5 DX KIT INT G7G6	4	QL (1 kit / year), PA
OMNIPOD 5 DX MIS POD G7G6	4	QL (15 pods / 30 days), PA
OMNIPOD 5 L2 KIT INTRO G6	4	QL (1 kit / year), PA
OMNIPOD 5 L2 MIS PODS G6	4	QL (15 pods / 30 days), PA
OMNIPOD DASH KIT INTRO	4	QL (1 kit / year), PA
OMNIPOD DASH MIS PODS	4	QL (15 pods / 30 days), PA
SOLIQUA INJ 100/33	3	QL (5 pens / 25 days)
TOUJEO MAX SOLOSTAR SOPN 300unit/ml	3	
TOUJEO SOLOSTAR SOPN 300unit/ml	3	
XULTOPHY INJ 100/3.6	3	QL (5 pens / 30 days)
CALCIUM REGULATORS		
<i>alendronate sodium</i> SOLN 70mg/75ml	4	ST
<i>alendronate sodium</i> TABS 10mg, 35mg, 70mg	6	
BILDYOS SOSY 60mg/ml	4	QL (1 syringe / 180 days), NM
BONSITY SOPN 560mcg/2.24ml	5	NDS, QL (1 pen / 28 days), NM, PA
<i>calcitonin (salmon) spray</i> SOLN 200unit/act	3	B/D
<i>ibandronate sodium</i> SOLN 3mg/3ml	4	B/D, QL (1 injection / 90 days)
<i>ibandronate sodium</i> TABS 150mg	2	B/D
OSPOMYV SOSY 60mg/ml	4	QL (1 syringe / 180 days), NM
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 6mg/ml	3	B/D
<i>pamidronate disodium</i> SOLN 30mg/10ml, 90mg/10ml	3	B/D
PROLIA SOSY 60mg/ml	4	QL (1 syringe / 180 days), NM
<i>risedronate sodium</i> TABS 5mg, 35mg, 150mg	3	
<i>risedronate sodium</i> TABS 30mg	4	
<i>risedronate sodium</i> TBEC 35mg	4	ST
<i>teriparatide</i> SOPN 560mcg/2.24ml	5	NDS, QL (1 pen / 28 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TERIPARATIDE SOPN 560mcg/2.24ml	5	NDS, QL (1 pen / 28 days), NM, PA; (ALVOGEN product)
WYOST SOLN 120mg/1.7ml	5	NDS, NM, PA
XTRENBO SOLN 120mg/1.7ml	4	NM, PA
zoledronic acid CONC 4mg/5ml; SOLN 5mg/100ml	4	B/D, NM

CHELATING AGENTS

CHEMET CAPS 100mg	5	NDS
deferasirox PACK 90mg, 180mg, 360mg; TBSO 250mg, 500mg	5	NDS, NM, PA
deferasirox TABS 90mg	3	NM, PA
deferasirox TABS 180mg, 360mg; TBSO 125mg	4	NM, PA
kionex SUSP 15gm/60ml	4	
LOKELMA PACK 5gm, 10gm	3	
penicillamine TABS 250mg	5	NDS, NM
sodium polystyrene sulfonate SUSP 15gm/60ml	4	
sodium polystyrene sulfonate powder	3	
sps SUSP 15gm/60ml	4	
sps rectal SUSP 15gm/60ml	4	
trientine hcl CAPS 250mg	5	NDS, NM, PA

CONTRACEPTIVES

afirmelle	2	
altavera	2	
alyacen 1/35	2	
alyacen 7/7/7	2	
amethyst	2	
apri	2	
aranelle	2	
ashlyna	2	
abra eq	2	
aurovela 1/20	2	
aurovela 24 fe	2	
aurovela fe 1.5/30	2	
aurovela fe 1/20	2	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>aviane</i>	2	
<i>ayuna</i>	2	
<i>azurette</i>	2	
<i>balziva</i>	2	
<i>blisovi 24 fe</i>	2	
<i>blisovi fe 1.5/30</i>	2	
<i>blisovi fe 1/20</i>	2	
<i>briellyn</i>	2	
<i>camila</i> TABS .35mg	2	
<i>camrese</i>	2	
<i>camrese lo</i>	2	
<i>chateal eq</i>	2	
<i>cryselle</i>	2	
<i>cyred eq</i>	2	
<i>dasetta 1/35</i>	2	
<i>dasetta 7/7/7</i>	2	
<i>daysee</i>	2	
<i>deblitane</i> TABS .35mg	2	
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY 104mg/0.65ml	3	
<i>desogest-eth estrad & eth estrad tab 0.15- 0.02/0.01 mg(21/5)</i>	2	
<i>dolishale</i>	2	
<i>drospirenone-ethinyl estrad-levomefolate tab 3- 0.02-0.451 mg</i>	2	
<i>drospirenone-ethinyl estrad-levomefolate tab 3- 0.03-0.451 mg</i>	2	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol tab 3-0.02 mg</i>	2	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol tab 3-0.03 mg</i>	2	
<i>elinest</i>	2	
<i>eluryng</i>	3	
<i>emzahh</i> TABS .35mg	2	
<i>enilloring</i>	3	
<i>enskyce</i>	2	
<i>errin</i> TABS .35mg	2	
<i>estarylla</i>	2	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ethynodiol diacetate & ethinyl estradiol tab 1 mg-50 mcg</i>	2	
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol va ring 0.12-0.015 mg/24hr</i>	3	
<i>falmina</i>	2	
<i>feirza 1.5/30</i>	2	
<i>feirza 1/20</i>	2	
<i>finzala</i>	2	
<i>galbriela</i>	2	
<i>hailey 1.5/30</i>	2	
<i>hailey 24 fe</i>	2	
<i>hailey fe 1/20</i>	2	
<i>heather TABS .35mg</i>	2	
<i>iclevia</i>	2	
<i>incassia TABS .35mg</i>	2	
<i>introvale</i>	2	
<i>isibloom</i>	2	
<i>jaimiess</i>	2	
<i>jasmiel</i>	2	
<i>jencycla TABS .35mg</i>	2	
<i>jolessa</i>	2	
<i>juleber</i>	2	
<i>junel 1.5/30</i>	2	
<i>junel 1/20</i>	2	
<i>junel fe 1.5/30</i>	2	
<i>junel fe 1/20</i>	2	
<i>junel fe 24</i>	2	
<i>kaitlib fe</i>	2	
<i>kariva</i>	2	
<i>kelnor 1/35</i>	2	
<i>kurvelo</i>	2	
<i>larin 1.5/30</i>	2	
<i>larin 1/20</i>	2	
<i>larin 24 fe</i>	2	
<i>larin fe 1.5/30</i>	2	
<i>larin fe 1/20</i>	2	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lessina</i>	2	
<i>levonest</i>	2	
<i>levonor-eth est tab 0.15-0.02/0.025/0.03 mg & eth est 0.01 mg</i>	2	
<i>levonorg-eth est tab 0.1-0.02mg(84) & eth est tab 0.01mg(7)</i>	2	
<i>levonorgestrel & ethinyl estradiol (91-day) tab 0.15-0.03 mg</i>	2	
<i>levonorgestrel & ethinyl estradiol tab 0.1 mg-20 mcg</i>	2	
<i>levonorgestrel-eth estra tab 0.05-30/0.075-40/0.125-30mg-mcg</i>	2	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous) tab 90-20 mcg</i>	2	
<i>levora 0.15/30-28</i>	2	
LILETTA IUD 20.1mcg/day	3	NM
<i>loestrin 1.5/30-21</i>	2	
<i>loestrin 1/20-21</i>	2	
<i>loestrin fe 1.5/30</i>	2	
<i>loestrin fe 1/20</i>	2	
<i>lojaimiess</i>	2	
<i>loryna</i>	2	
<i>low-ogestrel</i>	2	
<i>luizza 1.5/30</i>	2	
<i>luizza 1/20</i>	2	
<i>lutra</i>	2	
<i>lyleq TABS .35mg</i>	2	
<i>lyza TABS .35mg</i>	2	
<i>marlissa</i>	2	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP 150mg/ml; SUSY 150mg/ml</i>	3	
<i>meleya TABS .35mg</i>	2	
<i>mibelas 24 fe</i>	2	
<i>microgestin 1.5/30</i>	2	
<i>microgestin 1/20</i>	2	
<i>microgestin fe 1.5/30</i>	2	
<i>microgestin fe 1/20</i>	2	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mili</i>	2	
<i>mono-linyah</i>	2	
<i>necon 0.5/35-28</i>	2	
NEXPLANON IMPL 68mg	3	NM
<i>nikki</i>	2	
<i>nora-be TABS .35mg</i>	2	
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol td ptwk 150-35 mcg/24hr</i>	3	
<i>norethindrone (contraceptive) TABS .35mg</i>	2	
<i>norethindrone ac-ethinyl estrad-fe tab 1-20/1-30/1-35 mg-mcg</i>	2	
<i>norethindrone ace & ethinyl estradiol tab 1 mg-20 mcg</i>	2	
<i>norethindrone ace & ethinyl estradiol tab 1.5 mg-30 mcg</i>	2	
<i>norethindrone ace & ethinyl estradiol-fe tab 1 mg-20 mcg</i>	2	
<i>norethindrone ace-eth estradiol-fe chew tab 1 mg-20 mcg (24)</i>	2	
<i>norgestimate & ethinyl estradiol tab 0.25 mg-35 mcg</i>	2	
<i>norgestimate-eth estrad tab 0.18-25/0.215-25/0.25-25 mg-mcg</i>	2	
<i>norgestimate-eth estrad tab 0.18-35/0.215-35/0.25-35 mg-mcg</i>	2	
<i>norlyroc TABS .35mg</i>	2	
<i>nortrel 0.5/35 (28)</i>	2	
<i>nortrel 1/35 (21)</i>	2	
<i>nortrel 1/35 (28)</i>	2	
<i>nortrel 7/7/7</i>	2	
<i>nylia 1/35</i>	2	
<i>nylia 7/7/7</i>	2	
<i>orquidea TABS .35mg</i>	2	
<i>philith</i>	2	
<i>pimtrea</i>	2	
<i>portia-28</i>	2	
<i>reclipsen</i>	2	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>rivelsa</i>	2	
<i>rosyrah</i>	2	
<i>setlakin</i>	2	
<i>sharobel</i> TABS .35mg	2	
<i>simliya</i>	2	
<i>simpesse</i>	2	
<i>sprintec</i> 28	2	
<i>sronyx</i>	2	
<i>syeda</i>	2	
<i>tarina</i> 24 fe	2	
<i>tarina</i> fe 1/20 eq	2	
<i>tilia</i> fe	2	
<i>tri-estarylla</i>	2	
<i>tri-legest</i> fe	2	
<i>tri-linyah</i>	2	
<i>tri-lo-estarylla</i>	2	
<i>tri-lo-marzia</i>	2	
<i>tri-lo-mili</i>	2	
<i>tri-lo-sprintec</i>	2	
<i>tri-mili</i>	2	
<i>tri-sprintec</i>	2	
<i>tri-vylibra</i>	2	
<i>tri-vylibra</i> lo	2	
<i>turqoz</i>	2	
<i>tydemy</i>	2	
<i>valtya</i> 1/35	2	
<i>valtya</i> 1/50	2	
<i>velivet</i>	2	
<i>vestura</i>	2	
<i>vienva</i>	2	
<i>viorele</i>	2	
<i>vyfemla</i>	2	
<i>vylibra</i>	2	
<i>wera</i>	2	
<i>wymzya</i> fe	2	
<i>xarah</i> fe	2	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>xelria fe</i>	2	
<i>xulane</i>	3	
<i>zafemy</i>	3	
<i>zovia 1/35</i>	2	
<i>zumandimine</i>	2	
ESTROGENS		
<i>abigale</i>	3	
<i>abigale lo</i>	3	
<i>dotti</i> PTTW .025mg/24hr, .037mg/24hr, .05mg/24hr, .075mg/24hr, .1mg/24hr	3	
<i>estradiol</i> PTTW .025mg/24hr, .037mg/24hr, .05mg/24hr, .075mg/24hr, .1mg/24hr; PTWK .025mg/24hr, .05mg/24hr, .06mg/24hr, .075mg/24hr, .1mg/24hr, 37.5mcg/24hr	3	
<i>estradiol</i> TABS .5mg, 1mg, 2mg	2	
<i>estradiol & norethindrone acetate tab 0.5-0.1 mg</i>	3	
<i>estradiol & norethindrone acetate tab 1-0.5 mg</i>	3	
<i>estradiol vaginal</i> CREA .1mg/gm	3	
<i>estradiol vaginal</i> TABS 10mcg	4	
<i>estradiol valerate</i> OIL 10mg/ml, 20mg/ml, 40mg/ml	4	
<i>fyavolv tab 0.5mg-2.5mcg</i>	3	
<i>fyavolv tab 1mg-5mcg</i>	3	
<i>jinteli</i>	3	
<i>lyllana</i> PTTW .025mg/24hr, .037mg/24hr, .05mg/24hr, .075mg/24hr, .1mg/24hr	3	
<i>mimvey</i>	3	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol tab 0.5 mg-2.5 mcg</i>	3	
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol tab 1 mg-5 mcg</i>	3	
<i>yuvafem</i> TABS 10mcg	4	
GLUCOCORTICOIDS		
<i>dexamethasone</i> ELIX .5mg/5ml; SOLN .5mg/5ml; TABS .5mg, .75mg, 1mg, 1.5mg, 2mg, 4mg, 6mg	3	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC 1mg/ml	4	
<i>dexamethasone sodium phosphate</i> SOLN 4mg/ml, 10mg/ml, 20mg/5ml, 100mg/10ml, 120mg/30ml; SOSY 4mg/ml, 10mg/ml	3	
<i>fludrocortisone acetate</i> TABS .1mg	2	
<i>hydrocortisone</i> TABS 5mg, 10mg, 20mg	3	
<i>hydrocortisone sod succinate</i> SOLR 100mg	4	
<i>methylprednisolone</i> TABS 4mg, 8mg, 16mg, 32mg	3	B/D
<i>methylprednisolone</i> TBPK 4mg	2	
<i>methylprednisolone acetate</i> SUSP 40mg/ml, 80mg/ml	3	B/D
<i>methylprednisolone sod succ</i> SOLR 40mg, 125mg, 500mg, 1000mg	3	B/D
<i>prednisolone</i> SOLN 15mg/5ml	2	B/D
<i>prednisolone sodium phosphate</i> SOLN 5mg/5ml, 25mg/5ml	4	B/D
<i>prednisolone sodium phosphate</i> SOLN 15mg/5ml	2	B/D
<i>prednisone</i> SOLN 5mg/5ml	4	B/D
<i>prednisone</i> TABS 1mg, 2.5mg, 5mg, 10mg, 20mg, 50mg	1	B/D
<i>prednisone</i> TBPK 5mg, 10mg	2	
PREDNISON INTENSOL CONC 5mg/ml	4	B/D
SOLU-CORTEF SOLR 250mg, 500mg, 1000mg	4	
GLUCOSE ELEVATING AGENTS		
<i>diazoxide</i> SUSP 50mg/ml	5	NDS
ZEGALOGUE SOAJ .6mg/0.6ml; SOSY .6mg/0.6ml	3	
MISCELLANEOUS		
ALDURAZYME SOLN 2.9mg/5ml	5	NDS, NM, PA
<i>betaine powder for oral solution</i>	5	NDS, NM
<i>cabergoline</i> TABS .5mg	3	
<i>carglumic acid</i> TBSO 200mg	5	NDS, NM, PA
CERDELGA CAPS 84mg	5	NDS, NM, PA
CEREZYME SOLR 400unit	5	NDS, NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cinacalcet hcl</i> TABS 30mg, 60mg	4	B/D, QL (60 tabs / 30 days), NM
<i>cinacalcet hcl</i> TABS 90mg	4	B/D, QL (120 tabs / 30 days), NM
CYSTAGON CAPS 50mg, 150mg	4	NM, PA
<i>desmopressin acetate</i> SOLN 4mcg/ml	5	NDS
<i>desmopressin acetate</i> TABS .1mg, .2mg	3	
<i>desmopressin acetate spray</i> SOLN .01%	4	
<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i> SOLN .01%	4	
FABRAZYME SOLR 5mg, 35mg	5	NDS, NM, PA
GENOTROPIN CART 5mg, 12mg	5	NDS, NM, PA
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY .2mg	3	NM, PA
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY .4mg, .6mg, .8mg, 1mg, 1.2mg, 1.4mg, 1.6mg, 1.8mg, 2mg	5	NDS, NM, PA
INCRELEX SOLN 40mg/4ml	5	NDS, NM, PA
<i>javygtor</i> PACK 100mg, 500mg; TABS 100mg	5	NDS, NM, PA
<i>lanreotide acetate</i> SOLN 120mg/0.5ml	5	NDS, NM, PA
<i>levocarnitine (metabolic modifiers)</i> SOLN 1gm/10ml; TABS 330mg	4	B/D
LUMIZYME SOLR 50mg	5	NDS, NM, PA
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH KIT 7.5mg, 11.25mg, 15mg)	5	NDS, NM, PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH KIT 11.25mg, 30mg)	5	NDS, NM, PA
LUPRON DEPOT-PED (6-MONTH KIT 45mg)	5	NDS, NM, PA
<i>mifepristone (hyperglycemia)</i> TABS 300mg	5	NDS, NM, PA
NAGLAZYME SOLN 1mg/ml	5	NDS, NM, PA
<i>nitisinone</i> CAPS 2mg, 5mg, 10mg, 20mg	5	NDS, NM, PA
<i>octreotide acetate</i> SOLN 50mcg/ml, 100mcg/ml, 200mcg/ml; SOSY 50mcg/ml, 100mcg/ml	4	NM, PA
<i>octreotide acetate</i> SOLN 500mcg/ml, 1000mcg/ml; SOSY 500mcg/ml	5	NDS, NM, PA
<i>raloxifene hcl</i> TABS 60mg	3	
REVCOVI SOLN 2.4mg/1.5ml	5	NDS, NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
REZDIFFRA TABS 60mg, 80mg, 100mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
<i>sapropterin dihydrochloride</i> PACK 100mg, 500mg; TABS 100mg	5	NDS, NM, PA
SIGNIFOR SOLN .3mg/ml, .6mg/ml, .9mg/ml	5	NDS, NM, PA
<i>sodium phenylbutyrate</i> POWD 3gm/tsp; TABS 500mg	5	NDS, NM, PA
SOMATULINE DEPOT SOLN 60mg/0.2ml, 90mg/0.3ml	5	NDS, NM, PA
SOMAVERT SOLR 10mg, 15mg, 20mg, 25mg, 30mg	5	NDS, NM, PA
SYNAREL SOLN 2mg/ml	5	NDS, PA
<i>tolvaptan</i> TABS 15mg, 30mg	5	NDS, NM, PA; (generic of JYNARQUE)
<i>tolvaptan</i> TBPK 15mg	5	NDS, NM, PA
<i>tolvaptan tab therapy pack 30 & 15 mg</i>	5	NDS, NM, PA
<i>tolvaptan tab therapy pack 45 & 15 mg</i>	5	NDS, NM, PA
<i>tolvaptan tab therapy pack 60 & 30 mg</i>	5	NDS, NM, PA
<i>tolvaptan tab therapy pack 90 & 30 mg</i>	5	NDS, NM, PA
<i>zelvysia</i> PACK 100mg, 500mg	5	NDS, NM, PA
PROGESTINS		
<i>gallifrey</i> TABS 5mg	3	
<i>medroxyprogesterone acetate</i> TABS 2.5mg, 5mg, 10mg	1	
<i>megestrol acetate</i> SUSP 40mg/ml	3	
<i>megestrol acetate (appetite)</i> SUSP 625mg/5ml	4	PA
<i>norethindrone acetate</i> TABS 5mg	3	
<i>progesterone</i> CAPS 100mg, 200mg	3	
THYROID AGENTS		
<i>levo-t</i> TABS 25mcg, 50mcg, 75mcg, 88mcg, 100mcg, 112mcg, 125mcg, 137mcg, 150mcg, 175mcg, 200mcg, 300mcg	1	
<i>levothyroxine sodium</i> TABS 25mcg, 50mcg, 75mcg, 88mcg, 100mcg, 112mcg, 125mcg, 137mcg, 150mcg, 175mcg, 200mcg, 300mcg	1	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levoxyl</i> TABS 25mcg, 50mcg, 75mcg, 88mcg, 100mcg, 112mcg, 125mcg, 137mcg, 150mcg, 175mcg, 200mcg	1	
<i>liomny</i> TABS 5mcg, 25mcg, 50mcg	3	
<i>liothyronine sodium</i> TABS 5mcg, 25mcg, 50mcg	3	
<i>methimazole</i> TABS 5mg, 10mg	1	
<i>propylthiouracil</i> TABS 50mg	3	
SYNTHROID TABS 25mcg, 50mcg, 75mcg, 88mcg, 100mcg, 112mcg, 125mcg, 137mcg, 150mcg, 175mcg, 200mcg, 300mcg	4	
<i>unithroid</i> TABS 25mcg, 50mcg, 75mcg, 88mcg, 100mcg, 112mcg, 125mcg, 137mcg, 150mcg, 175mcg, 200mcg, 300mcg	1	
VITAMIN D ANALOGS		
<i>calcitriol</i> CAPS .25mcg, .5mcg	2	B/D
<i>calcitriol (oral)</i> SOLN 1mcg/ml	4	B/D
<i>doxercalciferol</i> CAPS .5mcg, 1mcg, 2.5mcg	4	B/D
<i>paricalcitol</i> CAPS 1mcg, 2mcg, 4mcg	4	B/D
GASTROINTESTINAL		
ANTIEMETICS		
<i>aprepitant</i> CAPS 40mg, 80mg, 125mg	4	B/D
<i>aprepitant capsule therapy pack 80 & 125 mg</i>	4	B/D
<i>compro</i> SUPP 25mg	4	
<i>dronabinol</i> CAPS 2.5mg, 5mg, 10mg	4	B/D, QL (60 caps / 30 days)
<i>granisetron hcl</i> SOLN 1mg/ml, 4mg/4ml	4	
<i>granisetron hcl</i> TABS 1mg	4	B/D
<i>meclizine hcl</i> TABS 12.5mg, 25mg	2	PA; PA applies if 65 years and older after a 30 day supply in a calendar year
<i>metoclopramide hcl</i> SOLN 5mg/5ml, 5mg/ml	3	
<i>metoclopramide hcl</i> TABS 5mg, 10mg	1	
<i>ondansetron</i> TBP 4mg, 8mg	3	B/D
<i>ondansetron hcl</i> SOLN 4mg/2ml, 40mg/20ml; SOSY 4mg/2ml	3	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ondansetron hcl</i> SOLN 4mg/5ml	4	B/D
<i>ondansetron hcl</i> TABS 4mg, 8mg	3	B/D
<i>prochlorperazine</i> SUPP 25mg	4	
<i>prochlorperazine edisylate</i> SOLN 10mg/2ml	4	
<i>prochlorperazine maleate</i> TABS 5mg, 10mg	2	
<i>promethazine hcl</i> SOLN 6.25mg/5ml, 25mg/ml, 50mg/ml; TABS 12.5mg, 25mg, 50mg	3	PA; PA applies if 65 years and older after a 30 day supply in a calendar year
<i>scopolamine</i> PT72 1mg/3days	4	QL (10 patches / 30 days)
ANTISPASMODICS		
<i>dicyclomine hcl</i> CAPS 10mg; TABS 20mg	3	PA; PA applies if 65 years and older
<i>dicyclomine hcl</i> SOLN 10mg/5ml	4	PA; PA applies if 65 years and older
<i>glycopyrrolate</i> TABS 1mg	3	QL (90 tabs / 30 days)
<i>glycopyrrolate</i> TABS 2mg	3	QL (120 tabs / 30 days)
H2-RECEPTOR ANTAGONISTS		
<i>famotidine</i> SOLN 20mg/2ml, 40mg/4ml, 200mg/20ml	3	
<i>famotidine</i> SUSR 40mg/5ml	4	
<i>famotidine</i> TABS 20mg, 40mg	1	
<i>famotidine in nacl 0.9% iv soln 20 mg/50ml</i>	3	
<i>nizatidine</i> CAPS 150mg, 300mg	4	
INFLAMMATORY BOWEL DISEASE		
<i>balsalazide disodium</i> CAPS 750mg	3	
<i>budesonide</i> CPEP 3mg	4	QL (90 caps / 30 days)
<i>budesonide</i> TB24 9mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i> ENEM 100mg/60ml	4	
<i>mesalamine</i> CP24 .375gm	4	QL (120 caps / 30 days)
<i>mesalamine</i> CPDR 400mg	4	QL (180 caps / 30 days)
<i>mesalamine</i> ENEM 4gm	4	QL (1680 mL / 28 days)
<i>mesalamine</i> SUPP 1000mg	4	QL (30 suppositories / 30 days)

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mesalamine</i> TBEC 1.2gm	4	QL (120 tabs / 30 days)
<i>mesalamine w/ cleanser</i> KIT 4gm	4	QL (28 bottles / 28 days)
<i>sulfasalazine</i> TABS 500mg	2	
<i>sulfasalazine</i> TBEC 500mg	3	
LAXATIVES		
<i>constulose</i> SOLN 10gm/15ml	2	
<i>enulose</i> SOLN 10gm/15ml	2	
<i>gavilyte-c</i>	2	
<i>gavilyte-g</i>	2	
<i>gavilyte-n/ flavor pack</i>	2	
<i>generlac</i> SOLN 10gm/15ml	2	
<i>lactulose</i> SOLN 10gm/15ml	2	
<i>lactulose (encephalopathy)</i> SOLN 10gm/15ml	2	
<i>peg 3350-kcl-na bicarb-nacl-na sulfate for soln 236 gm</i>	2	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-nacl for soln 420 gm</i>	2	
PLENVU SOL	4	
<i>sod sulfate-pot sulf-mg sulf oral sol 17.5-3.13-1.6 gm/177ml</i>	3	
MISCELLANEOUS		
<i>alosetron hcl</i> TABS 1mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), PA
<i>alosetron hcl</i> TABS .5mg	4	QL (60 tabs / 30 days), PA
CREON CAP 3000UNIT	3	
CREON CAP 6000UNIT	3	
CREON CAP 12000UNT	3	
CREON CAP 24000UNT	3	
CREON CAP 36000UNT	3	
<i>cromolyn sodium (mastocytosis)</i> CONC 100mg/5ml	4	
<i>diphenoxylate w/ atropine tab 2.5-0.025 mg</i>	4	
GATTEX KIT 5mg	5	NDS, NM, PA
LINZESS CAPS 72mcg, 145mcg, 290mcg	3	QL (30 caps / 30 days)
<i>loperamide hcl</i> CAPS 2mg	2	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>misoprostol</i> TABS 100mcg, 200mcg	3	
MOVANTI ^K TABS 12.5mg, 25mg	3	QL (30 tabs / 30 days)
RELISTOR SOLN 12mg/0.6ml	5	NDS, QL (28 vials / 28 days), PA
RELISTOR SOSY 8mg/0.4ml, 12mg/0.6ml	5	NDS, QL (28 syringes / 28 days), PA
<i>sucralfate</i> TABS 1gm	3	
<i>ursodiol</i> CAPS 300mg	4	
<i>ursodiol</i> TABS 250mg, 500mg	3	
VOQUEZNA PAK DUAL PAK	3	QL (2 kits / year), PA
VOQUEZNA PAK TRIP PK	3	QL (2 kits / year), PA
VOWST CAP	5	NDS, QL (12 caps / 30 days), NM, PA
XERMELO TABS 250mg	5	NDS, QL (84 tabs / 28 days), NM, PA
XIFAXAN TABS 550mg	5	NDS, PA
ZENPEP CAP 3000UNIT	4	
ZENPEP CAP 5000UNIT	4	
ZENPEP CAP 10000UNT	4	
ZENPEP CAP 15000UNT	4	
ZENPEP CAP 20000UNT	4	
ZENPEP CAP 25000UNT	4	
ZENPEP CAP 40000UNT	4	
ZENPEP CAP 60000UNT	4	
PROTON PUMP INHIBITORS		
<i>esomeprazole magnesium</i> CPDR 20mg, 40mg	3	QL (30 caps / 30 days), ST
<i>lansoprazole</i> CPDR 15mg, 30mg	3	QL (60 caps / 30 days)
<i>lansoprazole</i> TBDD 15mg, 30mg	4	QL (60 tabs / 30 days), ST
<i>omeprazole</i> CPDR 10mg, 20mg, 40mg	1	
<i>pantoprazole sodium</i> SOLR 40mg	4	
<i>pantoprazole sodium</i> TBEC 20mg, 40mg	1	
<i>rabeprazole sodium</i> TBEC 20mg	3	QL (30 tabs / 30 days)

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GENITOURINARY		
BENIGN PROSTATIC HYPERPLASIA		
<i>alfuzosin hcl</i> TB24 10mg	2	QL (30 tabs / 30 days)
<i>dutasteride</i> CAPS .5mg	3	QL (30 caps / 30 days)
<i>dutasteride-tamsulosin hcl cap 0.5-0.4 mg</i>	3	QL (30 caps / 30 days)
<i>finasteride</i> TABS 5mg	1	QL (30 tabs / 30 days)
<i>silodosin</i> CAPS 4mg, 8mg	3	QL (30 caps / 30 days)
<i>tadalafil</i> TABS 5mg	3	QL (30 tabs / 30 days), PA
<i>tamsulosin hcl</i> CAPS .4mg	1	QL (60 caps / 30 days)
MISCELLANEOUS		
<i>acetic acid</i> SOLN .25%	2	
<i>bethanechol chloride</i> TABS 5mg, 10mg, 25mg, 50mg	3	
<i>potassium citrate (alkalinizer)</i> TBCR 15meq, 540mg, 1080mg	3	
URINARY ANTISPASMODICS		
<i>darifenacin hydrobromide</i> TB24 7.5mg, 15mg	4	QL (30 tabs / 30 days), ST
<i>fesoterodine fumarate</i> TB24 4mg, 8mg	4	QL (30 tabs / 30 days)
GEMTESA TABS 75mg	3	QL (30 tabs / 30 days)
MYRBETRIQ SRER 8mg/ml	3	QL (300 mL / 28 days)
MYRBETRIQ TB24 25mg, 50mg	3	QL (30 tabs / 30 days)
<i>oxybutynin chloride</i> SOLN 5mg/5ml	3	QL (600 mL / 30 days)
<i>oxybutynin chloride</i> TABS 5mg	3	QL (120 tabs / 30 days)
<i>oxybutynin chloride</i> TB24 5mg	3	QL (30 tabs / 30 days)
<i>oxybutynin chloride</i> TB24 10mg, 15mg	3	QL (60 tabs / 30 days)
<i>solifenacin succinate</i> TABS 5mg, 10mg	4	QL (30 tabs / 30 days)
<i>tolterodine tartrate</i> CP24 2mg, 4mg	4	QL (30 caps / 30 days)
<i>tolterodine tartrate</i> TABS 1mg, 2mg	4	QL (60 tabs / 30 days)
<i>tropium chloride</i> CP24 60mg	4	QL (30 caps / 30 days)
<i>tropium chloride</i> TABS 20mg	3	QL (60 tabs / 30 days)
VAGINAL ANTI-INFECTIVES		
<i>clindamycin phosphate vaginal</i> CREA 2%	3	
<i>metronidazole vaginal</i> GEL .75%	3	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>terconazole vaginal</i> CREA .4%, .8%; SUPP 80mg	3	
HEMATOLOGIC		
ANTICOAGULANTS		
<i>dabigatran etexilate mesylate</i> CAPS 75mg, 150mg	3	QL (60 caps / 30 days)
<i>dabigatran etexilate mesylate</i> CAPS 110mg	3	QL (120 caps / 30 days)
ELIQUIS CPSP .15mg	3	QL (56 caps / 21 days)
ELIQUIS TABS 2.5mg	3	QL (60 tabs / 30 days)
ELIQUIS TABS 5mg	3	QL (74 tabs / 30 days)
ELIQUIS TBSO .5mg	3	QL (588 tabs / 29 days)
ELIQUIS (1.5MG PACK) 3 X TBSO .5mg	3	QL (591 tabs / 29 days)
ELIQUIS (2MG PACK) 4 X TBSO .5mg	3	QL (592 tabs / 30 days)
ELIQUIS STARTER PACK TBPK 5mg	3	QL (74 tabs / 30 days)
<i>enoxaparin sodium</i> SOLN 300mg/3ml; SOSY 30mg/0.3ml, 40mg/0.4ml, 60mg/0.6ml, 80mg/0.8ml, 100mg/ml, 120mg/0.8ml, 150mg/ml	4	
<i>fondaparinux sodium</i> SOLN 2.5mg/0.5ml	4	
<i>fondaparinux sodium</i> SOLN 5mg/0.4ml, 7.5mg/0.6ml, 10mg/0.8ml	5	NDS
HEP SOD/NAACL INJ 25000UNT	3	
<i>heparin sodium (porcine)</i> SOLN 1000unit/ml, 5000unit/ml, 10000unit/ml, 20000unit/ml	3	B/D
<i>jantoven</i> TABS 1mg, 2mg, 2.5mg, 3mg, 4mg, 5mg, 6mg, 7.5mg, 10mg	1	
<i>rivaroxaban</i> SUSR 1mg/ml	3	QL (620 mL / 30 days)
<i>rivaroxaban</i> TABS 2.5mg	3	QL (60 tabs / 30 days)
<i>warfarin sodium</i> TABS 1mg, 2mg, 2.5mg, 3mg, 4mg, 5mg, 6mg, 7.5mg, 10mg	1	
XARELTO TABS 2.5mg	3	QL (60 tabs / 30 days)
XARELTO TABS 10mg, 15mg, 20mg	3	QL (30 tabs / 30 days)
XARELTO STAR TAB 15/20MG	3	QL (51 tabs / 30 days)
HEMATOPOIETIC GROWTH FACTORS		
FULPHILA SOSY 6mg/0.6ml	5	NDS, QL (2 syringes / 28 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PROCRIT SOLN 2000unit/ml, 3000unit/ml, 4000unit/ml, 10000unit/ml	3	NM, PA
PROCRIT SOLN 20000unit/ml, 40000unit/ml	5	NDS, NM, PA
ZARXIO SOSY 300mcg/0.5ml, 480mcg/0.8ml	5	NDS, NM, PA
MISCELLANEOUS		
ALVAIZ TABS 9mg, 54mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA
ALVAIZ TABS 18mg, 36mg	5	NDS, QL (90 tabs / 30 days), NM, PA
<i>anagrelide hcl</i> CAPS .5mg, 1mg	4	
BERINERT KIT 500unit	5	NDS, QL (24 boxes / 30 days), NM, PA
<i>cilostazol</i> TABS 50mg, 100mg	2	
DOPTELET TABS 20mg	5	NDS, NM, PA
DOPTELET SPRINKLE CPSP 10mg	5	NDS, NM, PA
DROXIA CAPS 200mg, 300mg, 400mg	4	
HAEGARDA SOLR 2000unit	5	NDS, QL (30 vials / 30 days), NM, PA
HAEGARDA SOLR 3000unit	5	NDS, QL (20 vials / 30 days), NM, PA
<i>icatibant acetate</i> SOSY 30mg/3ml	5	NDS, QL (9 syringes / 30 days), NM, PA
<i>l-glutamine (sickle cell)</i> PACK 5gm	5	NDS, NM, PA
<i>pentoxifylline</i> TBCR 400mg	2	
<i>sajazir</i> SOSY 30mg/3ml	5	NDS, QL (9 syringes / 30 days), NM, PA
SIKLOS TABS 100mg	4	
SIKLOS TABS 1000mg	5	NDS
TAVNEOS CAPS 10mg	5	NDS, QL (180 caps / 30 days), NM, PA
<i>tranexamic acid</i> SOLN 1000mg/10ml	4	
<i>tranexamic acid</i> TABS 650mg	3	
PLATELET AGGREGATION INHIBITORS		
<i>aspirin-dipyridamole cap er 12hr 25-200 mg</i>	4	
<i>clopidogrel bisulfate</i> TABS 75mg	1	
<i>dipyridamole</i> TABS 25mg, 50mg, 75mg	3	PA; PA applies if 65 years and older

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>prasugrel hcl</i> TABS 5mg, 10mg	3	
<i>ticagrelor</i> TABS 60mg, 90mg	3	

IMMUNOLOGIC AGENTS

AUTOIMMUNE AGENTS

ADALIMUMAB-BWWD SOAJ 40mg/0.4ml	5	NDS, QL (6 autoinjectors / 28 days), NM, PA
ADALIMUMAB-BWWD SOSY 40mg/0.4ml	5	NDS, QL (6 syringes / 28 days), NM, PA
BIMZELX SOAJ 160mg/ml, 320mg/2ml	5	NDS, QL (2 pens / 28 days), NM, PA
BIMZELX SOSY 160mg/ml, 320mg/2ml	5	NDS, QL (2 syringes / 28 days), NM, PA
DUPIXENT SOAJ 200mg/1.14ml, 300mg/2ml	5	NDS, QL (4 pens / 28 days), NM, PA
DUPIXENT SOSY 200mg/1.14ml, 300mg/2ml	5	NDS, QL (4 syringes / 28 days), NM, PA
ENBREL SOLN 25mg/0.5ml	5	NDS, QL (16 vials / 28 days), NM, PA
ENBREL SOSY 25mg/0.5ml	5	NDS, QL (16 syringes / 28 days), NM, PA
ENBREL SOSY 50mg/ml	5	NDS, QL (8 syringes / 28 days), NM, PA
ENBREL MINI SOCT 50mg/ml	5	NDS, QL (8 cartridges / 28 days), NM, PA
ENBREL SURECLICK SOAJ 50mg/ml	5	NDS, QL (8 pens / 28 days), NM, PA
HADLIMA SOSY 40mg/0.4ml, 40mg/0.8ml	5	NDS, QL (6 syringes / 28 days), NM, PA
HADLIMA PUSH TOUCH SOAJ 40mg/0.4ml, 40mg/0.8ml	5	NDS, QL (6 autoinjectors / 28 days), NM, PA
HUMIRA PSKT 10mg/0.1ml	5	NDS, QL (2 syringes / 28 days), NM, PA
HUMIRA PSKT 20mg/0.2ml	5	NDS, QL (4 syringes / 28 days), NM, PA
HUMIRA PSKT 40mg/0.4ml, 40mg/0.8ml	5	NDS, QL (6 syringes / 28 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HUMIRA PEN AJKT 40mg/0.4ml, 40mg/0.8ml	5	NDS, QL (6 pens / 28 days), NM, PA
HUMIRA PEN AJKT 80mg/0.8ml	5	NDS, QL (4 pens / 28 days), NM, PA
HUMIRA PEN KIT PS/UV	5	NDS, QL (3 pens / 28 days), NM, PA
HUMIRA PEN-CD/UC/HS START AJKT 80mg/0.8ml	5	NDS, QL (3 pens / 28 days), NM, PA
INFLIXIMAB SOLR 100mg	5	NDS, NM, PA
KINERET SOSY 100mg/0.67ml	5	NDS, QL (28 syringes / 28 days), NM, PA
PYZCHIVA SOAJ 45mg/0.5ml	3	QL (1 pen / 28 days), NM, PA
PYZCHIVA SOAJ 90mg/ml	5	NDS, QL (1 pen / 28 days), NM, PA
PYZCHIVA SOLN 45mg/0.5ml	3	QL (1 vial / 28 days), NM, PA
PYZCHIVA SOLN 130mg/26ml	5	NDS, NM, PA
PYZCHIVA SOSY 45mg/0.5ml	3	QL (1 syringe / 28 days), NM, PA
PYZCHIVA SOSY 90mg/ml	5	NDS, QL (1 syringe / 28 days), NM, PA
REMICADE SOLR 100mg	5	NDS, NM, PA
RENFLEXIS SOLR 100mg	5	NDS, NM, PA
RINVOQ TB24 15mg, 30mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
RINVOQ TB24 45mg	5	NDS, QL (168 tabs / year), NM, PA
RINVOQ LQ SOLN 1mg/ml	5	NDS, QL (360 mL / 30 days), NM, PA
SKYRIZI SOCT 180mg/1.2ml, 360mg/2.4ml	5	NDS, QL (1 cartridge / 56 days), NM, PA
SKYRIZI SOLN 600mg/10ml	5	NDS, NM, PA
SKYRIZI SOSY 150mg/ml	5	NDS, QL (6 syringes / 365 days), NM, PA
SKYRIZI PEN SOAJ 150mg/ml	5	NDS, QL (6 pens / 365 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SOTYKTU TABS 6mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
STELARA SOLN 45mg/0.5ml	5	NDS, QL (1 vial / 28 days), NM, PA
STELARA SOLN 130mg/26ml	5	NDS, NM, PA
STELARA SOSY 45mg/0.5ml, 90mg/ml	5	NDS, QL (1 syringe / 28 days), NM, PA
TREMFYA SOAJ 200mg/2ml	5	NDS, QL (2 pens / 28 days), NM, PA
TREMFYA SOLN 200mg/20ml	5	NDS, NM, PA
TREMFYA SOPN 100mg/ml	5	NDS, QL (1 pen / 28 days), NM, PA
TREMFYA SOSY 100mg/ml	5	NDS, QL (1 syringe / 28 days), NM, PA
TREMFYA SOSY 200mg/2ml	5	NDS, QL (2 syringes / 28 days), NM, PA
TREMFYA INDUCTION PACK FO SOAJ 200mg/2ml	5	NDS, QL (2 pens / 28 days), NM, PA
TREMFYA PEN SOAJ 100mg/ml	5	NDS, QL (1 pen / 28 days), NM, PA
TYENNE SOAJ 162mg/0.9ml	5	NDS, QL (4 pens / 28 days), NM, PA
TYENNE SOLN 80mg/4ml, 200mg/10ml, 400mg/20ml	5	NDS, NM, PA
TYENNE SOSY 162mg/0.9ml	5	NDS, QL (4 syringes / 28 days), NM, PA
USTEKINUMAB SOLN 45mg/0.5ml	5	NDS, QL (1 vial / 28 days), NM, PA
USTEKINUMAB SOLN 130mg/26ml	5	NDS, NM, PA
USTEKINUMAB SOSY 45mg/0.5ml, 90mg/ml	5	NDS, QL (1 syringe / 28 days), NM, PA
VELSIPITY TABS 2mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
XELJANZ SOLN 1mg/ml	5	NDS, QL (480 mL / 24 days), NM, PA
XELJANZ TABS 5mg, 10mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XELJANZ XR TB24 11mg, 22mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA
YESINTEK SOLN 45mg/0.5ml	3	QL (1 vial / 28 days), NM, PA
YESINTEK SOLN 130mg/26ml	3	NM, PA
YESINTEK SOSY 45mg/0.5ml	3	QL (1 syringe / 28 days), NM, PA
YESINTEK SOSY 90mg/ml	5	NDS, QL (1 syringe / 28 days), NM, PA

DISEASE-MODIFYING ANTI-RHEUMATIC DRUGS (DMARDS)

<i>hydroxychloroquine sulfate</i> TABS 200mg	3	
JYLAMVO SOLN 2mg/ml	4	B/D
<i>leflunomide</i> TABS 10mg, 20mg	3	QL (30 tabs / 30 days)
<i>methotrexate sodium</i> TABS 2.5mg	3	
XATMEP SOLN 2.5mg/ml	4	B/D

IMMUNOGLOBULINS

ALYGLO SOLN 5gm/50ml, 10gm/100ml, 20gm/200ml	5	NDS, NM, PA
BIVIGAM SOLN 5gm/50ml, 10%	5	NDS, NM, PA
FLEBOGAMMA DIF SOLN 5gm/100ml, 10gm/200ml, 20gm/400ml	5	NDS, NM, PA
GAMASTAN INJ	4	B/D, NM
GAMMAGARD LIQUID SOLN 1gm/10ml, 2.5gm/25ml, 5gm/50ml, 10gm/100ml, 20gm/200ml, 30gm/300ml	5	NDS, NM, PA
GAMMAGARD LIQUID ERC SOLN 5gm/50ml, 10gm/100ml	5	NDS, NM, PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS TH SOLR 5gm, 10gm	5	NDS, NM, PA
GAMMAKED SOLN 1gm/10ml, 5gm/50ml, 10gm/100ml, 20gm/200ml	5	NDS, NM, PA
GAMMAPLEX SOLN 5gm/100ml, 5gm/50ml, 10gm/100ml, 10gm/200ml, 20gm/200ml, 20gm/400ml	5	NDS, NM, PA
GAMUNEX-C SOLN 1gm/10ml, 2.5gm/25ml, 5gm/50ml, 10gm/100ml, 20gm/200ml, 40gm/400ml	5	NDS, NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
OCTAGAM SOLN 1gm/20ml, 2gm/20ml, 2.5gm/50ml, 5gm/100ml, 5gm/50ml, 10gm/100ml, 10gm/200ml, 20gm/200ml, 30gm/300ml	5	NDS, NM, PA
PANZYGA SOLN 1gm/10ml, 2.5gm/25ml, 5gm/50ml, 10gm/100ml, 20gm/200ml, 30gm/300ml	5	NDS, NM, PA
PRIVIGEN SOLN 5gm/50ml, 10gm/100ml, 20gm/200ml, 40gm/400ml	5	NDS, NM, PA
IMMUNOMODULATORS		
ACTIMMUNE SOLN 100mcg/0.5ml	5	NDS, NM, PA
ARCALYST SOLR 220mg	5	NDS, NM, PA
IMMUNOSUPPRESSANTS		
ASTAGRAF XL CP24 5mg	5	NDS, B/D
ASTAGRAF XL CP24 .5mg, 1mg	4	B/D
<i>azathioprine</i> TABS 50mg	3	B/D
BENLYSTA SOAJ 200mg/ml	5	NDS, QL (8 pens / 28 days), NM, PA
BENLYSTA SOLR 120mg, 400mg	5	NDS, NM, PA
BENLYSTA SOSY 200mg/ml	5	NDS, QL (8 syringes / 28 days), NM, PA
<i>cyclosporine</i> CAPS 25mg, 100mg	4	B/D
<i>cyclosporine modified (for microemulsion)</i> CAPS 25mg, 50mg, 100mg; SOLN 100mg/ml	4	B/D
<i>everolimus (immunosuppressant)</i> TABS .5mg, .75mg, 1mg	5	NDS, B/D
<i>everolimus (immunosuppressant)</i> TABS .25mg	4	B/D
<i>engraf</i> CAPS 25mg, 100mg	4	B/D
<i>mycophenolate mofetil</i> CAPS 250mg; TABS 500mg	3	B/D
<i>mycophenolate mofetil</i> SUSR 200mg/ml	5	NDS, B/D
<i>mycophenolate sodium</i> TBEC 180mg, 360mg	4	B/D
NULOJIX SOLR 250mg	5	NDS, B/D
PROGRAF PACK .2mg, 1mg	4	B/D
REZUROCK TABS 200mg	5	NDS, QL (30 tabs / 30 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sirolimus</i> SOLN 1mg/ml; TABS .5mg, 1mg, 2mg	4	B/D
<i>tacrolimus</i> CAPS .5mg, 1mg, 5mg	4	B/D
VACCINES		
ABRYSCO SOLR 120mcg/0.5ml	1	PA
ACTHIB INJ	1	
ADACEL INJ	1	
AREXVY SUSR 120mcg/0.5ml	1	PA
BCG VACCINE SOLR 50mg	1	
BEXSERO SUSY .5ml	1	
BOOSTRIX INJ	1	
DAPTACEL INJ	1	
DENGVAXIA SUS	1	
ENGERIX-B SUSP 20mcg/ml; SUSY 10mcg/0.5ml, 20mcg/ml	1	B/D
GARDASIL 9 SUSP .5ml; SUSY .5ml	1	
HAVRIX SUSY 720elu/0.5ml, 1440unit/ml	1	
HEPLISAV-B SOSY 20mcg/0.5ml	1	B/D
HIBERIX SOLR 10mcg	1	
IMOVAX RABIES (H.D.C.V.) SUSR 2.5unit/ml	1	B/D
INFANRIX INJ	1	
IPOL INJ INACTIVE	1	
IXIARO INJ	1	
JYNNEOS SUSP .5ml	1	B/D
KINRIX INJ	1	
M-M-R II INJ	1	
MENQUADFI SOLN .5ml	1	
MENVEO INJ	1	
MENVEO SOL	1	
MRESVIA SUSY 50mcg/0.5ml	1	PA
PEDIARIX INJ 0.5ML	1	
PEDVAX HIB SUSP 7.5mcg/0.5ml	1	
PENBRAYA INJ	1	
PENMENVY INJ	1	
PENTACEL INJ	1	
PRIORIX INJ	1	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PROQUAD INJ	1	
QUADRACEL INJ 0.5ML	1	
RABAVERT INJ	1	B/D
RECOMBIVAX HB SUSP 5mcg/0.5ml, 10mcg/ml, 40mcg/ml; SUSY 5mcg/0.5ml, 10mcg/ml	1	B/D
ROTARIX SUS	1	
ROTATEQ SOL	1	
SHINGRIX SUSR 50mcg/0.5ml	1	QL (2 vials per lifetime)
SHINGRIX SUSY 50mcg/0.5ml	1	QL (2 syringes per lifetime)
TENIVAC INJ 5-2LF	1	B/D
TICOVAC SUSY 1.2mcg/0.25ml, 2.4mcg/0.5ml	1	
TRUMENBA SUSY .5ml	1	
TWINRIX INJ	1	
TYPHIM VI SOLN 25mcg/0.5ml; SOSY 25mcg/0.5ml	1	
VAQTA SUSP 25unit/0.5ml, 50unit/ml; SUSY 25unit/0.5ml, 50unit/ml	1	
VARIVAX SUSR 1350pfu/0.5ml	1	
VAXCHORA SUS	1	
VIMKUNYA SUSY 40mcg/0.8ml	1	
VIVOTIF CAP EC	1	
YF-VAX INJ	1	

NUTRITIONAL/SUPPLEMENTS

ELECTROLYTES/MINERALS, INJECTABLE

D2.5W/NACL INJ 0.45%	4
D5W/NACL INJ 0.2%	3
D5W/NACL INJ 0.45%	3
D10W/NACL INJ 0.2%	3
D10W/NACL INJ 0.45%	3
<i>dextrose 2.5% w/ sodium chloride 0.45%</i>	3
<i>dextrose 5% in lactated ringers</i>	3
<i>dextrose 5% w/ sodium chloride 0.3%</i>	3
<i>dextrose 5% w/ sodium chloride 0.9%</i>	3
<i>dextrose 5% w/ sodium chloride 0.45%</i>	3

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dextrose 5% w/ sodium chloride 0.225%</i>	3	
ISOLYTE-P INJ /D5W	4	
ISOLYTE-S INJ PH 7.4	4	
<i>kcl 10 meq/l (0.075%) in dextrose 5% & nacl 0.45% inj</i>	3	
<i>kcl 20 meq/l (0.15%) in dextrose 5% & nacl 0.9% inj</i>	3	
<i>kcl 20 meq/l (0.15%) in dextrose 5% & nacl 0.45% inj</i>	3	
<i>kcl 20 meq/l (0.15%) in nacl 0.9% inj</i>	3	
<i>kcl 20 meq/l (0.15%) in nacl 0.45% inj</i>	3	
<i>kcl 20 meq/l (0.149%) in nacl 0.9% inj</i>	3	
<i>kcl 20 meq/l (0.149%) in nacl 0.45% inj</i>	3	
<i>kcl 30 meq/l (0.224%) in dextrose 5% & nacl 0.45% inj</i>	3	
<i>kcl 40 meq/l (0.3%) in dextrose 5% & nacl 0.9% inj</i>	3	
<i>kcl 40 meq/l (0.3%) in dextrose 5% & nacl 0.45% inj</i>	3	
<i>kcl 40 meq/l (0.3%) in nacl 0.9% inj</i>	3	
<i>kcl 40 meq/l (0.298%) in nacl 0.9% inj</i>	3	
KCL/D5W/NACL INJ 0.3/0.9%	4	
KCL/D5W/NACL INJ 0.15/0.2	3	
LACTATED RIN INJ	4	
<i>lactated ringer's solution</i>	3	
<i>magnesium sulfate SOLN 2gm/50ml, 3gm/100ml, 4gm/100ml, 4gm/50ml, 20gm/500ml, 40gm/1000ml, 50%</i>	3	
<i>MAGNESIUM SULFATE SOLN 2gm/50ml, 4gm/100ml, 4gm/50ml, 20gm/500ml, 40gm/1000ml</i>	3	
<i>magnesium sulfate in dextrose 5% iv soln 1 gm/100ml</i>	3	
<i>multiple electrolytes ph 5.5</i>	4	
POT CHL 20MEQ/L IN NACL 0.9% INJ	4	
POT CHL 20MEQ/L IN NACL 0.45% INJ	4	
POT CHL 40MEQ/L IN NACL 0.9% INJ	4	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>potassium chloride</i> SOLN 2meq/ml, 10meq/100ml, 10meq/50ml, 20meq/100ml, 20meq/50ml, 40meq/100ml	3	
<i>potassium chloride</i> 20 meq/l (0.15%) in <i>dextrose</i> 5% inj	3	
<i>sodium chloride</i> SOLN .45%, .9%, 2.5meq/ml, 3%, 5%	3	
TPN ELECTROL INJ	4	B/D
<i>ELECTROLYTES/MINERALS/VITAMINS, ORAL</i>		
<i>klor-con</i> PACK 20meq	4	
KLOR-CON 8 TBCR 8meq	2	
<i>klor-con</i> 10 TBCR 10meq	2	
KLOR-CON 10 TBCR 10meq	2	
<i>klor-con m10</i> TBCR 10meq	2	
<i>klor-con m15</i> TBCR 15meq	2	
<i>klor-con m20</i> TBCR 20meq	2	
M-NATAL PLUS TAB	3	
<i>potassium chloride</i> CPCR 8meq, 10meq; TBCR 8meq, 10meq, 20meq	2	
<i>potassium chloride</i> PACK 20meq; SOLN 10%, 20%	4	
<i>potassium chloride microencapsulated crystals</i> TBCR 10meq, 15meq, 20meq	2	
PRENATAL TAB 27-1MG	3	
PRENATAL TAB PLUS	3	
<i>sodium fluoride</i> chew; tab; 1.1 (0.5 f) mg/ml soln	2	
WESTAB PLUS TAB 27-1MG	3	
<i>IV NUTRITION</i>		
<i>aminosyn ii soln</i> 15%	4	B/D
AMINOSYN INJ 10%	4	B/D
AMINOSYN-PF INJ 10%	4	B/D
CLINIMIX INJ 4.25/D5W	4	B/D
CLINIMIX INJ 4.25/D10	4	B/D
CLINIMIX INJ 5%/D15W	4	B/D
CLINIMIX INJ 5%/D20W	4	B/D

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CLINIMIX INJ 6/5	4	B/D
CLINIMIX INJ 8/10	4	B/D
CLINIMIX INJ 8/14	4	B/D
<i>clinisol sf 15%</i>	4	B/D
CLINOLIPID EMU 20%	4	B/D
<i>dextrose SOLN 5%, 10%</i>	3	
<i>dextrose SOLN 50%</i>	3	B/D
DEXTROSE 10% SOLN 10%	3	
DEXTROSE 70% SOLN 70%	3	B/D
INTRALIPID EMUL 20gm/100ml, 30gm/100ml	4	B/D
NUTRILIPID EMUL 20gm/100ml	4	B/D
<i>plenamine</i>	4	B/D
PREMASOL SOL 10%	5	NDS, B/D
PROSOL INJ 20%	4	B/D
TRAVASOL INJ 10%	4	B/D
TROPHAMINE INJ 10%	4	B/D

OPHTHALMIC

ANTI-INFECTIVE/ANTI-INFLAMMATORY

<i>bacitracin-polymyxin-neomycin-hc ophth oint 1%</i>	3	
<i>loteprednol etabonate-tobramycin ophth susp 0.5-0.3%</i>	3	
<i>neomycin-polymyxin-dexamethasone ophth oint 0.1%</i>	2	
<i>neomycin-polymyxin-dexamethasone ophth susp 0.1%</i>	2	
<i>neomycin-polymyxin-hc ophth susp</i>	4	
<i>sulfacetamide sodium-prednisolone ophth soln 10-0.23(0.25)%</i>	2	
TOBRADEX OIN 0.3-0.1%	3	
<i>tobramycin-dexamethasone ophth susp 0.3-0.1%</i>	3	
ZYLET SUS 0.5-0.3%	3	

ANTI-INFECTIVES

<i>bacitracin (ophthalmic) OINT 500unit/gm</i>	3	
<i>bacitracin-polymyxin b ophth oint</i>	2	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>besifloxacin hcl</i> SUSP .6%	3	
BESIVANCE SUSP .6%	3	
CILOXAN OINT .3%	3	
<i>ciprofloxacin hcl (ophth)</i> SOLN .3%	2	
<i>erythromycin (ophth)</i> OINT 5mg/gm	2	
<i>gatifloxacin (ophth)</i> SOLN .5%	3	
<i>gentamicin sulfate (ophth)</i> SOLN .3%	2	
<i>moxifloxacin hcl (ophth)</i> SOLN .5%	3	QL (12 mL / 30 days)
NATACYN SUSP 5%	4	
<i>neomycin-bacitrac zn-polymyx 5(3.5)mg-400unt-10000unt op oin</i>	3	
<i>neomycin-polymy-gramicid op sol 1.75-10000-0.025mg-unt-mg/ml</i>	3	
<i>ofloxacin (ophth)</i> SOLN .3%	2	
<i>polymyxin b-trimethoprim ophth soln 10000 unit/ml-0.1%</i>	1	
<i>sulfacetamide sodium (ophth)</i> SOLN 10%	3	
<i>tobramycin (ophth)</i> SOLN .3%	1	
trifluridine SOLN 1%	4	
XDEMZY SOLN .25%	5	NDS, NM, PA
ZIRGAN GEL .15%	4	
ANTI-INFLAMMATORIES		
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i> SOLN .1%	3	
<i>diclofenac sodium (ophth)</i> SOLN .1%	2	
<i>difluprednate</i> EMUL .05%	4	
<i>fluorometholone (ophth)</i> SUSP .1%	3	
<i>flurbiprofen sodium</i> SOLN .03%	3	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i> SOLN .4%	3	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i> SOLN .5%	2	
LOTEMAX OINT .5%	3	
<i>prednisolone acetate (ophth)</i> SUSP 1%	3	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSP SOLN 1%	3	
ANTIALLERGICS		
<i>azelastine hcl (ophth)</i> SOLN .05%	2	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i> SOLN 4%	2	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ZERVIATE SOLN .24%	4	
ANTI GLAUCOMA		
<i>betaxolol hcl (ophth)</i> SOLN .5%	3	
<i>brimonidine tartrate</i> SOLN .2%	1	
<i>brinzolamide</i> SUSP 1%	4	ST
<i>carteolol hcl (ophth)</i> SOLN 1%	2	
COMBIGAN SOL 0.2/0.5%	3	
<i>dorzolamide hcl</i> SOLN 2%	2	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate ophth soln</i> 2-0.5%	2	
<i>latanoprost</i> SOLN .005%	1	
<i>levobunolol hcl</i> SOLN .5%	2	
LUMIGAN SOLN .01%	3	
<i>pilocarpine hcl</i> SOLN 1%, 2%, 4%	3	
RHOPRESSA SOLN .02%	4	
ROCKLATAN DRO	4	
SIMBRINZA SUS 1-0.2%	4	
<i>timolol maleate (ophth)</i> SOLG .25%, .5%	3	
<i>timolol maleate (ophth)</i> SOLN .25%, .5%	1	
<i>travoprost</i> SOLN .004%	4	
VYZULTA SOLN .024%	4	
MISCELLANEOUS		
ATROPINE SULFATE SOLN 1%	3	
<i>atropine sulfate (ophthalmic)</i> SOLN 1%	3	
CYSTADROPS SOLN .37%	5	NDS, NM, PA
CYSTARAN SOLN .44%	5	NDS, NM, PA
EYSUVIS SUSP .25%	4	
MIEBO SOLN 1.338gm/ml	3	
<i>proparacaine hcl</i> SOLN .5%	3	
RESTASIS EMUL .05%	3	
RESTASIS MULTIDOSE EMUL .05%	3	
XIIDRA SOLN 5%	3	
OTIC		
OTIC AGENTS		
<i>acetic acid (otic)</i> SOLN 2%	3	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ciprofloxacin-dexamethasone otic susp 0.3-0.1%</i>	4	
<i>flac OIL .01%</i>	3	
<i>fluocinolone acetonide (otic) OIL .01%</i>	3	
<i>hydrocortisone w/ acetic acid otic soln 1-2%</i>	4	
<i>neomycin-polymyxin-hc otic soln 1%</i>	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc otic susp 3.5 mg/ml-10000 unit/ml-1%</i>	3	
<i>ofloxacin (otic) SOLN .3%</i>	4	

RESPIRATORY

ANTICHOLINERGIC/BETA AGONIST COMBINATIONS

ANORO ELLIPT AER 62.5-25	3	QL (60 blisters / 30 days)
BEVESPI AER 9-4.8MCG	3	QL (1 inhaler / 30 days)
BREZTRI AERO AER SPHERE	3	QL (1 inhaler / 30 days)
BREZTRI AERO AER SPHERE (INSTITUTIONAL PACK)	3	QL (4 inhalers / 28 days)
COMBIVENT AER 20-100	4	QL (2 inhalers / 30 days)
<i>ipratropium-albuterol nebu soln 0.5-2.5(3) mg/3ml</i>	3	B/D
TRELEGY AER ELLIPTA 100-62.5-25 MCG	3	QL (60 blisters / 30 days)
TRELEGY AER ELLIPTA 200-62.5-25 MCG	3	QL (60 blisters / 30 days)

ANTICHOLINERGICS

ATROVENT HFA AERS 17mcg/act	4	QL (2 inhalers / 30 days)
INCRUSE ELLIPTA AEPB 62.5mcg/inh	3	QL (30 blisters / 30 days)
<i>ipratropium bromide SOLN .02%</i>	2	B/D
<i>ipratropium bromide (nasal) SOLN .03%, .06%</i>	3	
SPIRIVA RESPIMAT AERS 1.25mcg/act	4	QL (1 inhaler / 30 days)

ANTI-HISTAMINES

<i>azelastine hcl SOLN .1%</i>	2	
<i>cetirizine hcl SOLN 5mg/5ml</i>	2	QL (300 mL / 30 days)

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cyproheptadine hcl</i> SYRP 2mg/5ml; TABS 4mg	3	PA; PA applies if 65 years and older after a 30 day supply in a calendar year
<i>desloratadine</i> TABS 5mg	3	QL (30 tabs / 30 days)
<i>diphenhydramine hcl</i> SOLN 50mg/ml	3	
<i>hydroxyzine hcl</i> SOLN 25mg/ml, 50mg/ml	4	PA; PA applies if 65 years and older
<i>hydroxyzine hcl</i> SYRP 10mg/5ml; TABS 10mg, 25mg, 50mg	3	PA; PA applies if 65 years and older after a 30 day supply in a calendar year
<i>hydroxyzine pamoate</i> CAPS 25mg, 50mg	3	PA; PA applies if 65 years and older after a 30 day supply in a calendar year
<i>levocetirizine dihydrochloride</i> SOLN 2.5mg/5ml	4	QL (300 mL / 30 days)
<i>levocetirizine dihydrochloride</i> TABS 5mg	2	QL (30 tabs / 30 days)
<i>olopatadine hcl (nasal)</i> SOLN .6%	4	
BETA AGONISTS		
<i>albuterol sulfate</i> AERS 108mcg/act	3	QL (2 inhalers / 30 days); (generic of Proair HFA)
<i>albuterol sulfate</i> AERS 108mcg/act	3	QL (2 inhalers / 30 days); (generic of Proventil HFA)
<i>albuterol sulfate</i> AERS 108mcg/act	3	QL (2 inhalers / 30 days); (generic of Ventolin HFA)
<i>albuterol sulfate</i> NEBU .63mg/3ml, 1.25mg/3ml, 2.5mg/0.5ml	3	B/D
<i>albuterol sulfate</i> NEBU .083%	2	B/D
<i>albuterol sulfate</i> SYRP 2mg/5ml	3	
<i>albuterol sulfate</i> TABS 2mg, 4mg	4	
<i>arformoterol tartrate</i> NEBU 15mcg/2ml	4	B/D
<i>formoterol fumarate</i> NEBU 20mcg/2ml	4	B/D

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levalbuterol hcl</i> NEBU .31mg/3ml, .63mg/3ml, 1.25mg/0.5ml, 1.25mg/3ml	4	B/D
<i>levalbuterol tartrate</i> AERO 45mcg/act	3	QL (2 inhalers / 30 days), ST
SEREVENT DISKUS AEPB 50mcg/dose	3	QL (60 inhalations / 30 days)
<i>terbutaline sulfate</i> TABS 2.5mg, 5mg	4	
VENTOLIN HFA AERS 108mcg/act	3	QL (2 inhalers / 30 days)
VENTOLIN HFA (INSTITUTIONAL PACK) AERS 108mcg/act	3	QL (6 inhalers / 30 days)
LEUKOTRIENE MODULATORS		
<i>montelukast sodium</i> CHEW 4mg, 5mg	2	
<i>montelukast sodium</i> PACK 4mg	4	
<i>montelukast sodium</i> TABS 10mg	1	
<i>zafirlukast</i> TABS 10mg, 20mg	3	
MISCELLANEOUS		
<i>acetylcysteine</i> SOLN 10%, 20%	4	B/D
ALYFTREK TAB 4-20-50	5	NDS, QL (84 tabs / 28 days), NM, PA
ALYFTREK TAB 10-50-125	5	NDS, QL (56 tabs / 28 days), NM, PA
ARALAST NP SOLR 500mg, 1000mg	5	NDS, NM, PA
<i>cromolyn sodium</i> NEBU 20mg/2ml	3	B/D
<i>epinephrine (anaphylaxis)</i> SOAJ .15mg/0.3ml, .3mg/0.3ml	3	(generic of EpiPen)
<i>epinephrine (anaphylaxis)</i> SOAJ .15mg/0.15ml, .3mg/0.3ml	3	(generic of Adrenaclick)
FASENRA SOSY 10mg/0.5ml, 30mg/ml	5	NDS, QL (1 syringe / 28 days), NM, PA
FASENRA PEN SOAJ 30mg/ml	5	NDS, QL (1 pen / 28 days), NM, PA
KALYDECO PACK 5.8mg, 13.4mg, 25mg, 50mg, 75mg	5	NDS, QL (56 packets / 28 days), NM, PA
KALYDECO TABS 150mg	5	NDS, QL (60 tabs / 30 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
OFEV CAPS 100mg, 150mg	5	NDS, QL (60 caps / 30 days), NM, PA
ORKAMBI GRA 75-94MG	5	NDS, QL (56 packets / 28 days), NM, PA
ORKAMBI GRA 100-125	5	NDS, QL (56 packets / 28 days), NM, PA
ORKAMBI GRA 150-188	5	NDS, QL (56 packets / 28 days), NM, PA
ORKAMBI TAB 100-125	5	NDS, QL (112 tabs / 28 days), NM, PA
ORKAMBI TAB 200-125	5	NDS, QL (112 tabs / 28 days), NM, PA
<i>pirfenidone</i> CAPS 267mg	5	NDS, QL (270 caps / 30 days), NM, PA
<i>pirfenidone</i> TABS 267mg	5	NDS, QL (270 tabs / 30 days), NM, PA
<i>pirfenidone</i> TABS 534mg, 801mg	5	NDS, QL (90 tabs / 30 days), NM, PA
PROLASTIN-C SOLN 1000mg/20ml	5	NDS, NM, PA
PULMOZYME SOLN 2.5mg/2.5ml	5	NDS, NM, PA
<i>roflumilast</i> TABS 250mcg	4	QL (56 tabs / year)
<i>roflumilast</i> TABS 500mcg	4	QL (30 tabs / 30 days)
SYMDEKO TAB 50-75MG	5	NDS, QL (56 tabs / 28 days), NM, PA
SYMDEKO TAB 100-150	5	NDS, QL (56 tabs / 28 days), NM, PA
<i>theophylline</i> ELIX 80mg/15ml; SOLN 80mg/15ml; TB12 100mg, 200mg, 300mg, 450mg	4	
<i>theophylline</i> TB24 400mg, 600mg	3	
TRIKAFTA PAK 59.5MG	5	NDS, QL (56 packs / 28 days), NM, PA
TRIKAFTA PAK 75MG	5	NDS, QL (56 packs / 28 days), NM, PA
TRIKAFTA TAB 50-25-37.5MG & 75MG	5	NDS, QL (84 tabs / 28 days), NM, PA
TRIKAFTA TAB 100-50-75MG & 150MG	5	NDS, QL (84 tabs / 28 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XOLAIR SOAJ 75mg/0.5ml, 300mg/2ml	5	NDS, QL (4 pens / 28 days), NM, PA
XOLAIR SOAJ 150mg/ml	5	NDS, QL (8 pens / 28 days), NM, PA
XOLAIR SOLR 150mg	5	NDS, QL (8 vials / 28 days), NM, PA
XOLAIR SOSY 75mg/0.5ml, 300mg/2ml	5	NDS, QL (4 syringes / 28 days), NM, PA
XOLAIR SOSY 150mg/ml	5	NDS, QL (8 syringes / 28 days), NM, PA
ZEMAIRA SOLR 1000mg, 4000mg, 5000mg	5	NDS, NM, PA
NASAL STEROIDS		
<i>flunisolide (nasal)</i> SOLN .025%	3	QL (3 bottles / 30 days)
<i>fluticasone propionate (nasal)</i> SUSP 50mcg/act	2	QL (1 bottle / 30 days)
<i>mometasone furoate (nasal)</i> SUSP 50mcg/act	4	QL (2 bottles / 30 days)
XHANCE EXHU 93mcg/act	4	QL (32 mL / 30 days), PA
STEROID INHALANTS		
ALVESCO AERS 80mcg/act	4	QL (3 inhalers / 30 days)
ALVESCO AERS 160mcg/act	4	QL (2 inhalers / 30 days)
ARNUITY ELLIPTA AEPB 50mcg/act, 100mcg/act, 200mcg/act	3	QL (30 inhalations / 30 days)
<i>budesonide (inhalation)</i> SUSP .25mg/2ml, .5mg/2ml	4	B/D
STEROID/BETA-AGONIST COMBINATIONS		
ADVAIR HFA AER 45/21	3	QL (1 inhaler / 30 days)
ADVAIR HFA AER 115/21	3	QL (1 inhaler / 30 days)
ADVAIR HFA AER 230/21	3	QL (1 inhaler / 30 days)
AIRSUPRA AER 90-80MCG	3	QL (3 inhalers / 30 days)
BREO ELLIPTA INH 50-25MCG	3	QL (60 blisters / 30 days)
BREO ELLIPTA INH 100-25	3	QL (60 blisters / 30 days)

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BREO ELLIPTA INH 200-25	3	QL (60 blisters / 30 days)
<i>breyana</i>	3	QL (3 inhalers / 30 days)
<i>budesonide-formoterol fumarate dihyd aerosol 80-4.5 mcg/act</i>	3	QL (3 inhalers / 30 days)
<i>budesonide-formoterol fumarate dihyd aerosol 160-4.5 mcg/act</i>	3	QL (3 inhalers / 30 days)
DULERA AER 50-5MCG	4	QL (3 inhalers / 30 days)
DULERA AER 100-5MCG	4	QL (3 inhalers / 30 days)
DULERA AER 200-5MCG	4	QL (3 inhalers / 30 days)
<i>fluticasone-salmeterol aer powder ba 100-50 mcg/act</i>	3	QL (60 inhalations / 30 days); (generic PRASCO not covered)
<i>fluticasone-salmeterol aer powder ba 250-50 mcg/act</i>	3	QL (60 inhalations / 30 days); (generic PRASCO not covered)
<i>fluticasone-salmeterol aer powder ba 500-50 mcg/act</i>	3	QL (60 inhalations / 30 days); (generic PRASCO not covered)
<i>wixela inhub</i>	3	QL (60 inhalations / 30 days)

TOPICAL

DERMATOLOGY, ACNE

<i>acutane</i> CAPS 10mg, 20mg, 30mg, 40mg	4	PA
<i>amnesteem</i> CAPS 10mg, 20mg, 30mg, 40mg	4	PA
<i>benzoyl peroxide-erythromycin gel 5-3%</i>	4	QL (46.6 gm / 30 days)
<i>claravis</i> CAPS 10mg, 20mg, 30mg, 40mg	4	PA
<i>clindamycin phosph-benzoyl peroxide (refrig) gel 1.2 (1)-5%</i>	3	QL (45 gm / 30 days)
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL 1%</i>	3	QL (75 mL / 30 days), PA
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN 1%; SOLN 1%</i>	3	QL (60 mL / 30 days)

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ery</i> PADS 2%	3	QL (60 pledgets / 30 days)
<i>erythromycin (acne aid)</i> GEL 2%	3	QL (60 gm / 30 days)
<i>erythromycin (acne aid)</i> SOLN 2%	3	QL (60 mL / 30 days)
<i>isotretinoin</i> CAPS 10mg, 20mg, 30mg, 40mg	4	PA
<i>neuac</i>	3	QL (45 gm / 30 days)
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i> LOTN 10%	4	QL (118 mL / 30 days)
<i>tretinoin</i> CREA .025%, .05%, .1%; GEL .01%, .025%	4	QL (45 gm / 30 days), PA
<i>twice-daily clindamycin phosphate (topical)</i> GEL 1%	3	QL (60 gm / 30 days)
<i>zenatane</i> CAPS 10mg, 20mg, 30mg, 40mg	4	PA
DERMATOLOGY, ANTIBIOTICS		
<i>gentamicin sulfate (topical)</i> CREA .1%; OINT .1%	3	QL (30 gm / 30 days)
<i>mupirocin</i> OINT 2%	2	QL (220 gm / 30 days)
<i>silver sulfadiazine</i> CREA 1%	2	
<i>ssd</i> CREA 1%	2	
SULFAMYLON CREA 85mg/gm	4	QL (453.6 gm / 30 days)
DERMATOLOGY, ANTIFUNGALS		
<i>ciclopirox</i> GEL .77%	3	QL (100 gm / 30 days)
<i>ciclopirox</i> SHAM 1%	3	QL (120 mL / 30 days)
<i>ciclopirox olamine</i> CREA .77%	3	QL (90 gm / 30 days)
<i>ciclopirox olamine</i> SUSP .77%	3	QL (60 mL / 30 days)
<i>clotrimazole (topical)</i> CREA 1%	2	QL (45 gm / 30 days)
<i>clotrimazole (topical)</i> SOLN 1%	3	QL (60 mL / 30 days)
<i>clotrimazole w/ betamethasone cream 1-0.05%</i>	3	QL (45 gm / 30 days)
<i>econazole nitrate</i> CREA 1%	3	QL (85 gm / 30 days)
<i>ketoconazole (topical)</i> CREA 2%	3	QL (60 gm / 30 days)
<i>ketoconazole (topical)</i> SHAM 2%	2	QL (120 mL / 30 days)
<i>klayesta</i> POWD 100000unit/gm	3	QL (60 gm / 30 days)
<i>nyamyc</i> POWD 100000unit/gm	3	QL (60 gm / 30 days)
<i>nystatin (topical)</i> CREA 100000unit/gm; OINT 100000unit/gm	2	QL (30 gm / 30 days)
<i>nystatin (topical)</i> POWD 100000unit/gm	3	QL (60 gm / 30 days)
<i>nystop</i> POWD 100000unit/gm	3	QL (60 gm / 30 days)

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>selenium sulfide</i> LOTN 2.5%	2	
DERMATOLOGY, ANTIPSORIATICS		
<i>acitretin</i> CAPS 10mg, 17.5mg, 25mg	4	PA
<i>calcipotriene</i> CREA .005%; OINT .005%	4	QL (120 gm / 30 days), PA
<i>calcipotriene</i> SOLN .005%	3	QL (120 mL / 30 days), PA
<i>calcitrene</i> OINT .005%	4	QL (120 gm / 30 days), PA
ENSTILAR AER	5	NDS, QL (120 gm / 30 days), PA
<i>methoxsalen rapid</i> CAPS 10mg	5	NDS
<i>tazarotene</i> CREA .05%, .1%	3	QL (60 gm / 30 days), PA
DERMATOLOGY, CORTICOSTEROIDS		
<i>ala-cort</i> CREA 1%	1	
<i>alclometasone dipropionate</i> CREA .05%; OINT .05%	3	QL (60 gm / 30 days)
<i>betamethasone dipropionate (topical)</i> CREA .05%	3	QL (120 gm / 30 days)
<i>betamethasone dipropionate (topical)</i> LOTN .05%	3	QL (120 mL / 30 days)
<i>betamethasone dipropionate (topical)</i> OINT .05%	4	QL (120 gm / 30 days)
<i>betamethasone dipropionate augmented</i> CREA .05%	2	QL (120 gm / 30 days)
<i>betamethasone dipropionate augmented</i> GEL .05%; OINT .05%	4	QL (120 gm / 30 days)
<i>betamethasone dipropionate augmented</i> LOTN .05%	4	QL (120 mL / 30 days)
<i>betamethasone valerate</i> CREA .1%; OINT .1%	3	QL (120 gm / 30 days)
<i>betamethasone valerate</i> LOTN .1%	3	QL (120 mL / 30 days)
<i>clobetasol propionate</i> CREA .05%; GEL .05%; OINT .05%	4	QL (120 gm / 30 days)
<i>clobetasol propionate</i> SHAM .05%	4	QL (236 mL / 30 days)
<i>clobetasol propionate</i> SOLN .05%	4	QL (100 mL / 30 days)
<i>clobetasol propionate e</i> CREA .05%	4	QL (120 gm / 30 days)

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clodan</i> SHAM .05%	4	QL (236 mL / 30 days)
<i>fluocinolone acetonide</i> CREA .01%	4	QL (60 gm / 30 days)
<i>fluocinolone acetonide</i> CREA .025%	4	QL (120 gm / 30 days)
<i>fluocinolone acetonide</i> OIL .01%	3	QL (118.28 mL / 30 days)
<i>fluocinolone acetonide</i> OINT .025%	3	QL (120 gm / 30 days)
<i>fluocinolone acetonide</i> SOLN .01%	4	QL (60 mL / 30 days)
<i>fluocinonide</i> CREA .05%, .1%	3	QL (120 gm / 30 days)
<i>fluocinonide</i> GEL .05%; OINT .05%	4	QL (60 gm / 30 days)
<i>fluocinonide</i> SOLN .05%	3	QL (60 mL / 30 days)
<i>fluocinonide emulsified base</i> CREA .05%	4	QL (120 gm / 30 days)
<i>fluticasone propionate</i> CREA .05%; OINT .005%	3	
<i>halobetasol propionate</i> CREA .05%; OINT .05%	4	QL (50 gm / 30 days)
<i>hydrocortisone (topical)</i> CREA 1%	1	
<i>hydrocortisone (topical)</i> CREA 2.5%; LOTN 2.5%; OINT 2.5%	2	
<i>hydrocortisone (topical)</i> OINT 1%	2	QL (30 gm / 30 days)
<i>hydrocortisone valerate</i> CREA .2%	3	QL (60 gm / 30 days)
<i>mometasone furoate</i> CREA .1%; OINT .1%; SOLN .1%	3	
<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> CREA .025%, .1%, .5%	2	QL (454 gm / 30 days)
<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> LOTN .025%, .1%	3	
<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> OINT .025%, .1%, .5%	2	
<i>triderm</i> CREA .5%	2	QL (454 gm / 30 days)
DERMATOLOGY, LOCAL ANESTHETICS		
<i>glydo</i> PRSY 2%	3	QL (60 mL / 30 days), PA
<i>lidocaine</i> OINT 5%	4	QL (50 gm / 30 days), PA
<i>lidocaine</i> PTCH 5%	4	QL (3 patches / 1 day), PA
<i>lidocaine hcl</i> SOLN 4%	3	QL (50 mL / 30 days), PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lidocaine-prilocaine cream 2.5-2.5%</i>	2	B/D, QL (30 gm / 30 days)
<i>lidocan PTCH 5%</i>	4	QL (3 patches / 1 day), PA
<i>tridacaine ii PTCH 5%</i>	4	QL (3 patches / 1 day), PA
DERMATOLOGY, MISCELLANEOUS SKIN AND MUCOUS MEMBRANE		
<i>azelaic acid GEL 15%</i>	4	QL (50 gm / 30 days)
<i>bexarotene (topical) GEL 1%</i>	5	NDS, QL (60 gm / 30 days), NM, PA
<i>diclofenac sodium (topical) SOLN 1.5%</i>	3	QL (300 mL / 28 days)
<i>EUCRISA OINT 2%</i>	4	QL (120 gm / 30 days), PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5%</i>	4	QL (40 gm / 30 days)
<i>fluorouracil (topical) SOLN 2%, 5%</i>	3	QL (10 mL / 30 days)
<i>hydrocortisone (rectal) CREA 1%, 2.5%</i>	3	
<i>imiquimod CREA 5%</i>	3	QL (24 packets / 30 days)
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA 12%; LOTN 12%</i>	2	
<i>metronidazole (topical) CREA .75%; GEL .75%</i>	3	QL (45 gm / 30 days)
<i>metronidazole (topical) LOTN .75%</i>	4	QL (59 mL / 30 days)
<i>nitroglycerin (intra-anal) OINT .4%</i>	4	QL (30 gm / 30 days)
<i>PANRETIN GEL .1%</i>	5	NDS, QL (60 gm / 30 days), PA
<i>pimecrolimus CREA 1%</i>	4	QL (100 gm / 30 days), PA
<i>podofilox SOLN .5%</i>	3	QL (7 mL / 28 days)
<i>procto-med hc CREA 2.5%</i>	3	
<i>proctocort CREA 1%</i>	3	
<i>proctosol hc CREA 2.5%</i>	3	
<i>proctozone-hc CREA 2.5%</i>	3	
<i>tacrolimus (topical) OINT .03%, .1%</i>	4	QL (100 gm / 30 days), PA
<i>VALCHLOR GEL .016%</i>	5	NDS, QL (60 gm / 30 days), NM, PA

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
DERMATOLOGY, SCABICIDES AND PEDICULIDES		
<i>malathion</i> LOTN .5%	4	QL (59 mL / 30 days)
<i>permethrin</i> CREA 5%	3	QL (60 gm / 30 days)
DERMATOLOGY, WOUND CARE AGENTS		
SANTYL OINT 250unit/gm	4	QL (180 gm / 30 days), PA
<i>sodium chloride (gu irrigant)</i> SOLN .9%	3	
<i>water for irrigation, sterile irrigation soln</i>	2	
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
<i>cevimeline hcl</i> CAPS 30mg	4	
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i> SOLN .12%	1	
<i>clotrimazole</i> TROC 10mg	3	QL (150 lozenges / 30 days)
<i>kourzeq</i> PSTE .1%	3	
<i>lidocaine hcl (mouth-throat)</i> SOLN 2%	2	
<i>nystatin (mouth-throat)</i> SUSP 100000unit/ml	2	
<i>periogard</i> SOLN .12%	1	
<i>pilocarpine hcl (oral)</i> TABS 5mg, 7.5mg	3	
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i> PSTE .1%	3	

_PART B

DIABETIC METERS AND TEST STRIPS

DEXCOM G6 MIS RECEIVER	0	PA
DEXCOM G6 MIS SENSOR	0	PA
DEXCOM G6 MIS TRANSMIT	0	PA
DEXCOM G7 MIS RECEIVER	0	PA
DEXCOM G7 MIS SENSOR	0	PA
FREESTYLE LB KIT 2/SENSOR	0	PA
FREESTYLE LB KIT 3/SENSOR	0	PA
FREESTYLE LB KIT 14D/SEN	0	PA
FREESTYLE LB MIS 2/READER	0	PA
FREESTYLE LB MIS 3/READER	0	PA
FREESTYLE MIS READER	0	PA
TRUE METRIX KIT AIR	0	
TRUE METRIX KIT METER	0	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUE METRIX STRIPS	0	

Để tìm thông tin về ý nghĩa của các biểu tượng và từ viết tắt trong bảng này, quý vị có thể chuyển tới Mục C1.



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

D. Danh Mục Thuốc Được Bao Trả

Trong phần này, quý vị có thể tìm thuốc bằng cách tìm kiếm tên thuốc theo thứ tự bảng chữ cái. Danh mục sẽ cho quý vị biết số trang nơi quý vị có thể tìm thêm thông tin về việc bao trả đối với thuốc của mình.

A			
<i>abacavir sulfate</i>	30	ADACEL INJ.....	108
<i>abacavir sulfate-lamivudine tab 600-300 mg</i>	31	ADALIMUMAB-BWWD	103
<i>abigale</i>	92	<i>adefovir dipivoxil</i>	32
<i>abigale lo</i>	92	ADEMPAS.....	61
ABILIFY ASIMTUFII	66	ADMELOG	83
ABILIFY MAINTENA.....	66	ADMELOG SOLOSTAR	83
<i>abiraterone acetate</i>	38	ADVAIR HFA AER 115/21	119
<i>abirtega</i>	39	ADVAIR HFA AER 230/21	119
ABRYSVO.....	108	ADVAIR HFA AER 45/21	119
<i>acamprosate calcium</i>	81	<i>afirmelle</i>	86
<i>acarbose</i>	82	AIMOVIG	77
<i>accutane</i>	120	AIRSUPRA AER 90-80MCG.....	119
<i>acebutolol hcl</i>	57	AKEEGA TAB 100/500.....	39
<i>acetaminophen w/ codeine soln 120-12 mg/5ml</i>	25	AKEEGA TAB 50/500MG	39
<i>acetaminophen w/ codeine tab 300-15 mg</i>	25	<i>ala-cort</i>	122
<i>acetaminophen w/ codeine tab 300-30 mg</i>	25	<i>albendazole</i>	26
<i>acetaminophen w/ codeine tab 300-60 mg</i>	25	<i>albuterol sulfate</i>	116
<i>acetazolamide</i>	59	<i>alclometasone dipropionate</i>	122
<i>acetic acid</i>	100	ALCOHOL SWABS: EMBECTA-BD/MHC/RUGBY	83
<i>acetic acid (otic)</i>	114	ALDURAZYME	93
<i>acetylcysteine</i>	117	ALECENSA	41
<i>acitretin</i>	122	<i>alendronate sodium</i>	85
ACTHIB INJ	108	<i>alfuzosin hcl</i>	100
ACTIMMUNE	107	<i>aliskiren fumarate</i>	59
<i>acyclovir</i>	32	<i>allopurinol</i>	24
<i>acyclovir sodium</i>	32	<i>alose tron hcl</i>	98
		<i>alprazolam</i>	62
		<i>altavera</i>	86
		ALUNBRIG	41
		ALUNBRIG PAK	41
		ALVAIZ.....	102



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

ALVESCO	119	<i>amlodipine besylate-atorvastatin</i>	
<i>alyacen 1/35</i>	86	<i>calcium tab 5-40 mg</i>	60
<i>alyacen 7/7/7</i>	86	<i>amlodipine besylate-atorvastatin</i>	
ALYFTREK TAB 10-50-125	117	<i>calcium tab 5-80 mg</i>	60
ALYFTREK TAB 4-20-50	117	<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	
ALYGLO	106	<i>cap 10-20 mg</i>	52
<i>alyq</i>	61	<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	
<i>amantadine hcl</i>	65	<i>cap 10-40 mg</i>	52
<i>ambrisentan</i>	61	<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	
<i>amethyst</i>	86	<i>cap 2.5-10 mg</i>	52
<i>amikacin sulfate</i>	26	<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	
<i>amiloride & hydrochlorothiazide tab</i>		<i>cap 5-10 mg</i>	52
<i>5-50 mg</i>	59	<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	
<i>amiloride hcl</i>	59	<i>cap 5-20 mg</i>	52
<i>aminosyn ii soln 15%</i>	111	<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	
AMINOSYN INJ 10%	111	<i>cap 5-40 mg</i>	52
AMINOSYN-PF INJ 10%	111	<i>amlodipine besylate-olmesartan</i>	
<i>amidarone hcl</i>	55	<i>medoxomil tab 10-20 mg</i>	53
<i>amitriptyline hcl</i>	63	<i>amlodipine besylate-olmesartan</i>	
<i>amlodipine besylate</i>	58	<i>medoxomil tab 10-40 mg</i>	53
<i>amlodipine besylate-atorvastatin</i>		<i>amlodipine besylate-olmesartan</i>	
<i>calcium tab 10-10 mg</i>	60	<i>medoxomil tab 5-20 mg</i>	53
<i>amlodipine besylate-atorvastatin</i>		<i>amlodipine besylate-olmesartan</i>	
<i>calcium tab 10-20 mg</i>	60	<i>medoxomil tab 5-40 mg</i>	53
<i>amlodipine besylate-atorvastatin</i>		<i>amlodipine besylate-valsartan tab</i>	
<i>calcium tab 10-40 mg</i>	60	<i>10-160 mg</i>	53
<i>amlodipine besylate-atorvastatin</i>		<i>amlodipine besylate-valsartan tab</i>	
<i>calcium tab 10-80 mg</i>	60	<i>10-320 mg</i>	53
<i>amlodipine besylate-atorvastatin</i>		<i>amlodipine besylate-valsartan tab 5-</i>	
<i>calcium tab 2.5-10 mg</i>	59	<i>160 mg</i>	53
<i>amlodipine besylate-atorvastatin</i>		<i>320 mg</i>	53
<i>calcium tab 2.5-20 mg</i>	59	<i>amnestem</i>	120
<i>amlodipine besylate-atorvastatin</i>		<i>amoxapine</i>	63
<i>calcium tab 2.5-40 mg</i>	59	<i>amoxicillin</i>	35
<i>amlodipine besylate-atorvastatin</i>		<i>amoxicillin & k clavulanate for susp</i>	
<i>calcium tab 5-10 mg</i>	59	<i>200-28.5 mg/5ml</i>	35
<i>amlodipine besylate-atorvastatin</i>		<i>amoxicillin & k clavulanate for susp</i>	
<i>calcium tab 5-20 mg</i>	60	<i>250-62.5 mg/5ml</i>	35



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

<i>amoxicillin & k clavulanate for susp</i> 400-57 mg/5ml.....	35	<i>ampicillin & sulbactam sodium for inj</i> 1.5 (1-0.5) gm.....	36
<i>amoxicillin & k clavulanate for susp</i> 600-42.9 mg/5ml.....	35	<i>ampicillin & sulbactam sodium for inj</i> 3 (2-1) gm	36
<i>amoxicillin & k clavulanate tab</i> 250- 125 mg.....	35	<i>ampicillin & sulbactam sodium for iv</i> soln 1.5 (1-0.5) gm	36
<i>amoxicillin & k clavulanate tab</i> 500- 125 mg.....	35	<i>ampicillin & sulbactam sodium for iv</i> soln 15 (10-5) gm	36
<i>amoxicillin & k clavulanate tab</i> 875- 125 mg.....	36	<i>ampicillin & sulbactam sodium for iv</i> soln 3 (2-1) gm	36
<i>amphetamine-dextroamphetamine</i> cap er 24hr 10 mg.....	75	<i>ampicillin sodium</i>	36
<i>amphetamine-dextroamphetamine</i> cap er 24hr 15 mg.....	75	<i>anagrelide hcl</i>	102
<i>amphetamine-dextroamphetamine</i> cap er 24hr 20 mg.....	76	<i>anastrozole</i>	39
<i>amphetamine-dextroamphetamine</i> cap er 24hr 25 mg.....	76	ANORO ELLIPT AER 62.5-25	115
<i>amphetamine-dextroamphetamine</i> cap er 24hr 30 mg.....	76	<i>aprepitant</i>	96
<i>amphetamine-dextroamphetamine</i> cap er 24hr 5 mg	75	<i>aprepitant capsule therapy pack</i> 80 & 125 mg.....	96
<i>amphetamine-dextroamphetamine</i> tab 10 mg	76	<i>apri</i>	86
<i>amphetamine-dextroamphetamine</i> tab 12.5 mg	76	APTIOM	70
<i>amphetamine-dextroamphetamine</i> tab 15 mg	76	APTIVUS.....	30
<i>amphetamine-dextroamphetamine</i> tab 20 mg	76	ARALAST NP.....	117
<i>amphetamine-dextroamphetamine</i> tab 30 mg	76	<i>aranelle</i>	86
<i>amphetamine-dextroamphetamine</i> tab 5 mg	76	ARCALYST.....	107
<i>amphetamine-dextroamphetamine</i> tab 7.5 mg	76	AREXVY	108
<i>amphotericin b</i>	29	<i>arformoterol tartrate</i>	116
<i>amphotericin b liposome</i>	29	ARIKAYCE	26
<i>ampicillin</i>	36	<i>aripiprazole</i>	66
		ARISTADA.....	66
		ARISTADA INITIO	67
		<i>armodafinil</i>	80
		ARNUITY ELLIPTA.....	119
		<i>asenapine maleate</i>	67
		<i>ashlyna</i>	86
		<i>aspirin-dipyridamole cap er</i> 12hr 25- 200 mg.....	102
		ASTAGRAF XL.....	107
		<i>atazanavir sulfate</i>	30
		<i>atenolol</i>	57



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

<i>atenolol & chlorthalidone tab 100-25 mg</i>	57	<i>bacitracin-polymyxin-neomycin-hc ophth oint 1%</i>	112
<i>atenolol & chlorthalidone tab 50-25 mg</i>	57	<i>baclofen</i>	80
<i>atomoxetine hcl</i>	76	<i>BAFIERTAM</i>	79
<i>atorvastatin calcium</i>	56	<i>balsalazide disodium</i>	97
<i>atovaquone</i>	26	<i>BALVERSA</i>	42
<i>atovaquone-proguanil hcl tab 250-100 mg</i>	29	<i>balziva</i>	87
<i>atovaquone-proguanil hcl tab 62.5-25 mg</i>	29	<i>BARACLUDE</i>	32
<i>ATROPINE SULFATE</i>	114	<i>BCG VACCINE</i>	108
<i>atropine sulfat (ophthalmic)</i>	114	<i>benazepril & hydrochlorothiazide tab 10-12.5 mg</i>	52
<i>ATROVENT HFA</i>	115	<i>benazepril & hydrochlorothiazide tab 20-12.5 mg</i>	52
<i>aubra eq</i>	86	<i>benazepril & hydrochlorothiazide tab 20-25 mg</i>	52
<i>AUGTYRO</i>	41	<i>benazepril & hydrochlorothiazide tab 5-6.25mg</i>	52
<i>aurovela 1/20</i>	86	<i>benazepril hcl</i>	52
<i>aurovela 24 fe</i>	86	<i>BENDAMUSTINE HYDROCHLORID</i> .	37
<i>aurovela fe 1.5/30</i>	86	<i>BENDEKA</i>	37
<i>aurovela fe 1/20</i>	86	<i>BENLYSTA</i>	107
<i>AUSTEDO</i>	78	<i>benzoyl peroxide-erythromycin gel 5-3%</i>	120
<i>AUSTEDO XR</i>	78	<i>benztropine mesylate</i>	65
<i>AUSTEDO XR TAB TITR KIT</i>	79	<i>BERINERT</i>	102
<i>AUVELITY TAB 45-105MG</i>	63	<i>besifloxacin hcl</i>	113
<i>aviane</i>	87	<i>BESIVANCE</i>	113
<i>AVMAPKI PAK FAKZYNJA</i>	41	<i>BESREMI</i>	40
<i>ayuna</i>	87	<i>betaine powder for oral solution</i> ...	93
<i>AYVAKIT</i>	41	<i>betamethasone dipropionate (topical)</i>	122
<i>azacitidine</i>	38	<i>betamethasone dipropionate augmented</i>	122
<i>azathioprine</i>	107	<i>betamethasone valerate</i>	122
<i>azelaic acid</i>	124	<i>BETASERON</i>	79
<i>azelastine hcl</i>	115	<i>betaxolol hcl (ophth)</i>	114
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	113	<i>bethanechol chloride</i>	100
<i>azithromycin</i>	34	<i>BEVESPI AER 9-4.8MCG</i>	115
<i>aztreonam</i>	26	<i>bexarotene</i>	40
<i>azurette</i>	87		
B			
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	112		
<i>bacitracin-polymyxin b ophth oint</i>	112		



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

<i>bexarotene (topical)</i>	124	BRUKINSA	42
BEXSERO	108	<i>budesonide</i>	97
<i>bicalutamide</i>	39	<i>budesonide (inhalation)</i>	119
BICILLIN L-A	36	<i>budesonide-formoterol fumarate</i>	
BIKTARVY TAB 30-120-15 MG.....	31	<i>dihyd aerosol 160-4.5 mcg/act</i> ..	120
BIKTARVY TAB 50-200-25 MG.....	31	<i>budesonide-formoterol fumarate</i>	
BILDYOS.....	85	<i>dihyd aerosol 80-4.5 mcg/act</i> ..	120
BIMZELX.....	103	<i>bumetanide</i>	59
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide tab</i>		<i>buprenorphine</i>	25
10-6.25 mg	57	<i>buprenorphine hcl</i>	81
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide tab</i>		<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl sl</i>	
2.5-6.25 mg	57	<i>film 12-3 mg (base equiv)</i>	81
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide tab</i>		<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl sl</i>	
5-6.25 mg	57	<i>film 2-0.5 mg (base equiv)</i>	81
<i>bisoprolol fumarate</i>	57	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl sl</i>	
BIVIGAM.....	106	<i>film 4-1 mg (base equiv)</i>	81
<i>blisovi 24 fe</i>	87	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl sl</i>	
<i>blisovi fe 1.5/30</i>	87	<i>film 8-2 mg (base equiv)</i>	81
<i>blisovi fe 1/20</i>	87	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl sl</i>	
BLUJEP A	26	<i>tab 2-0.5 mg (base equiv)</i>	81
BONSITY.....	85	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl sl</i>	
BOOSTRIX INJ	108	<i>tab 8-2 mg (base equiv)</i>	81
<i>bortezomib</i>	42	<i>bupropion hcl</i>	63
BORTEZOMIB	42	<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	81
<i>bosentan</i>	61	<i>bupirone hcl</i>	62
BOSULIF	42	<i>butorphanol tartrate</i>	25
BRAFTOVI	42	C	
BREO ELLIPTA INH 100-25	119	<i>cabergoline</i>	93
BREO ELLIPTA INH 200-25	120	CABOMETYX	42
BREO ELLIPTA INH 50-25MCG....	119	<i>calcipotriene</i>	122
<i>brey na</i>	120	<i>calcitonin (salmon) spray</i>	85
BREZTRI AERO AER SPHERE	115	<i>calcitrene</i>	122
BREZTRI AERO AER SPHERE		<i>calcitriol</i>	96
(INSTITUTIONAL PACK)	115	<i>calcitriol (oral)</i>	96
<i>briellyn</i>	87	CALQUENCE	42
<i>brimonidine tartrate</i>	114	<i>camila</i>	87
<i>brinzolamide</i>	114	<i>camrese</i>	87
BRIVIACT.....	70	<i>camrese lo</i>	87
<i>bromocriptine mesylate</i>	65	<i>candesartan cilexetil</i>	55



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

<i>candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide tab 16-12.5 mg</i>	53	<i>carbidopa-levodopa-entacapone tabs 12.5-50-200 mg</i>	65
<i>candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide tab 32-12.5 mg</i>	53	<i>carbidopa-levodopa-entacapone tabs 18.75-75-200 mg</i>	65
<i>candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide tab 32-25 mg</i>	53	<i>carbidopa-levodopa-entacapone tabs 25-100-200 mg</i>	65
CAPLYTA	67	<i>carbidopa-levodopa-entacapone tabs 31.25-125-200 mg</i>	66
CAPRELSA	42	<i>carbidopa-levodopa-entacapone tabs 37.5-150-200 mg</i>	66
<i>captopril</i>	52	<i>carbidopa-levodopa-entacapone tabs 50-200-200 mg</i>	66
<i>captopril & hydrochlorothiazide tab 25-15 mg</i>	52	<i>carboplatin</i>	37
<i>captopril & hydrochlorothiazide tab 25-25 mg</i>	52	<i>carglumic acid</i>	93
<i>captopril & hydrochlorothiazide tab 50-15 mg</i>	52	<i>carisoprodol</i>	80
<i>captopril & hydrochlorothiazide tab 50-25 mg</i>	52	<i>carteolol hcl (ophth)</i>	114
<i>carb/levo orally disintegrating tab 10-100mg</i>	65	<i>cartia xt</i>	58
<i>carb/levo orally disintegrating tab 25-100mg</i>	65	<i>carvedilol</i>	57
<i>carb/levo orally disintegrating tab 25-250mg</i>	65	<i>casprofungin acetate</i>	29
<i>carbamazepine</i>	70	CAYSTON	26
<i>carbidopa</i>	65	<i>cefaclor</i>	33
<i>carbidopa & levodopa tab 10-100 mg</i>	65	<i>cefadroxil</i>	33
<i>carbidopa & levodopa tab 25-100 mg</i>	65	CEFAZOLIN	33
<i>carbidopa & levodopa tab 25-250 mg</i>	65	CEFAZOLIN INJ 1GM/50ML	33
<i>carbidopa & levodopa tab er 25-100 mg</i>	65	<i>cefazolin sodium</i>	34
<i>carbidopa & levodopa tab er 50-200 mg</i>	65	CEFAZOLIN SOLN 2GM/100ML-4%	34
		CEFAZOLIN/DEX SOL 1GM/50ML-4%	34
		CEFAZOLIN/DEX SOL 2GM/50ML-3%	34
		CEFAZOLIN/DEX SOL 3GM/150ML- 4%.....	34
		CEFAZOLIN/DEX SOL 3GM/50ML-2%	34
		<i>cefdinir</i>	34
		<i>cefepime hcl</i>	34
		<i>cefixime</i>	34
		<i>cefotetan disodium</i>	34
		<i>cefoxitin sodium</i>	34



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

<i>cefepodoxime proxetil</i>	34	<i>ciprofloxacin hcl</i>	35
<i>cefprozil</i>	34	<i>ciprofloxacin hcl (ophth)</i>	113
<i>ceftaroline fosamil</i>	34	<i>ciprofloxacin-dexamethasone otic</i>	
<i>ceftazidime</i>	34	<i>susp 0.3-0.1%</i>	115
<i>ceftriaxone sodium</i>	34	<i>cisplatin</i>	37
<i>cefuroxime axetil</i>	34	<i>citalopram hydrobromide</i>	63
<i>cefuroxime sodium</i>	34	<i>claravis</i>	120
<i>celecoxib</i>	24	<i>clarithromycin</i>	34
<i>cephalexin</i>	34	<i>clindamycin hcl</i>	26
CEQUR SIMPL KIT PATCH 2U (3-DAY)		<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	
.....	83	26
CEQUR SIMPL KIT PATCH 2U (4-DAY)		<i>clindamycin phosphate</i>	26
.....	84	<i>clindamycin phosphate (topical)</i> ..	120
CEQUR SIMPL MIS INSERTER.....	84	<i>clindamycin phosphate in d5w iv soln</i>	
CERDELGA	93	<i>300 mg/50ml</i>	26
CEREZYME	93	<i>clindamycin phosphate in d5w iv soln</i>	
<i>cetirizine hcl</i>	115	<i>600 mg/50ml</i>	27
<i>cevimeline hcl</i>	125	<i>clindamycin phosphate in d5w iv soln</i>	
<i>chateal eq</i>	87	<i>900 mg/50ml</i>	27
CHEMET.....	86	<i>clindamycin phosphate vaginal</i>	100
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-</i>		<i>clindamycin phosph-benzoyl peroxide</i>	
<i>throat)</i>	125	<i>(refrig) gel 1.2 (1)-5%</i>	120
<i>chloroquine phosphate</i>	29	CLINDMYC/NAC INJ 300/50ML	27
<i>chlorpromazine hcl</i>	67	CLINDMYC/NAC INJ 600/50ML	27
<i>chlorthalidone</i>	59	CLINDMYC/NAC INJ 900/50ML	27
<i>cholestyramine</i>	56	CLINIMIX INJ 4.25/D10	111
<i>cholestyramine light</i>	56	CLINIMIX INJ 4.25/D5W	111
<i>choline fenofibrate</i>	56	CLINIMIX INJ 5%/D15W	111
<i>ciclopirox</i>	121	CLINIMIX INJ 5%/D20W	111
<i>ciclopirox olamine</i>	121	CLINIMIX INJ 6/5.....	112
<i>cilostazol</i>	102	CLINIMIX INJ 8/10	112
CILOXAN.....	113	CLINIMIX INJ 8/14	112
CIMDUO TAB 300-300	31	<i>clinisol sf 15%</i>	112
<i>cinacalcet hcl</i>	94	CLINOLIPID EMU 20%	112
CIPRO	35	<i>clobazam</i>	70, 71
<i>ciprofloxacin 200 mg/100ml in d5w</i>		<i>clobetasol propionate</i>	122
.....	35	<i>clobetasol propionate e</i>	122
<i>ciprofloxacin 400 mg/200ml in d5w</i>		<i>clodan</i>	123
.....	35	<i>clomipramine hcl</i>	63



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

<i>clonazepam</i>	71	<i>cromolyn sodium (mastocytosis)</i> ..	98
<i>clonidine</i>	60	<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	113
<i>clonidine hcl</i>	60	<i>cryselle</i>	87
<i>clopidogrel bisulfate</i>	102	<i>cyclobenzaprine hcl</i>	80
<i>clorazepate dipotassium</i>	71	<i>cyclophosphamide</i>	37
<i>clotrimazole</i>	125	CYCLOPHOSPHAMIDE	37
<i>clotrimazole (topical)</i>	121	CYCLOPHOSPHAMIDE MONOHYDR	37
<i>clotrimazole w/ betamethasone</i>		<i>cycloserine</i>	32
<i>cream 1-0.05%</i>	121	<i>cyclosporine</i>	107
<i>clozapine</i>	67	<i>cyclosporine modified (for</i>	
COARTEM TAB 20-120MG.....	30	<i>microemulsion)</i>	107
COBENFY CAP 100-20MG	67	<i>cyproheptadine hcl</i>	116
COBENFY CAP 125-30MG	67	<i>cyred eq</i>	87
COBENFY CAP 50-20MG	67	CYSTADROPS	114
COBENFY STRT CAP PACK	67	CYSTAGON.....	94
<i>colchicine</i>	24	CYSTARAN	114
<i>colchicine w/ probenecid tab 0.5-500</i>		<i>cytarabine</i>	38
<i>mg</i>	24	D	
<i>colesevelam hcl</i>	56	D10W/NACL INJ 0.2%	109
<i>colestipol hcl</i>	56	D10W/NACL INJ 0.45%.....	109
<i>colistimethate sodium</i>	27	D2.5W/NACL INJ 0.45%.....	109
COMBIGAN SOL 0.2/0.5%	114	D5W/NACL INJ 0.2%	109
COMBIVENT AER 20-100	115	D5W/NACL INJ 0.45%	109
COMETRIQ (60MG DOSE).....	42	<i>dabigatran etexilate mesylate</i>	101
COMETRIQ KIT 100MG.....	42	<i>dalfampridine</i>	79
COMETRIQ KIT 140MG.....	42	<i>danazol</i>	81
<i>compro</i>	96	<i>dantrolene sodium</i>	80
<i>constulose</i>	98	DANZITEN	43
COPAXONE.....	79	<i>dapagliflozin propanediol</i>	82
COPIKTRA	42	<i>dapsone</i>	27
CORLANOR.....	60	DAPTACEL INJ	108
COTELLIC	43	<i>daptomycin</i>	27
CREON CAP 12000UNT.....	98	DAPTOMYCIN	27
CREON CAP 24000UNT.....	98	<i>darifenacin hydrobromide</i>	100
CREON CAP 3000UNIT	98	<i>darunavir</i>	30
CREON CAP 36000UNT.....	98	<i>dasatinib</i>	43
CREON CAP 6000UNIT	98	<i>dasetta 1/35</i>	87
CRESEMBA.....	29	<i>dasetta 7/7/7</i>	87
<i>cromolyn sodium</i>	117	DAURISMO.....	43



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

<i>daysee</i>	87	<i>dextrose 5% w/ sodium chloride</i>	
DAYVIGO	77	0.45%	109
<i>deblitane</i>	87	<i>dextrose 5% w/ sodium chloride</i>	
<i>deferasirox</i>	86	0.9%	109
DELSTRIGO TAB	31	DEXTROSE 70%	112
DENGVAXIA SUS	108	DIACOMIT	71
DEPO-SUBQ PROVERA 104	87	<i>diazepam</i>	71
<i>depo-testosterone</i>	81	<i>diazepam (anticonvulsant)</i>	71
DESCOVY TAB 120-15MG	31	<i>diazepam inj</i>	71
DESCOVY TAB 200/25MG	31	<i>diazepam intensol</i>	71
<i>desipramine hcl</i>	63	<i>diazoxide</i>	93
<i>desloratadine</i>	116	<i>diclofenac potassium</i>	24
<i>desmopressin acetate</i>	94	<i>diclofenac sodium</i>	24
<i>desmopressin acetate spray</i>	94	<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	113
<i>desmopressin acetate spray</i>		<i>diclofenac sodium (topical)</i>	124
<i>refrigerated</i>	94	<i>diclofenac w/ misoprostol tab</i>	
<i>desogest-eth estrad & eth estrad tab</i>		<i>delayed release 50-0.2 mg</i>	24
0.15-0.02/0.01 mg(21/5)	87	<i>diclofenac w/ misoprostol tab</i>	
<i>desvenlafaxine succinate</i>	63	<i>delayed release 75-0.2 mg</i>	24
<i>dexamethasone</i>	92	<i>dicloxacillin sodium</i>	36
DEXAMETHASONE INTENSOL	93	<i>dicyclomine hcl</i>	97
<i>dexamethasone sodium phosphate</i>		DIFICID	35
(<i>ophth</i>)	113	<i>diflunisal</i>	24
DEXCOM G6 MIS RECEIVER	125	<i>difluprednate</i>	113
DEXCOM G6 MIS SENSOR	125	<i>digoxin</i>	60
DEXCOM G6 MIS TRANSMIT	125	<i>dihydroergotamine mesylate</i>	78
DEXCOM G7 MIS RECEIVER	125	DILANTIN	71
DEXCOM G7 MIS SENSOR	125	<i>diltiazem hcl</i>	58
<i>dexmethylphenidate hcl</i>	76	<i>diltiazem hcl coated beads</i>	58
<i>dextrose</i>	112	<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	
DEXTROSE 10%	112	58
<i>dextrose 2.5% w/ sodium chloride</i>		<i>dilt-xr</i>	58
0.45%	109	<i>diphenhydramine hcl</i>	116
<i>dextrose 5% in lactated ringers</i> ..	109	<i>diphenoxylate w/ atropine tab 2.5-</i>	
<i>dextrose 5% w/ sodium chloride</i>		0.025 mg	98
0.225%	110	<i>dipyridamole</i>	102
<i>dextrose 5% w/ sodium chloride</i>		<i>disopyramide phosphate</i>	55
0.3%	109	<i>disulfiram</i>	81
		<i>divalproex sodium</i>	71, 72



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

<i>docetaxel</i>	41	<i>duloxetine hcl</i>	63
DOCETAXEL	41	DUPIXENT.....	103
DOCIVYX	41	<i>dutasteride</i>	100
<i>dofetilide</i>	55	<i>dutasteride-tamsulosin hcl cap 0.5-0.4 mg</i>	100
<i>dolishale</i>	87	E	
<i>donepezil hydrochloride</i>	62	<i>e.e.s. 400</i>	35
DOPTELET.....	102	<i>econazole nitrate</i>	121
DOPTELET SPRINKLE	102	EDARBI	55
<i>dorzolamide hcl</i>	114	EDARBYCLOR TAB 40-12.5	54
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate ophth soln 2-0.5%</i>	114	EDARBYCLOR TAB 40-25MG	54
<i>dotti</i>	92	EDURANT.....	30
DOVATO TAB 50-300MG	31	EDURANT PED	30
<i>doxazosin mesylate</i>	53	<i>efavirenz</i>	30
<i>doxepin hcl</i>	63	<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir df tab 600-200-300 mg</i>	31
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	77	<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir df tab 400-300-300 mg</i>	31
<i>doxercalciferol</i>	96	<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir df tab 600-300-300 mg</i>	31
<i>doxorubicin hcl</i>	40	ELIGARD.....	39
<i>doxorubicin hcl liposomal</i>	40	<i>elinest</i>	87
<i>doxy 100</i>	37	ELIQUIS	101
<i>doxycycline (monohydrate)</i>	37	ELIQUIS (1.5MG PACK) 3 X	101
<i>doxycycline hyclate</i>	37	ELIQUIS (2MG PACK) 4 X	101
DRIZALMA SPRINKLE.....	63	ELIQUIS STARTER PACK	101
<i>dronabinol</i>	96	<i>eluryng</i>	87
<i>drospirenone-ethinyl estradiol tab 3-0.02 mg</i>	87	EMGALITY	78
<i>drospirenone-ethinyl estradiol tab 3-0.03 mg</i>	87	EMSAM	63
<i>drospirenone-ethinyl estrad-levomefolate tab 3-0.02-0.451 mg</i>	87	<i>emtricitabine</i>	30
<i>drospirenone-ethinyl estrad-levomefolate tab 3-0.03-0.451 mg</i>	87	<i>emtricitabine-rilpivirine-tenofovir df tab 200-25-300 mg</i>	31
DROXIA	102	<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate tab 100-150 mg</i>	31
<i>droxidopa</i>	60	<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate tab 133-200 mg</i>	31
DULERA AER 100-5MCG	120	<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate tab 167-250 mg</i>	32
DULERA AER 200-5MCG	120		
DULERA AER 50-5MCG.....	120		



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate tab 200-300 mg</i>	32	ERIVEDGE.....	43
EMTRIVA.....	30	ERLEADA	39
EMVERM	27	<i>erlotinib hcl</i>	43
<i>emzahh</i>	87	<i>errin</i>	87
<i>enalapril maleate</i>	52	<i>ertapenem sodium</i>	27
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide tab 10-25 mg</i>	52	<i>ery</i>	121
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide tab 5-12.5 mg</i>	52	ERYTHROCIN LACTOBIONATE	35
ENBREL	103	<i>erythromycin (acne aid)</i>	121
ENBREL MINI.....	103	<i>erythromycin (ophth)</i>	113
ENBREL SURECLICK	103	<i>erythromycin base</i>	35
<i>endocet tab 10-325mg</i>	25	<i>erythromycin ethylsuccinate</i>	35
<i>endocet tab 2.5-325mg</i>	25	<i>erythromycin lactobionate</i>	35
<i>endocet tab 5-325mg</i>	25	ERZOFRI.....	67
<i>endocet tab 7.5-325mg</i>	25	<i>escitalopram oxalate</i>	63
ENGERIX-B	108	<i>eslicarbazepine acetate</i>	72
<i>enilloring</i>	87	<i>esomeprazole magnesium</i>	99
<i>enoxaparin sodium</i>	101	<i>estarylla</i>	87
ENSACOVE.....	43	<i>estradiol</i>	92
<i>enskyce</i>	87	<i>estradiol & norethindrone acetate tab 0.5-0.1 mg</i>	92
ENSTILAR AER.....	122	<i>estradiol & norethindrone acetate tab 1-0.5 mg</i>	92
<i>entacapone</i>	66	<i>estradiol vaginal</i>	92
<i>entecavir</i>	32	<i>estradiol valerate</i>	92
ENTRESTO CAP 15-16MG	54	<i>ethambutol hcl</i>	32
ENTRESTO CAP 6-6MG.....	54	<i>ethosuximide</i>	72
<i>enulose</i>	98	<i>ethynodiol diacetate & ethinyl estradiol tab 1 mg-50 mcg</i>	88
EPCLUSA PAK 150-37.5	33	<i>etodolac</i>	24
EPCLUSA PAK 200-50MG.....	33	<i>etonogestrel-ethinyl estradiol va ring 0.12-0.015 mg/24hr</i>	88
EPCLUSA TAB 200-50MG.....	33	<i>etoposide</i>	41
EPCLUSA TAB 400-100	33	<i>etravirine</i>	30
EPIDIOLEX	72	EUCRISA.....	124
<i>epinephrine (anaphylaxis)</i>	60, 117	EULEXIN	39
<i>eplerenone</i>	53	<i>everolimus</i>	43
<i>ergotamine w/ caffeine tab 1-100 mg</i>	78	<i>everolimus (immunosuppressant)</i>	107
		EVOTAZ TAB 300-150.....	32
		<i>exemestane</i>	39



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

EXXUA.....	64	FIASP FLEXTOUCH	84
EXXUA TITRATION PACK	64	FIASP PENFILL.....	84
EYSUVIS.....	114	FIASP PUMPCART	84
EZALLOR SPRINKLE.....	56	<i>fidaxomicin</i>	35
<i>ezetimibe</i>	56	<i>finasteride</i>	100
<i>ezetimibe-simvastatin tab 10-10 mg</i>	56	<i>ingolimod hcl</i>	79
<i>ezetimibe-simvastatin tab 10-20 mg</i>	56	FINTEPLA.....	72
<i>ezetimibe-simvastatin tab 10-40 mg</i>	56	<i>finzala</i>	88
<i>ezetimibe-simvastatin tab 10-80 mg</i>	57	FIRMAGON.....	39
F		<i>flac</i>	115
FABRAZYME	94	FLEBOGAMMA DIF.....	106
<i>falmina</i>	88	<i>flecainide acetate</i>	55
<i>famciclovir</i>	33	<i>fluconazole</i>	29
<i>famotidine</i>	97	<i>fluconazole in nacl 0.9% inj 200</i> <i>mg/100ml</i>	29
<i>famotidine in nacl 0.9% iv soln 20</i> <i>mg/50ml</i>	97	<i>fluconazole in nacl 0.9% inj 400</i> <i>mg/200ml</i>	29
FANAPT	67	<i>flucytosine</i>	29
FANAPT PAK PACK A.....	67	<i>fludrocortisone acetate</i>	93
FANAPT PAK PACK B.....	67	<i>flunisolide (nasal)</i>	119
FANAPT PAK PACK C.....	67	<i>fluocinolone acetonide</i>	123
FARXIGA.....	82	<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	115
FASENRA	117	<i>fluocinonide</i>	123
FASENRA PEN.....	117	<i>fluocinonide emulsified base</i>	123
<i>febuxostat</i>	24	<i>fluorometholone (ophth)</i>	113
<i>feirza 1.5/30</i>	88	<i>fluorouracil</i>	38
<i>feirza 1/20</i>	88	<i>fluorouracil (topical)</i>	124
<i>felbamate</i>	72	<i>fluoxetine hcl</i>	64
<i>felodipine</i>	58	<i>fluphenazine decanoate</i>	67
<i>fenofibrate</i>	56	<i>fluphenazine hcl</i>	68
<i>fenofibrate micronized</i>	56	<i>flurbiprofen</i>	24
<i>fentanyl</i>	25	<i>flurbiprofen sodium</i>	113
<i>fesoterodine fumarate</i>	100	<i>fluticasone propionate</i>	123
FETZIMA.....	64	<i>fluticasone propionate (nasal)</i>	119
FETZIMA CAP TITRATIO	64	<i>fluticasone-salmeterol aer powder ba</i> <i>100-50 mcg/act</i>	120
FIASP	84	<i>fluticasone-salmeterol aer powder ba</i> <i>250-50 mcg/act</i>	120



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

<i>fluticasone-salmeterol aer powder ba</i>	GAMMAGARD S/D IGA LESS TH...	106
500-50 mcg/act	GAMMAKED.....	106
<i>fluvastatin sodium</i>	GAMMAPLEX.....	106
<i>fluvoxamine maleate</i>	GAMUNEX-C	106
<i>fondaparinux sodium</i>	<i>ganciclovir sodium</i>	33
<i>formoterol fumarate</i>	GARDASIL 9	108
<i>fosamprenavir calcium</i>	<i>gatifloxacin (ophth)</i>	113
<i>fosfomycin tromethamine</i>	GATTEX	98
<i>fosinopril sodium</i>	GAUZE PADS 2	84
<i>fosinopril sodium &</i>	<i>gavilyte-c</i>	98
<i>hydrochlorothiazide tab 10-12.5</i>	<i>gavilyte-g</i>	98
mg	<i>gavilyte-n/flavor pack</i>	98
<i>fosinopril sodium &</i>	GAVRETO.....	43
<i>hydrochlorothiazide tab 20-12.5</i>	<i>gefitinib</i>	43
mg	<i>gemcitabine hcl</i>	38
FOTIVDA.....	<i>gemfibrozil</i>	56
FREESTYLE LB KIT 14D/SEN	GEMTESA.....	100
FREESTYLE LB KIT 2/SENSOR	<i>generlac</i>	98
FREESTYLE LB KIT 3/SENSOR	<i>gengraf</i>	107
FREESTYLE LB MIS 2/READER....	GENOTROPIN	94
FREESTYLE LB MIS 3/READER....	GENOTROPIN MINIQUICK.....	94
FREESTYLE MIS READER	<i>gentamicin in saline inj 0.8 mg/ml</i>	27
FRINDOVYX.....	<i>gentamicin in saline inj 1 mg/ml ..</i>	27
FRUZAQLA	<i>gentamicin in saline inj 1.2 mg/ml</i>	27
FULPHILA.....	<i>gentamicin in saline inj 1.6 mg/ml</i>	27
<i>fulvestrant</i>	<i>gentamicin in saline inj 2 mg/ml ..</i>	27
<i>furosemide</i>	<i>gentamicin sulfate</i>	27
<i>furosemide inj</i>	<i>gentamicin sulfate (ophth)</i>	113
<i>fyavolv tab 0.5mg-2.5mcg</i>	<i>gentamicin sulfate (topical)</i>	121
<i>fyavolv tab 1mg-5mcg</i>	GENVOYA TAB	32
FYCOMPA	GILOTRIF.....	44
G	<i>glatiramer acetate</i>	79
<i>gabapentin</i>	<i>glatopa</i>	79
<i>galantamine hydrobromide</i>	GLEOSTINE	38
<i>galbriela</i>	<i>glimepiride</i>	82
<i>gallifrey</i>	<i>glipizide</i>	82
GAMASTAN INJ	<i>glipizide-metformin hcl tab 2.5-250</i>	
GAMMAGARD LIQUID.....	mg	82
GAMMAGARD LIQUID ERC		



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

<i>glipizide-metformin hcl tab 2.5-500 mg</i>	82	HUMIRA PEN-CD/UC/HS START...	104
<i>glipizide-metformin hcl tab 5-500 mg</i>	82	HUMULIN R U-500 (CONCENTR....	84
<i>glycopyrrolate</i>	97	HUMULIN R U-500 KWIKPEN.....	84
<i>glydo</i>	123	<i>hydalazine hcl</i>	60
GLYXAMBI TAB 10-5 MG	82	<i>hydrochlorothiazide</i>	59
GLYXAMBI TAB 25-5 MG	82	<i>hydrocodone bitartrate</i>	25
GOMEKLI	44	<i>hydrocodone-acetaminophen soln</i>	
<i>granisetron hcl</i>	96	7.5-325 mg/15ml.....	25
<i>griseofulvin microsize</i>	29	<i>hydrocodone-acetaminophen tab 10-</i>	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	29	325 mg.....	26
<i>guanfacine hcl</i>	60	<i>hydrocodone-acetaminophen tab 5-</i>	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	76	325 mg.....	25
H		<i>hydrocodone-acetaminophen tab</i>	
HADLIMA	103	7.5-325 mg.....	25
HADLIMA PUSH TOUCH.....	103	<i>hydrocodone-ibuprofen tab 7.5-200</i>	
HAEGARDA.....	102	mg.....	26
<i>hailey 1.5/30</i>	88	<i>hydrocortisone</i>	93
<i>hailey 24 fe</i>	88	<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	97
<i>hailey fe 1/20</i>	88	<i>hydrocortisone (rectal)</i>	124
<i>halobetasol propionate</i>	123	<i>hydrocortisone (topical)</i>	123
<i>haloperidol</i>	68	<i>hydrocortisone sod succinate</i>	93
<i>haloperidol decanoate</i>	68	<i>hydrocortisone valerate</i>	123
<i>haloperidol lactate</i>	68	<i>hydrocortisone w/ acetic acid otic</i>	
HAVRIX	108	soln 1-2%	115
<i>heather</i>	88	<i>hydromorphone hcl</i>	26
HEP SOD/NACL INJ 25000UNT ...	101	<i>hydroxychloroquine sulfate</i>	106
<i>heparin sodium (porcine)</i>	101	<i>hydroxyurea</i>	40
HEPLISAV-B	108	<i>hydroxyzine hcl</i>	116
HERCEP HYLEC SOL 60-10000	44	<i>hydroxyzine pamoate</i>	116
HERCEPTIN	44	HYRNUO	44
HERCESSI	44	I	
HERNEXEOS	44	<i>ibandronate sodium</i>	85
HERZUMA	44	IBRANCE	44
HIBERIX	108	IBTROZI	44
HUMIRA	103	<i>ibu</i>	24
HUMIRA PEN	104	<i>ibuprofen</i>	24
HUMIRA PEN KIT PS/UV	104	<i>icatibant acetate</i>	102
		<i>iclevia</i>	88
		ICLUSIG	44



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

IDHIFA	44	<i>irbesartan</i>	55
<i>imatinib mesylate</i>	44	<i>irbesartan-hydrochlorothiazide tab</i>	
IMBRUVICA	44	150-12.5 mg	54
<i>imipenem-cilastatin intravenous for</i>		<i>irbesartan-hydrochlorothiazide tab</i>	
<i>soln 250 mg</i>	27	300-12.5 mg	54
<i>imipenem-cilastatin intravenous for</i>		<i>irinotecan hcl</i>	40
<i>soln 500 mg</i>	27	ISENTRESS	30
<i>imipramine hcl</i>	64	ISENTRESS HD	30
<i>imiquimod</i>	124	<i>isibloom</i>	88
IMKELDI	45	ISOLYTE-P INJ /D5W	110
IMOVAX RABIES (H.D.C.V.)	108	ISOLYTE-S INJ PH 7.4.....	110
IMPAVIDO	27	<i>isoniazid</i>	32
INBRIJA	66	<i>isosorbide dinitrate</i>	61
<i>incassia</i>	88	<i>isosorbide mononitrate</i>	61
INCRELEX	94	<i>isotretinoin</i>	121
INCRUSE ELLIPTA	115	<i>isradipine</i>	58
<i>indapamide</i>	59	ITOVEBI	45
INFANRIX INJ	108	<i>itraconazole</i>	29
INFLIXIMAB.....	104	<i>ivabradine hcl</i>	60
INLURIYO	39	<i>ivermectin</i>	27
INLYTA	45	IWILFIN.....	40
INQOVI TAB 35-100MG	38	IXIARO INJ	108
INREBIC	45	J	
INSULIN PEN NEEDLES: EMBECTA-		<i>jaimiess</i>	88
BD	84	JAKAFI	45
INSULIN SAFETY NEEDLES:		<i>jantoven</i>	101
EMBECTA-BD	84	JANUMET TAB 50-1000	82
INSULIN SYRINGES: EMBECTA-BD	84	JANUMET TAB 50-500MG	82
INTELENCE	30	JANUMET XR TAB 100-1000.....	82
INTRALIPID.....	112	JANUMET XR TAB 50-1000	82
<i>introvale</i>	88	JANUMET XR TAB 50-500MG.....	82
INVEGA HAFYERA.....	68	JANUVIA.....	82
INVEGA SUSTENNA	68	JARDIANCE	82
INVEGA TRINZA.....	68	<i>jasmiel</i>	88
IPOL INJ INACTIVE.....	108	<i>javygtor</i>	94
<i>ipratropium bromide</i>	115	JAYPIRCA.....	45
<i>ipratropium bromide (nasal)</i>	115	<i>jencycla</i>	88
<i>ipratropium-albuterol nebu soln 0.5-</i>		JENTADUETO TAB 2.5-1000.....	82
2.5(3) mg/3ml.....	115	JENTADUETO TAB 2.5-500	82



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

JENTADUETO TAB 2.5-850	82	<i>kcl 40 meq/l (0.3%) in dextrose 5% & nacl 0.45% inj</i>	110
JENTADUETO TAB XR 2.5-1000MG	82	<i>kcl 40 meq/l (0.3%) in dextrose 5% & nacl 0.9% inj</i>	110
JENTADUETO TAB XR 5-1000MG ..	82	<i>kcl 40 meq/l (0.3%) in nacl 0.9% inj</i>	110
<i>jinteli</i>	92	KCL/D5W/NACL INJ 0.15/0.2	110
<i>jolessa</i>	88	KCL/D5W/NACL INJ 0.3/0.9%.....	110
<i>juleber</i>	88	<i>kelnor 1/35</i>	88
JULUCA TAB 50-25MG	32	KERENDIA.....	53
<i>junel 1.5/30</i>	88	KESIMPTA.....	79
<i>junel 1/20</i>	88	<i>ketoconazole</i>	29
<i>junel fe 1.5/30</i>	88	<i>ketoconazole (topical)</i>	121
<i>junel fe 1/20</i>	88	<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i> ..	113
<i>junel fe 24</i>	88	KEYTRUDA	45
JYLAMVO	106	KEYTRUDA INJ QLEX 395-4800 MG-UNIT/2.4ML.....	45
JYNNEOS	108	KEYTRUDA INJ QLEX 790-9600 MG-UNIT/4.8ML.....	45
K		KINERET.....	104
KADCYLA	45	KINRIX INJ.....	108
<i>kaitlib fe</i>	88	<i>kionex</i>	86
KALETRA SOL	32	KISQALI 200 DOSE	45
KALYDECO	117	KISQALI 400 DOSE	45
KANJINTI	45	KISQALI 400 PAK FEMARA.....	45
<i>kariva</i>	88	KISQALI 600 DOSE	45
<i>kcl 10 meq/l (0.075%) in dextrose 5% & nacl 0.45% inj</i>	110	KISQALI 600 PAK FEMARA.....	45
<i>kcl 20 meq/l (0.149%) in nacl 0.45% inj</i>	110	<i>klayesta</i>	121
<i>kcl 20 meq/l (0.149%) in nacl 0.9% inj</i>	110	<i>klor-con</i>	111
<i>kcl 20 meq/l (0.15%) in dextrose 5% & nacl 0.45% inj</i>	110	<i>klor-con 10</i>	111
<i>kcl 20 meq/l (0.15%) in dextrose 5% & nacl 0.9% inj</i>	110	KLOR-CON 10.....	111
<i>kcl 20 meq/l (0.15%) in nacl 0.45% inj</i>	110	KLOR-CON 8	111
<i>kcl 20 meq/l (0.15%) in nacl 0.9% inj</i>	110	<i>klor-con m10</i>	111
<i>kcl 30 meq/l (0.224%) in dextrose 5% & nacl 0.45% inj</i>	110	<i>klor-con m15</i>	111
<i>kcl 40 meq/l (0.298%) in nacl 0.9% inj</i>	110	<i>klor-con m20</i>	111
		KLOXXADO.....	81
		KOMZIFTI	45
		KOSELUGO.....	46
		<i>kourzeq</i>	125



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

KRAZATI.....	46	<i>letrozole</i>	39
<i>kurvelo</i>	88	<i>leucovorin calcium</i>	40
L		LEUKERAN	38
<i>labetalol hcl</i>	57	<i>leuprolide acetate</i>	39
<i>lacosamide</i>	72	<i>levabuterol hcl</i>	117
<i>lacosamide oral</i>	72	<i>levabuterol tartrate</i>	117
LACTATED RIN INJ	110	<i>levetiracetam</i>	72, 73
<i>lactated ringer's solution</i>	110	<i>levetiracetam in sodium chloride iv</i>	
<i>lactic acid (ammonium lactate)</i> ..	124	<i>soln 1000 mg/100ml</i>	73
<i>lactulose</i>	98	<i>levetiracetam in sodium chloride iv</i>	
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	98	<i>soln 1500 mg/100ml</i>	73
<i>lamivudine</i>	30	<i>levetiracetam in sodium chloride iv</i>	
<i>lamivudine (hbv)</i>	33	<i>soln 500 mg/100ml</i>	73
<i>lamivudine-zidovudine tab 150-300</i>		<i>levobunolol hcl</i>	114
<i>mg</i>	32	<i>levocarnitine (metabolic modifiers)</i>	94
<i>lamotrigine</i>	72	<i>levocetirizine dihydrochloride</i>	116
<i>lanreotide acetate</i>	94	<i>levofloxacin</i>	35
<i>lansoprazole</i>	99	<i>levofloxacin in d5w iv soln 250</i>	
LANTUS	84	<i>mg/50ml</i>	35
LANTUS SOLOSTAR	84	<i>levofloxacin in d5w iv soln 500</i>	
<i>lapatinib ditosylate</i>	46	<i>mg/100ml</i>	35
<i>larin 1.5/30</i>	88	<i>levofloxacin in d5w iv soln 750</i>	
<i>larin 1/20</i>	88	<i>mg/150ml</i>	35
<i>larin 24 fe</i>	88	<i>levonest</i>	89
<i>larin fe 1.5/30</i>	88	<i>levonor-eth est tab 0.15-</i>	
<i>larin fe 1/20</i>	88	<i>0.02/0.025/0.03 mg &eth est 0.01</i>	
<i>latanoprost</i>	114	<i>mg</i>	89
LAZCLUZE.....	46	<i>levonorgestrel & ethinyl estradiol</i>	
<i>leflunomide</i>	106	<i>(91-day) tab 0.15-0.03 mg</i>	89
<i>lenalidomide</i>	40	<i>levonorgestrel & ethinyl estradiol tab</i>	
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE.....	46	<i>0.1 mg-20 mcg</i>	89
LENVIMA 12MG DAILY DOSE.....	46	<i>levonorgestrel-eth estra tab 0.05-</i>	
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE.....	46	<i>30/0.075-40/0.125-30mg-mcg</i> .	89
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	46	<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol</i>	
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	46	<i>(continuous) tab 90-20 mcg</i>	89
LENVIMA CAP 14 MG	46	<i>levonorg-eth est tab 0.1-0.02mg(84)</i>	
LENVIMA CAP 18 MG	46	<i>& eth est tab 0.01mg(7)</i>	89
LENVIMA CAP 24 MG	46	<i>levora 0.15/30-28</i>	89
<i>lessina</i>	89	<i>levo-t</i>	95



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

<i>levothyroxine sodium</i>	95	<i>lorazepam</i>	62
<i>levoxyl</i>	96	<i>lorazepam intensol</i>	62
<i>l-glutamine (sickle cell)</i>	102	LORBRENA.....	46
<i>lidocaine</i>	123	<i>loryna</i>	89
<i>lidocaine hcl</i>	123	<i>losartan potassium</i>	55
<i>lidocaine hcl (local anesth.)</i>	24	<i>losartan potassium &</i>	
<i>lidocaine hcl (mouth-throat)</i>	125	<i>hydrochlorothiazide tab 100-12.5</i>	
<i>lidocaine-prilocaine cream 2.5-2.5%</i>		<i>mg</i>	54
.....	124	<i>losartan potassium &</i>	
<i>lidocan</i>	124	<i>hydrochlorothiazide tab 100-25 mg</i>	
LILETTA.....	89	54
<i>linezolid</i>	27	<i>losartan potassium &</i>	
LINEZOLID INJ 2MG/ML	27	<i>hydrochlorothiazide tab 50-12.5</i>	
LINZESS.....	98	<i>mg</i>	54
<i>liomny</i>	96	LOTEMAX.....	113
<i>liothyronine sodium</i>	96	<i>loteprednol etabonate-tobramycin</i>	
<i>lisdexamfetamine dimesylate</i> ..	76, 77	<i>ophth susp 0.5-0.3%</i>	112
<i>lisinopril</i>	53	<i>lovastatin</i>	56
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide tab</i>		<i>low-ogestrel</i>	89
<i>10-12.5 mg</i>	52	<i>loxapine succinate</i>	68
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide tab</i>		<i>luizza 1.5/30</i>	89
<i>20-12.5 mg</i>	52	<i>luizza 1/20</i>	89
<i>lisinopril & hydrochlorothiazide tab</i>		LUMAKRAS.....	46, 47
<i>20-25 mg</i>	52	LUMIGAN	114
<i>lithium</i>	79	LUMIZYME	94
<i>lithium carbonate</i>	79	LUPRON DEPOT (1-MONTH).....	39
LIVTENCITY.....	33	LUPRON DEPOT (3-MONTH).....	39
<i>loestrin 1.5/30-21</i>	89	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH ...	94
<i>loestrin 1/20-21</i>	89	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH ...	94
<i>loestrin fe 1.5/30</i>	89	LUPRON DEPOT-PED (6-MONTH ...	94
<i>loestrin fe 1/20</i>	89	<i>lurasidone hcl</i>	68
<i>lojaimiess</i>	89	<i>lutra</i>	89
LOKELMA	86	LYBALVI TAB 10-10MG	68
<i>lomustine</i>	38	LYBALVI TAB 15-10MG	68
LONSURF TAB 15-6.14.....	38	LYBALVI TAB 20-10MG	68
LONSURF TAB 20-8.19.....	38	LYBALVI TAB 5-10MG	68
<i>loperamide hcl</i>	98	<i>lyleq</i>	89
<i>lopinavir-ritonavir tab 100-25 mg</i> . 32		<i>lyllana</i>	92
<i>lopinavir-ritonavir tab 200-50 mg</i> . 32		LYNPARZA.....	47



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

LYSODREN	39	<i>mercaptapurine</i>	38
LYTGOBI (12 MG DAILY DOSE)	47	<i>meropenem</i>	27
LYTGOBI (16 MG DAILY DOSE)	47	<i>mesalamine</i>	97, 98
LYTGOBI (20 MG DAILY DOSE)	47	<i>mesalamine w/ cleanser</i>	98
<i>lyza</i>	89	<i>mesna</i>	40
M		<i>metformin hcl</i>	82, 83
<i>magnesium sulfate</i>	110	<i>methadone hcl</i>	25
MAGNESIUM SULFATE	110	<i>methadone hydrochloride i</i>	25
<i>magnesium sulfate in dextrose 5% iv</i> <i>soln 1 gm/100ml</i>	110	<i>methazolamide</i>	59
<i>malathion</i>	125	<i>methenamine hippurate</i>	27
<i>maraviroc</i>	30	<i>methimazole</i>	96
<i>marlissa</i>	89	<i>methocarbamol</i>	80
MARPLAN	64	<i>methotrexate sodium</i>	38, 106
MATULANE	40	<i>methoxsalen rapid</i>	122
<i>matzim la</i>	58	<i>methsuximide</i>	73
MAVYRET PAK 50-20MG	33	<i>methylphenidate hcl</i>	77
MAVYRET TAB 100-40MG	33	<i>methylprednisolone</i>	93
<i>meclizine hcl</i>	96	<i>methylprednisolone acetate</i>	93
<i>medroxyprogesterone acetate</i>	95	<i>methylprednisolone sod succ</i>	93
<i>medroxyprogesterone acetate</i> <i>(contraceptive)</i>	89	<i>metoclopramide hcl</i>	96
<i>mefloquine hcl</i>	30	<i>metolazone</i>	59
<i>megestrol acetate</i>	39, 95	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide tab</i> <i>100-25 mg</i>	57
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	95	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide tab</i> <i>100-50 mg</i>	57
MEKINIST	47	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide tab</i> <i>50-25 mg</i>	57
MEKTOVI	47	<i>metoprolol succinate</i>	57
<i>meleya</i>	89	<i>metoprolol tartrate</i>	57
<i>meloxicam</i>	24	<i>metronidazole</i>	28
<i>memantine hcl</i>	62	<i>metronidazole (topical)</i>	124
<i>memantine hcl-donepezil hcl cap er</i> <i>24hr 14-10 mg</i>	62	<i>metronidazole vaginal</i>	100
<i>memantine hcl-donepezil hcl cap er</i> <i>24hr 21-10 mg</i>	63	<i>metyrosine</i>	60
<i>memantine hcl-donepezil hcl cap er</i> <i>24hr 28-10 mg</i>	63	<i>mibelas 24 fe</i>	89
MENQUADFI	108	<i>micafungin sodium</i>	29
MENVEO INJ	108	<i>microgestin 1.5/30</i>	89
MENVEO SOL.....	108	<i>microgestin 1/20</i>	89
		<i>microgestin fe 1.5/30</i>	89
		<i>microgestin fe 1/20</i>	89



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

<i>midodrine hcl</i>	60	<i>naloxone hcl</i>	81
MIEBO.....	114	<i>naltrexone hcl</i>	81
<i>mifepristone (hyperglycemia)</i>	94	NAMZARIC CAP 7-10MG.....	63
<i>mili</i>	90	<i>naproxen</i>	24
<i>mimvey</i>	92	<i>naproxen sodium</i>	24
<i>minocycline hcl</i>	37	<i>naratriptan hcl</i>	78
<i>minoxidil</i>	60	NATACYN.....	113
<i>mirtazapine</i>	64	<i>nateglinide</i>	83
<i>misoprostol</i>	99	NAYZILAM.....	73
M-M-R II INJ	108	<i>nebivolol hcl</i>	58
M-NATAL PLUS TAB	111	<i>necon 0.5/35-28</i>	90
<i>modafinil</i>	80	<i>nefazodone hcl</i>	64
MODEYSO	41	<i>neomycin sulfate</i>	28
<i>moexipril hcl</i>	53	<i>neomycin-bacitrac zn-polymyx</i> <i>5(3.5)mg-400unt-10000unt op oin</i>	113
<i>molindone hcl</i>	68	<i>neomycin-polymy-gramicid op sol</i> <i>1.75-10000-0.025mg-unt-mg/ml</i>	113
<i>mometasone furoate</i>	123	<i>neomycin-polymyxin-dexamethasone</i> <i>ophth oint 0.1%</i>	112
<i>mometasone furoate (nasal)</i>	119	<i>neomycin-polymyxin-dexamethasone</i> <i>ophth susp 0.1%</i>	112
MONJUVI	47	<i>neomycin-polymyxin-hc ophth susp</i>	112
<i>mono-linyah</i>	90	<i>neomycin-polymyxin-hc otic soln 1%</i>	115
<i>montelukast sodium</i>	117	<i>neomycin-polymyxin-hc otic susp 3.5</i> <i>mg/ml-10000 unit/ml-1%</i>	115
<i>morphine sulfate</i>	25, 26	NERLYNX	47
MOUNJARO	83	<i>neuac</i>	121
MOVANTIK	99	<i>nevirapine</i>	30
<i>moxifloxacin hcl</i>	35	NEXLETOL.....	57
<i>moxifloxacin hcl (ophth)</i>	113	NEXLIZET TAB 180/10MG.....	57
<i>moxifloxacin hcl 400 mg/250ml in</i> <i>sodium chloride 0.8% inj</i>	35	NEXPLANON	90
MRESVIA	108	<i>niacin (antihyperlipidemic)</i>	57
MULTAQ.....	55	<i>nicardipine hcl</i>	58
<i>multiple electrolytes ph 5.5</i>	110	NICOTROL NS.....	81
<i>mupirocin</i>	121	<i>nifedipine</i>	58
<i>mycophenolate mofetil</i>	107		
<i>mycophenolate sodium</i>	107		
MYRBETRIQ.....	100		
N			
<i>nabumetone</i>	24		
<i>nadolol</i>	57		
<i>nafcillin sodium</i>	36		
NAGLAZYME	94		



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

<i>nikki</i>	90	<i>norlyroc</i>	90
<i>nilotinib hcl</i>	47	<i>nortrel 0.5/35 (28)</i>	90
<i>nilutamide</i>	39	<i>nortrel 1/35 (21)</i>	90
<i>nimodipine</i>	58	<i>nortrel 1/35 (28)</i>	90
NINLARO	47	<i>nortrel 7/7/7</i>	90
<i>nisoldipine</i>	58	<i>nortriptyline hcl</i>	64
<i>nitazoxanide</i>	28	NORVIR.....	30
<i>nitisinone</i>	94	NOVOLIN INJ 70/30	84
NITRO-BID.....	61	NOVOLIN INJ 70/30 FP	84
<i>nitrofurantoin macrocrystal</i>	28	NOVOLIN N	84
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	28	NOVOLIN N FLEXPEN	84
<i>nitroglycerin</i>	61	NOVOLIN R	84
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	124	NOVOLIN R FLEXPEN	84
<i>nizatidine</i>	97	NOVOLOG	84
<i>nora-be</i>	90	NOVOLOG FLEXPEN	84
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol td</i> <i>ptwk 150-35 mcg/24hr</i>	90	NOVOLOG FLEXPEN RELION	84
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	90	NOVOLOG MIX INJ 70/30	84
<i>norethindrone ace & ethinyl estradiol</i> <i>tab 1 mg-20 mcg</i>	90	NOVOLOG MIX INJ FLEXPEN	84
<i>norethindrone ace & ethinyl estradiol</i> <i>tab 1.5 mg-30 mcg</i>	90	NOVOLOG PENFILL.....	84
<i>norethindrone ace & ethinyl</i> <i>estradiol-fe tab 1 mg-20 mcg</i>	90	NOVOLOG RELION	85
<i>norethindrone ace-eth estradiol-fe</i> <i>chew tab 1 mg-20 mcg (24)</i>	90	NUBEQA	39
<i>norethindrone acetate</i>	95	NUDEXTA CAP 20-10MG	79
<i>norethindrone acetate-ethinyl</i> <i>estradiol tab 0.5 mg-2.5 mcg</i>	92	NULOJIX.....	107
<i>norethindrone acetate-ethinyl</i> <i>estradiol tab 1 mg-5 mcg</i>	92	NUPLAZID.....	68
<i>norethindrone ac-ethinyl estrad-fe</i> <i>tab 1-20/1-30/1-35 mg-mcg</i>	90	NURTEC.....	78
<i>norgestimate & ethinyl estradiol tab</i> <i>0.25 mg-35 mcg</i>	90	NUTRILIPID.....	112
<i>norgestimate-eth estrad tab 0.18-</i> <i>25/0.215-25/0.25-25 mg-mcg</i> ..	90	NUZYRA.....	37
<i>norgestimate-eth estrad tab 0.18-</i> <i>35/0.215-35/0.25-35 mg-mcg</i> ..	90	<i>nyamyc</i>	121
		<i>nylia 1/35</i>	90
		<i>nylia 7/7/7</i>	90
		<i>nystatin</i>	29
		<i>nystatin (mouth-throat)</i>	125
		<i>nystatin (topical)</i>	121
		<i>nystop</i>	121
		O	
		OCTAGAM	107
		<i>octreotide acetate</i>	94
		ODEFSEY TAB.....	32
		ODOMZO	47



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

OFEV.....	118	OMNIPOD 5 L2 KIT INTRO G6.....	85
<i>ofloxacin (ophth)</i>	113	OMNIPOD 5 L2 MIS PODS G6.....	85
<i>ofloxacin (otic)</i>	115	OMNIPOD DASH KIT INTRO.....	85
OGIVRI.....	47	OMNIPOD DASH MIS PODS	85
OGSIVEO	47	<i>ondansetron</i>	96
OJEMDA.....	47	<i>ondansetron hcl</i>	96, 97
OJJAARA.....	48	ONTRUZANT.....	48
<i>olanzapine</i>	68, 69	ONUREG	38
<i>olmesartan medoxomil</i>	55	OPIPZA.....	69
<i>olmesartan medoxomil-</i> <i>hydrochlorothiazide tab 20-12.5</i> <i>mg</i>	54	OPSUMIT	61
<i>olmesartan medoxomil-</i> <i>hydrochlorothiazide tab 40-12.5</i> <i>mg</i>	54	ORGOVYX	39
<i>olmesartan medoxomil-</i> <i>hydrochlorothiazide tab 40-25 mg</i>	54	ORKAMBI GRA 100-125	118
<i>olmesartan-amlodipine-</i> <i>hydrochlorothiazide tab 20-5-12.5</i> <i>mg</i>	54	ORKAMBI GRA 150-188	118
<i>olmesartan-amlodipine-</i> <i>hydrochlorothiazide tab 40-10-12.5</i> <i>mg</i>	54	ORKAMBI GRA 75-94MG	118
<i>olmesartan-amlodipine-</i> <i>hydrochlorothiazide tab 40-10-25</i> <i>mg</i>	54	ORKAMBI TAB 100-125.....	118
<i>olmesartan-amlodipine-</i> <i>hydrochlorothiazide tab 40-5-12.5</i> <i>mg</i>	54	ORKAMBI TAB 200-125.....	118
<i>olmesartan-amlodipine-</i> <i>hydrochlorothiazide tab 40-5-25</i> <i>mg</i>	54	<i>orquidea</i>	90
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	116	ORSERDU	39
<i>omega-3-acid ethyl esters cap 1 gm</i>	57	<i>oseltamivir phosphate</i>	33
<i>omeprazole</i>	99	OSPOMYV	85
OMNIPOD 5 DX KIT INT G7G6.....	85	<i>oxacillin sodium</i>	36
OMNIPOD 5 DX MIS POD G7G6	85	<i>oxaliplatin</i>	38
		<i>oxaprozin</i>	24
		<i>oxcarbazepine</i>	73
		<i>oxybutynin chloride</i>	100
		<i>oxycodone hcl</i>	26
		<i>oxycodone w/ acetaminophen tab</i> <i>10-325 mg</i>	26
		<i>oxycodone w/ acetaminophen tab</i> <i>2.5-325 mg</i>	26
		<i>oxycodone w/ acetaminophen tab 5-</i> <i>325 mg</i>	26
		<i>oxycodone w/ acetaminophen tab</i> <i>7.5-325 mg</i>	26
		OXYCONTIN	25
		OZEMPIC (0.25 OR 0.5MG/DOSE). 83	
		OZEMPIC (1MG/DOSE)	83
		OZEMPIC (2MG/DOSE)	83



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

P	
<i>pacerone</i>	55
<i>paclitaxel</i>	41
<i>paclitaxel inj 100mg</i>	41
<i>paliperidone</i>	69
<i>pamidronate disodium</i>	85
PAMIDRONATE DISODIUM.....	85
PANRETIN	124
<i>pantoprazole sodium</i>	99
PANZYGA	107
<i>paricalcitol</i>	96
<i>paroxetine hcl</i>	64
PAXLOVID PAK	33
PAXLOVID TAB 150-100.....	33
PAXLOVID TAB 300-100.....	33
<i>pazopanib hcl</i>	48
PEDIARIX INJ 0.5ML.....	108
PEDVAX HIB	108
<i>peg 3350-kcl-na bicarb-nacl-na sulfate for soln 236 gm</i>	98
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-nacl for soln 420 gm</i>	98
PEGASYS	33
PEMAZYRE	48
<i>pemetrexed disodium</i>	38
PENBRAYA INJ.....	108
<i>penicillamine</i>	86
<i>penicillin g potassium</i>	36
<i>penicillin g sodium</i>	36
<i>penicillin v potassium</i>	36
PENMENVY INJ.....	108
PENTACEL INJ	108
<i>pentamidine isethionate inh</i>	28
<i>pentamidine isethionate inj</i>	28
<i>pentoxifylline</i>	102
<i>perampanel</i>	73
<i>perindopril erbumine</i>	53
<i>perio gard</i>	125
<i>permethrin</i>	125
<i>perphenazine</i>	69
<i>pfizerpen</i>	36
<i>phenelzine sulfate</i>	64
<i>phenobarbital</i>	73
<i>phenobarbital sodium</i>	73
<i>phenytek</i>	73
<i>phenytoin</i>	73
<i>phenytoin sodium</i>	73
<i>phenytoin sodium extended</i>	73
PHESGO SOL.....	48
<i>philith</i>	90
PIFELTRO.....	30
<i>pilocarpine hcl</i>	114
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	125
<i>pimecrolimus</i>	124
<i>pimozide</i>	69
<i>pimtrea</i>	90
<i>pindolol</i>	58
<i>pioglitazone hcl</i>	83
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl tab 15-500 mg</i>	83
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl tab 15-850 mg</i>	83
<i>piperacillin sod-tazobactam na for inj 3.375 gm (3-0.375 gm)</i>	36
<i>piperacillin sod-tazobactam sod for inj 13.5 gm (12-1.5 gm)</i>	36
<i>piperacillin sod-tazobactam sod for inj 2.25 gm (2-0.25 gm)</i>	36
<i>piperacillin sod-tazobactam sod for inj 4.5 gm (4-0.5 gm)</i>	36
<i>piperacillin sod-tazobactam sod for inj 40.5 gm (36-4.5 gm)</i>	36
PIQRAY 200MG DAILY DOSE.....	48
PIQRAY 250MG TAB DOSE.....	48
PIQRAY 300MG DAILY DOSE.....	48
<i>pirfenidone</i>	118
<i>piroxicam</i>	24
<i>pitavastatin calcium</i>	56



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

<i>plenamine</i>	112	PREZCOBIX TAB 800-150	32
PLENVU SOL	98	PREZISTA	30
<i>podofilox</i>	124	PRIFTIN	32
<i>polymyxin b sulfate</i>	28	<i>primaquine phosphate</i>	30
<i>polymyxin b-trimethoprim ophth soln</i> 10000 unit/ml-0.1%	113	PRIMAQUINE PHOSPHATE	30
POMALYST	40	<i>primidone</i>	74
<i>portia-28</i>	90	PRIORIX INJ	108
<i>posaconazole</i>	29	PRIVIGEN	107
POT CHL 20MEQ/L IN NAACL 0.45% INJ	110	<i>probenecid</i>	24
POT CHL 20MEQ/L IN NAACL 0.9% INJ	110	<i>prochlorperazine</i>	97
POT CHL 40MEQ/L IN NAACL 0.9% INJ	110	<i>prochlorperazine edisylate</i>	97
<i>potassium chloride</i>	111	<i>prochlorperazine maleate</i>	97
<i>potassium chloride 20 meq/l</i> (0.15%) in dextrose 5% inj	111	PROCRIT	102
<i>potassium chloride</i> <i>microencapsulated crystals er</i> .	111	<i>proctocort</i>	124
<i>potassium citrate (alkalinizer)</i>	100	<i>procto-med hc</i>	124
<i>pramipexole dihydrochloride</i>	66	<i>proctosol hc</i>	124
<i>prasugrel hcl</i>	103	<i>proctozone-hc</i>	124
<i>pravastatin sodium</i>	56	<i>progesterone</i>	95
<i>praziquantel</i>	28	PROGRAF	107
<i>prazosin hcl</i>	53	PROLASTIN-C	118
<i>prednisolone</i>	93	PROLIA	85
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	113	<i>promethazine hcl</i>	97
PREDNISOLONE SODIUM PHOSP	113	<i>propafenone hcl</i>	55
<i>prednisolone sodium phosphate</i> ...	93	<i>proparacaine hcl</i>	114
<i>prednisone</i>	93	<i>propranolol hcl</i>	58
PREDNISONE INTENSOL	93	<i>propylthiouracil</i>	96
<i>pregabalin</i>	73, 74	PROQUAD INJ	109
PREMASOL SOL 10%	112	PROSOL INJ 20%	112
PRENATAL TAB 27-1MG	111	<i>protriptyline hcl</i>	64
PRENATAL TAB PLUS	111	PULMOZYME	118
<i>prevalite</i>	57	<i>pyrazinamide</i>	32
PREVYMIS	33	<i>pyridostigmine bromide</i>	79
PREZCOBIX TAB 675/150	32	<i>pyrimethamine</i>	28
		PYZCHIVA	104
		Q	
		QINLOCK	48
		QUADRACEL INJ 0.5ML	109
		<i>quetiapine fumarate</i>	69
		<i>quinapril hcl</i>	53



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

<i>quinidine sulfate</i>	55	<i>risedronate sodium</i>	85
<i>quinine sulfate</i>	30	<i>risperidone</i>	69
QULIPTA	78	<i>risperidone microspheres</i>	69
R		<i>ritonavir</i>	31
RABAVERT INJ.....	109	<i>rivaroxaban</i>	101
<i>rabeprazole sodium</i>	99	<i>rivastigmine</i>	63
RALDESY	64	<i>rivastigmine tartrate</i>	63
<i>raloxifene hcl</i>	94	<i>rivelsa</i>	91
<i>ramelteon</i>	77	<i>rizatriptan benzoate</i>	78
<i>ramipril</i>	53	ROCKLATAN DRO	114
<i>ranolazine</i>	60	<i>roflumilast</i>	118
<i>rasagiline mesylate</i>	66	ROMVIMZA.....	48
<i>reclipsen</i>	90	<i>ropinirole hydrochloride</i>	66
RECOMBIVAX HB.....	109	<i>rosuvastatin calcium</i>	56
RELENZA DISKHALER	33	<i>rosyrah</i>	91
RELISTOR	99	ROTARIX SUS.....	109
REMICADE	104	ROTATEQ SOL	109
RENFLEXIS.....	104	<i>roweepra</i>	74
<i>repaglinide</i>	83	ROZLYTREK.....	48, 49
REPATHA	57	RUBRACA.....	49
REPATHA SURECLICK	57	<i>rufinamide</i>	74
RESTASIS	114	RUKOBIA	31
RESTASIS MULTIDOSE.....	114	RYBELSUS.....	83
RETEVMO.....	48	RYDAPT	49
REVCOVI	94	S	
REVUFORJ.....	48	<i>sacubitril-valsartan tab 24-26 mg</i> .	54
REXULTI	69	<i>sacubitril-valsartan tab 49-51 mg</i> .	54
REYATAZ	31	<i>sacubitril-valsartan tab 97-103 mg</i>	54
REZDIFFRA	95	<i>sajazir</i>	102
REZLIDHIA.....	48	SANTYL	125
REZUROCK.....	107	<i>sapropterin dihydrochloride</i>	95
RHOPRESSA	114	SCEMBLIX.....	49
<i>ribavirin (hepatitis c)</i>	33	<i>scopolamine</i>	97
<i>rifabutin</i>	32	SECUADO	70
<i>rifampin</i>	32	<i>selegiline hcl</i>	66
<i>riluzole</i>	79	<i>selenium sulfide</i>	122
<i>rimantadine hydrochloride</i>	33	SELZENTRY	31
RINVOQ.....	104	SEREVENT DISKUS.....	117
RINVOQ LQ	104	<i>sertraline hcl</i>	64



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

<i>setlakin</i>	91	<i>spironolactone</i>	53
<i>sharobel</i>	91	<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	
SHINGRIX	109	<i>tab 25-25 mg</i>	59
SIGNIFOR	95	<i>sprintec 28</i>	91
SIKLOS.....	102	SPRITAM.....	74
<i>sildenafil citrate (pulmonary</i>		<i>sps</i>	86
<i>hypertension)</i>	61	<i>sps rectal</i>	86
<i>silodosin</i>	100	<i>sronyx</i>	91
<i>silver sulfadiazine</i>	121	<i>ssd</i>	121
SIMBRINZA SUS 1-0.2%	114	STELARA.....	105
<i>simliya</i>	91	STIVARGA.....	49
<i>simpesse</i>	91	<i>streptomycin sulfate</i>	28
<i>simvastatin</i>	56	STRIBILD TAB	32
<i>sirolimus</i>	108	<i>subvenite</i>	74
SIRTURO	32	SUBVENITE	74
SKYRIZI.....	104	<i>sucralfate</i>	99
SKYRIZI PEN	104	<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	121
<i>sod sulfate-pot sulf-mg sulf oral sol</i>		<i>sulfacetamide sodium (ophth)</i>	113
<i>17.5-3.13-1.6 gm/177ml</i>	98	<i>sulfacetamide sodium-prednisolone</i>	
<i>sodium chloride</i>	111	<i>ophth soln 10-0.23(0.25)%</i>	112
<i>sodium chloride (gu irrigant)</i>	125	<i>sulfadiazine</i>	28
<i>sodium fluoride chew; tab; 1.1 (0.5</i>		<i>sulfamethoxazole-trimethoprim iv</i>	
<i>f) mg/ml soln</i>	111	<i>soln 400-80 mg/5ml</i>	28
<i>sodium oxybate</i>	80	<i>sulfamethoxazole-trimethoprim susp</i>	
<i>sodium phenylbutyrate</i>	95	<i>200-40 mg/5ml</i>	28
<i>sodium polystyrene sulfonate</i>	86	<i>sulfamethoxazole-trimethoprim tab</i>	
<i>sodium polystyrene sulfonate powder</i>		<i>400-80 mg</i>	28
.....	86	<i>sulfamethoxazole-trimethoprim tab</i>	
<i>solifenacin succinate</i>	100	<i>800-160 mg</i>	28
SOLQUA INJ 100/33	85	SULFAMYLON	121
SOLTAMOX.....	39	<i>sulfasalazine</i>	98
SOLU-CORTEF	93	<i>sulindac</i>	24
SOMATULINE DEPOT	95	<i>sumatriptan</i>	78
SOMAVERT.....	95	<i>sumatriptan succinate</i>	78
<i>sorafenib tosylate</i>	49	<i>sunitinib malate</i>	49
<i>sotalol hcl</i>	55	SUNLENCA.....	31
<i>sotalol hcl (afib/afl)</i>	55	<i>syeda</i>	91
SOTYKTU	105	SYMDEKO TAB 100-150	118
SPIRIVA RESPIMAT	115	SYMDEKO TAB 50-75MG	118



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

SYMPAZAN	74	<i>telmisartan-hydrochlorothiazide tab</i>	
SYMTUZA TAB	32	80-25 mg	55
SYNAREL	95	<i>temazepam</i>	77
SYNTHROID	96	TENIVAC INJ 5-2LF.....	109
T		<i>tenofovir disoproxil fumarate</i>	31
TABLOID.....	38	TEPMETKO	49
TABRECTA.....	49	<i>terazosin hcl</i>	53
<i>tacrolimus</i>	108	<i>terbinafine hcl</i>	29
<i>tacrolimus (topical)</i>	124	<i>terbutaline sulfate</i>	117
<i>tadalafil</i>	100	<i>terconazole vaginal</i>	101
<i>tadalafil (pulmonary hypertension)</i>	61	<i>teriparatide</i>	85
TAFINLAR	49	TERIPARATIDE.....	86
TAGRISO	49	<i>testosterone</i>	81
TALZENNA	49	<i>testosterone cypionate</i>	81
<i>tamoxifen citrate</i>	39	<i>testosterone enanthate</i>	82
<i>tamsulosin hcl</i>	100	<i>testosterone pump</i>	82
<i>tarina 24 fe</i>	91	<i>tetrabenazine</i>	79
<i>tarina fe 1/20 eq</i>	91	<i>tetracycline hcl</i>	37
<i>tasimelteon</i>	77	THALOMID	40
TAVNEOS.....	102	<i>theophylline</i>	118
<i>tazarotene</i>	122	<i>thioridazine hcl</i>	70
<i>tazicef</i>	34	<i>thiothixene</i>	70
TAZVERIK	49	<i>tiadylt er</i>	58
TECENTRIQ.....	49	<i>tiagabine hcl</i>	74
TECENTRIQ INJ HYBREZA.....	49	TIBSOVO	50
TEFLARO.....	34	<i>ticagrelor</i>	103
<i>telmisartan</i>	55	TICOVAC	109
<i>telmisartan-amlodipine tab 40-10 mg</i>		<i>tigecycline</i>	37
.....	54	<i>tilia fe</i>	91
<i>telmisartan-amlodipine tab 40-5 mg</i>		<i>timolol maleate</i>	58
.....	54	<i>timolol maleate (ophth)</i>	114
<i>telmisartan-amlodipine tab 80-10 mg</i>		<i>tinidazole</i>	28
.....	54	TIVICAY.....	31
<i>telmisartan-amlodipine tab 80-5 mg</i>		TIVICAY PD	31
.....	54	<i>tizanidine hcl</i>	80
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide tab</i>		TOBI PODHALER	28
40-12.5 mg	55	TOBRADEX OIN 0.3-0.1%	112
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide tab</i>		<i>tobramycin</i>	28
80-12.5 mg	55	<i>tobramycin (ophth)</i>	113



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

<i>tobramycin sulfate</i>	28	<i>tretinoin</i>	121
<i>tobramycin-dexamethasone ophth</i>		<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	41
<i>susp 0.3-0.1%</i>	112	<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i> .	125
<i>tolterodine tartrate</i>	100	<i>triamcinolone acetonide (topical)</i> .	123
<i>tolvaptan</i>	95	<i>triamterene & hydrochlorothiazide</i>	
<i>tolvaptan tab therapy pack 30 & 15</i>		<i>cap 37.5-25 mg</i>	59
<i>mg</i>	95	<i>triamterene & hydrochlorothiazide</i>	
<i>tolvaptan tab therapy pack 45 & 15</i>		<i>tab 37.5-25 mg</i>	59
<i>mg</i>	95	<i>triamterene & hydrochlorothiazide</i>	
<i>tolvaptan tab therapy pack 60 & 30</i>		<i>tab 75-50 mg</i>	59
<i>mg</i>	95	<i>tridacaine ii</i>	124
<i>tolvaptan tab therapy pack 90 & 30</i>		<i>triderm</i>	123
<i>mg</i>	95	<i>trientine hcl</i>	86
<i>topiramate</i>	74	<i>tri-estarylla</i>	91
<i>toremifene citrate</i>	39	<i>trifluoperazine hcl</i>	70
<i>torpenz</i>	50	<i>trifluridine</i>	113
<i>torsemide</i>	59	<i>trihexyphenidyl hcl</i>	66
TOUJEO MAX SOLOSTAR	85	TRIJARDY XR TAB ER 24HR 10-5-	
TOUJEO SOLOSTAR	85	1000MG	83
TPN ELECTROL INJ	111	TRIJARDY XR TAB ER 24HR 12.5-	
TRADJENTA	83	2.5-1000MG	83
<i>tramadol hcl</i>	26	TRIJARDY XR TAB ER 24HR 25-5-	
<i>tramadol-acetaminophen tab 37.5-</i>		1000MG	83
<i>325 mg</i>	26	TRIJARDY XR TAB ER 24HR 5-2.5-	
<i>trandolapril</i>	53	1000MG	83
<i>tranexamic acid</i>	102	TRIKAFTA PAK 59.5MG	118
<i>tranylcypramine sulfate</i>	64	TRIKAFTA PAK 75MG	118
TRAVASOL INJ 10%	112	TRIKAFTA TAB 100-50-75MG &	
<i>travoprost</i>	114	150MG	118
TRAZIMERA	50	TRIKAFTA TAB 50-25-37.5MG &	
<i>trazodone hcl</i>	65	75MG	118
TRELEGY AER ELLIPTA 100-62.5-25		<i>tri-legest fe</i>	91
MCG	115	<i>tri-linyah</i>	91
TRELEGY AER ELLIPTA 200-62.5-25		<i>tri-lo-estarylla</i>	91
MCG	115	<i>tri-lo-marzia</i>	91
TREMFYA	105	<i>tri-lo-mili</i>	91
TREMFYA INDUCTION PACK FO ..	105	<i>tri-lo-sprintec</i>	91
TREMFYA PEN	105	<i>trimethoprim</i>	28
<i>treprostinil</i>	61	<i>tri-mili</i>	91



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

<i>trimipramine maleate</i>	65	<i>valproic acid</i>	74
TRINTELLIX.....	65	<i>valsartan</i>	55
<i>tri-sprintec</i>	91	<i>valsartan-hydrochlorothiazide tab</i>	
TRIUMEQ PD TAB	32	160-12.5 mg	55
TRIUMEQ TAB.....	32	<i>valsartan-hydrochlorothiazide tab</i>	
<i>tri-vylibra</i>	91	160-25 mg	55
<i>tri-vylibra lo</i>	91	<i>valsartan-hydrochlorothiazide tab</i>	
TROGARZO	31	320-12.5 mg	55
TROPHAMINE INJ 10%.....	112	<i>valsartan-hydrochlorothiazide tab</i>	
<i>tropium chloride</i>	100	320-25 mg	55
TRUE METRIX KIT AIR.....	125	<i>valsartan-hydrochlorothiazide tab</i>	
TRUE METRIX KIT METER	125	80-12.5 mg	55
TRUE METRIX STRIPS	126	VALTOCO 10 MG DOSE	74
TRULICITY	83	VALTOCO 15 MG DOSE	74
TRUMENBA.....	109	VALTOCO 20 MG DOSE	75
TRUQAP	50	VALTOCO 5 MG DOSE.....	74
TRUXIMA	50	<i>valtya 1/35</i>	91
TUKYSA	50	<i>valtya 1/50</i>	91
TURALIO.....	50	<i>vancomycin hcl</i>	28
<i>turqoz</i>	91	VANCOMYCIN INJ 1 GM	28
<i>twice-daily clindamycin phosphate</i>		VANCOMYCIN INJ 500MG	28
(<i>topical</i>)	121	VANCOMYCIN INJ 750MG	28
TWINRIX INJ	109	VANFLYTA.....	50
TYBOST	31	VAQTA.....	109
<i>tydemy</i>	91	<i>varenicline tartrate</i>	81
TYENNE	105	<i>varenicline tartrate tab 11 x 0.5 mg</i>	
TYPHIM VI.....	109	& 42 x 1 mg start pack	81
U		VARIVAX.....	109
UBRELVY	78	VASCEPA	57
<i>unithroid</i>	96	VAXCHORA SUS.....	109
UPTRAVI.....	61	<i>velivet</i>	91
UPTRAVI PACK TAB 200/800.....	61	VELSIPITY.....	105
<i>ursodiol</i>	99	VENCLEXTA.....	50
USTEKINUMAB.....	105	VENCLEXTA TAB START PK.....	50
V		<i>venlafaxine hcl</i>	65
<i>valacyclovir hcl</i>	33	VENTOLIN HFA	117
VALCHLOR	124	VENTOLIN HFA (INSTITUTIONAL	
<i>valganciclovir hcl</i>	33	PACK).....	117
<i>valproate sodium</i>	74	<i>verapamil hcl</i>	58, 59



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

VERQUVO	61	WINREVAIR INJ 45MG	62
VERSACLOZ	70	WINREVAIR INJ 60MG	62
VERZENIO.....	50	<i>wixela inhub</i>	120
<i>vestura</i>	91	<i>wymzya fe</i>	91
<i>vienna</i>	91	WYOST.....	86
<i>vigabatrin</i>	75	X	
<i>vigadrone</i>	75	XALKORI.....	51
VIGAFYDE	75	<i>xarah fe</i>	91
<i>vilazodone hcl</i>	65	XARELTO	101
VIMKUNYA	109	XARELTO STAR TAB 15/20MG.....	101
<i>vincristine sulfate</i>	41	XATMEP.....	106
<i>vinorelbine tartrate</i>	41	XCOPRI	75
<i>viorele</i>	91	XCOPRI PAK 100-150	75
VIRACEPT	31	XCOPRI PAK 12.5-25	75
VIREAD	31	XCOPRI PAK 150-200MG	
VITRAKVI.....	50	(MAINTENANCE)	75
VIVIMUSTA	38	XCOPRI PAK 150-200MG	
VIVITROL.....	81	(TITRATION)	75
VIVOTIF CAP EC.....	109	XCOPRI PAK 50-100MG.....	75
VIZIMPRO	50	XDEMVY	113
VONJO.....	50	XELJANZ.....	105
VOQUEZNA PAK DUAL PAK	99	XELJANZ XR	106
VOQUEZNA PAK TRIP PK	99	<i>xelria fe</i>	92
VORANIGO.....	50, 51	XERMELO	99
<i>voriconazole</i>	29	XHANCE	119
VOSEVI TAB	33	XIFAXAN.....	99
VOWST CAP	99	XIGDUO XR TAB 10-1000	83
VRAYLAR	70	XIGDUO XR TAB 10-500MG	83
<i>vyfemla</i>	91	XIGDUO XR TAB 2.5-1000.....	83
<i>vylibra</i>	91	XIGDUO XR TAB 5-1000MG	83
VYZULTA.....	114	XIGDUO XR TAB 5-500MG.....	83
W		XIIDRA	114
<i>warfarin sodium</i>	101	XOLAIR	119
<i>water for irrigation, sterile irrigation</i>		XOSPATA	51
<i>soln</i>	125	XPOVIO PAK (100 MG ONCE	
WELIREG	41	WEEKLY).....	51
<i>wera</i>	91	XPOVIO PAK (40 MG ONCE WEEKLY)	
WESTAB PLUS TAB 27-1MG	111	51
WINREVAIR.....	62		



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

XPOVIO PAK (40 MG TWICE WEEKLY)	51	<i>zenatane</i>	121
XPOVIO PAK (60 MG ONCE WEEKLY)	51	ZENPEP CAP 10000UNT	99
XPOVIO PAK (60 MG TWICE WEEKLY)	51	ZENPEP CAP 15000UNT	99
XPOVIO PAK (80 MG ONCE WEEKLY)	51	ZENPEP CAP 20000UNT	99
XPOVIO PAK (80 MG TWICE WEEKLY)	51	ZENPEP CAP 25000UNT	99
XTANDI	40	ZENPEP CAP 3000UNIT	99
XTRENBO	86	ZENPEP CAP 40000UNT	99
<i>xulane</i>	92	ZENPEP CAP 5000UNIT	99
XULTOPHY INJ 100/3.6	85	ZENPEP CAP 60000UNT	99
Y		ZERVIATE	114
YESINTEK	106	<i>zidovudine</i>	31
YF-VAX INJ.....	109	<i>ziprasidone hcl</i>	70
YONSA	40	<i>ziprasidone mesylate</i>	70
YUTREPIA	62	ZIRABEV.....	51
<i>yuvafem</i>	92	ZIRGAN	113
Z		<i>zoledronic acid</i>	86
<i>zafemy</i>	92	ZOLINZA	51
<i>zafirlukast</i>	117	<i>zolpidem tartrate</i>	77
ZARXIO	102	ZONISADE	75
ZEGALOGUE	93	<i>zonisamide</i>	75
ZEJULA	51	<i>zovia 1/35</i>	92
ZELBORAF.....	51	ZTALMY	75
<i>zelvysia</i>	95	<i>zumandimine</i>	92
ZEMAIRA	119	ZURZUVAE.....	65
		ZYDELIG.....	51
		ZYKADIA.....	51
		ZYLET SUS 0.5-0.3%.....	112
		ZYPITAMAG.....	56
		ZYPREXA RELPREVV	70



Nếu quý vị có thắc mắc, vui lòng gọi cho Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) theo số (800) 665-3086, (TTY: 711), ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai - Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương. Cuộc gọi này hoàn toàn miễn phí. **Để biết thêm thông tin**, hãy truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.

Molina Medicare Complete Care (HMO D-SNP) Chương trình Medi-Cal của Medicare

Danh mục thuốc này được cập nhật vào ngày 04/01/2026

Để biết thêm thông tin mới nhất hoặc nếu có thắc mắc khác, hãy liên hệ với chúng tôi theo số (800) 665-3086, (TTY: 711) ngày 1 tháng 10 – ngày 31 tháng 3: 7 ngày một tuần, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương, ngày 1 tháng 4 – ngày 30 tháng 9: Thứ Hai – Thứ Sáu, 8 a.m. đến 8 p.m., theo giờ địa phương hoặc truy cập MolinaHealthcare.com/Medicare.